

DC870
V450T

YỄN KHƯỜNG TRUNG

Vô tích sự

Tập Truyện ngắn



Nhà xuất bản
Văn Nghệ



NGUYỄN KHƯƠNG TRUNG

Sinh năm : 1958

Quê quán : Khương Trung

Thanh Xuân - Hà Nội

Hiện sống tại : Bảo Lộc

Lâm Đồng - ĐT : 063. 867433

ĐÃ IN : Đất Đỉnh Gừng

tiểu thuyết

Giải thưởng Văn học Nghệ thuật
năm 2006

Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các
hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam

Vô tích sự

NGUYỄN KHƯƠNG TRUNG

Vô tích sự

Tập truyện ngắn

NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ

TP.HCM - 2007

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

Văn học Việt Nam

Tập truyện ngắn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

PHÒNG GIÁO DỤC

Bông cầm chường dựng nghiêng

Nàng ở lại đây là một sự tình cờ trên đường trốn chạy. Người đàn bà tốt bụng, chung chuyển xe khách năm ấy thương cảm trước nỗi bất hạnh đã khuyên giải, đưa nàng về đây. Rồi thuê nhà trọ, tìm công việc cho nàng. Cả những ngày nàng sinh nở, tấm lòng bao dung ấy đã cư mang, che chở nàng. Ân nhân của nàng thì giàu có, quyền thế gì! Con người ấy chỉ giàu lòng nhân ái. Nhưng. Đời thì có cả thánh thần lẫn ma quỷ. Hắn đã hại đời nàng và vẫn chưa chịu buông tha cho nàng. Hắn đã tìm đến! Hắn đang đe dọa lấy đi niềm yêu thương nhất đời nàng – Bé Hoa! Hắn khơi tung nỗi nhục nhã, rêu rao đủ mọi thứ xấu xa về nàng, đe dọa cả đến

cuộc sống thường nhật của mẹ con nàng. Nàng đang đứng trước nguy cơ phải trốn chạy một lần nữa. Lẽ nào lại thế? Không. Không thể dễ dàng rời bỏ đất này mà đi như thế được. Có lẽ vì lòng tự trọng, cả tự ái nữa. Hấn đã đều giả vượt quá sức chịu đựng của nàng. Vả lại nếu phải đi, nàng cũng chẳng biết đi đâu. Dù nơi đây có là đất khách quê người. Dù phải sống trong cảnh tứ cố vô thân. Nhưng, quên rồi! Giọng ma quỷ vẫn râm rì từ góc phòng, vẫn tiếp tục làm nàng tan nát.

- Nếu không chịu nghe tôi, cô chỉ có nước bán xối khỏi cái đất này. Khi đó, tôi lại mất thêm công tìm kiếm. Còn cứ quanh quẩn ở đây... coi như cô hết đường làm ăn – Hấn nhếch mép, cười đều.

Sao lại thế? Hấn có quyền gì mà được phép đóng cái ách vào cổ nàng. Phá hoại cuộc sống tự do, tự tại của nàng. Hấn chẳng có quyền gì ! Nhưng, nàng cũng chưa biết làm thế nào để thoát ra khỏi sự truy bức đó. Cái lý do duy nhất, nghiệt ngã nhất khiến nàng chưa thể thoát khỏi hấn là đứa con. Hấn đòi con! Sự đều giả có lý của một thằng đàn ông táng tận lương tâm. Một lý do quá “tử tế”, khiến nàng không thể có cơ sở loại bỏ. Đã bao lần nàng úp mặt vào lòng ân nhân của mình nức nở, nhưng tấm lòng nhân ái kia cũng không thể làm gì khác ngoài nguồn thương cảm và an ủi. Đây là chuyện đời tư của nàng. Nàng phải tự giải quyết. Đều giả! Dù có là con

khốn nạn, nàng vẫn hơn cái mặt giả nhân giả nghĩa kia. Niềm kiêu hãnh chột đến. Nàng vươn cao cổ, kiêu hãnh, khốc liệt nhìn hấn như thách thức. Thằng đàn ông chột thấy sự khác lạ, quyết liệt ở người đàn bà đang nước mắt ngấn dài. Nó giật mình, lùi lại. Đây là lần thứ tư, hấn lần ra nơi ở của mẹ con nàng ở chốn này. Mỗi lần hấn đến rồi đi, nàng lại bế con chạy trốn, thuê phòng trọ khác. Có lẽ cũng đã vượt quá sức kiên nhẫn trong việc thực hiện mưu đồ, hay không thể chịu đựng nổi nỗi thèm khát trước nàng. Hấn đã lộ bộ mặt thật. Hấn đều cáng nói thẳng ra rằng không cần con bé, chỉ cần được ngủ với nàng thêm một lần nữa thì hấn “tha”. Nàng quát vào mặt hấn – “Đồ khốn nạn”.

Thực ra đã có nhiều lúc hấn có cái ý nghĩ “tha” cho nàng, nhưng lại thấy tiếc cái nhan sắc ấy. Bản năng nhục dục đang không tha cho hấn. Khi lân la được tin nàng sinh con gái và đang sống ở đây. Hấn tìm đến với ý nghĩ ban đầu là cứ thử đến đó xem sao. Vả lại từ ngày xảy chuyện với nàng, con vợ không biết điều chả mấy khi để hấn được yên. Nó luôn mồm day nghiến, luôn tìm cơ sinh sự và bao giờ cũng kết cái câu – “Ông đi tìm mà ở với con đi ấy! Hai đứa con tôi, tôi nuôi”. Hấn uất lắm. Nhưng vẫn phải im thin thít và tự an ủi rằng: “Chả riêng gì mình, thằng đàn ông nào “ăn vụng” khi bị vợ phát hiện chả phải căm như hấn”. Khi nàng vác cái bụng bầu bỏ đi, sau trận đánh ghen của vợ hấn. Hấn thấy là may

cho hấn quá. Nếu nàng cứ ở đây, rồi sinh nở... hấn không biết rồi những chuyện gì sẽ xảy ra? Hấn rùng mình. Thế mà khi nàng bỏ đi, hấn đã tạm được yên thì lại đi kiếm nàng sinh sự. Kể cũng ngược đời! Thông thường thì những gã họ Sở khi đã được thoả mãn thường tìm cách phủ tay, lẩn trốn, rất sợ người đàn bà bị mình lừa gạt làm to chuyện. Hấn lại đang làm ngược lại. Tìm nàng, sinh sự... Hấn ngu chắc! Chả phải. Hấn đã nghĩ kỹ rồi. Nếu nàng không bỏ đi, dứt khoát hấn sẽ cư xử đúng với “phẩm chất” của những gã họ Sở. Đằng này nàng lại im lặng, bỏ đi xa cả trăm cây số, lặng lẽ nuôi con một mình. Vậy thì ngu gì, hấn không lợi dụng cái khoảng cách kia. Thực ra cái ý nghĩ này chỉ xuất hiện từ ngày hấn gặp lại nàng. Hấn không “cầm lòng” được! Nàng đẹp quá. Đúng là gái một con! Trong mắt hấn, nàng đẹp hơn nhiều so với thời thiếu nữ. Thời thiếu nữ nàng đã tuyệt thế! Bây giờ mà được... hấn nhắm mắt, tưởng tượng trong nỗi mê mèm. Về chừng mực, vừa phải của thiếu phụ sớm bị bất hạnh khiến ánh mắt nàng trở nên điệu vợ, như gần, như xa, như thôi thúc những cuồng vọng của đàn ông. Nàng đầm thắm, duyên dáng đến lạ lùng. Hấn không đủ sức thờ ơ trước nàng. Đây có phải là một trong những nguyên nhân, gây nên nỗi đa truân của kiếp hồng nhan? Thế là cái cơ đòi con, để được chiếm đoạt nàng thêm một lần nữa bùng lên trong hấn. Hấn đang làm cái việc của kẻ “cố đấm ăn xôi”.

- Mẹ con tôi cứ ở đây! Anh định làm gì? Nàng uất ức.

Hắn vẫn lùi, gập ghế thì ngồi xuống, rồi tiện tay với bông cẩm chướng dựa tường, dựng nghiêng nơi góc bàn gần cửa sổ.

- Bỏ bông hoa xuống! Nàng hực lên.

Hắn luống cuống. Rời tay khỏi bông cẩm chướng. Lại lẫm – Làm gì mà dữ thế?

- Cút ngay khỏi đây! Anh không được phép động vào bông hoa ấy. Cút!

Hắn chợt nhớ tới vị trí này của những bông cẩm chướng ở ba căn phòng nàng đã từng thuê, rồi bế con bỏ chạy khi hắn xuất hiện. Không phải cẩm chướng cắm trong chiếc lọ xinh xinh. Hắn chợt hiểu!

Ngày ấy, chính hắn là người thay những bông cẩm chướng trong chiếc lọ xinh xinh của nàng, mỗi khi hoa héo. Hắn đã lịch lãm làm vừa lòng cô tiếp thị của xí nghiệp dược phẩm Bảo Long, đặt văn phòng đại diện trên thị xã. Cô gái yêu hoa cẩm chướng dần dà yêu hắn. Yêu đến độ mang bầu. Yêu đến tận cái ngày vợ hắn xông xộc vào phòng nàng túm tóc đánh ghen, nàng mới biết mình bị lừa gạt. Hắn lặn mất tăm. Nàng đau đớn, sợ hãi không dám về nhà vì sợ làm tổn thương đến danh dự gia đình. Và, cũng chẳng thể nào ở lại cái văn phòng đại diện này nữa.

*

* *

Từ khi có nàng, nơi góc cái bàn duy nhất của thất trà này xuất hiện một bông cắm chướng. Vẫn là bông cắm chướng dựng nghiêng, dựa tường. Đã hai lần, hai bông cắm chướng như vô tình bị người chủ thất dọn khỏi cái chỗ hình như là không dành cho nó. Nàng đến, không nói gì mà chỉ lẳng lẳng dựng nghiêng một bông khác thế vào. Vẫn là nó, một bông cắm chướng trắng, điểm tím. Nàng buồn buồn!

Khách ra vào nơi đây không nhiều. Có thể đó là ý của ông chủ thất. Mà cũng có thể đây là cái địa chỉ chả có gì hấp dẫn với đa số người. Rất nhiều người tới đây có lẽ chỉ vì sự hiếu kỳ nhất thời, chẳng bao giờ thấy họ quay lại. Chốn lao xao bao giờ cũng có sức mời gọi hơn. Một không gian tĩnh, đọc sách, nghe nhạc cổ điển và uống trà mạn hảo bằng chén hạt mít màu gan gà ở thời này nghe ra lạc lõng quá. Vì vậy trụ được ở chốn này, quanh đi quẩn lại có lẽ chỉ còn mấy gã “dở hơi”. Không gian tĩnh, sách và nhạc cổ điển thì tất nhiên do ông chủ thất tạo dựng. Còn trà thì đầu tiên không nhất thiết cứ phải là mạn hảo, nó chỉ “cứ phải” từ khi xuất hiện cái lão nhà văn lèng phèng. Ông chủ thất hình như cũng khoái cái lão “mạn hảo” dở người này, nên chấp nhận sự cung cấp và độc quyền cái loại trà lão tự chế, và cứ khẳng

khăng là mạn hảo cho thất mình. Công bằng mà nói thì cái mạn hảo tự sao của lão cũng không đến nỗi nào. Hương vị trà cũng lao xao như tính khí lão. Dùng nó đâm nghiện nó! Hay ngồi với nhau trong chốn này còn có thêm một ông thầy chùa và ông giáo. Ông thầy chùa thì có vẻ tâm đắc với ý tưởng của ông chủ thất. Ông cho rằng một công chức cỡ sếp trong thời buổi này, mà có tâm tạo dựng một không gian thế này là đáng trọng. Ông giáo thường là người lặng lẽ nhất. Ông thích đọc sách hơn là nghe nhạc và uống trà.

Nàng trở thành trà nhân nơi đây là từ lão nhà văn. Vài cái truyện ngắn in trên báo đã khiến nàng đến với lão. Rồi đến với thất trà. Có điều nàng đến rồi không bỏ đi, như những lời dự đoán ban đầu của ông giáo và ông thầy chùa – “Ngữ người thế kia thì chả chịu vào đây đến lần thứ hai”. Ông thầy chùa và ông giáo, đều rủ rỉ nói vào tai lão nhà văn như thế. Lão chỉ hề hề cười. Nàng giữ lửa, pha trà rất bài bản. Nàng cho rằng mình đã cảm nhận được năm mươi phần trăm của thú uống trà trong lúc pha. Và cũng không quên lời cảm ơn với lão nhà văn – Thầy nàng. Đặc biệt là lúc nàng mời trà. Sự khuôn phép, vẻ điệu vợ của mỹ nhân hầu trà khiến cho mặt các trà nhân trở dạng ngây ngây. Mà lạ lắm! Mỗi lần dâng trà, nàng lại ban tặng cho trà nhân một cảm giác mới lạ, khiến kẻ nhận trà lòng dạ cứ lâng lâng. Chén trà trở nên vô giá! Lão nhà văn cứ xuýt xoa vậy. Lão còn nói

thêm rằng: “ Nghệ thuật mời trà là sáng tạo của nàng. Tôi chịu!” Còn ông chủ thất thì bảo – “Từ khi có nàng, tôi mới tin những điều người ta viết trong sách về thú uống trà là có thật. Các cụ ta ngày xưa thật lịch lãm, sung sướng quá”. Ông giáo thì vẫn im lặng, chăm chỉ đọc sách.

- Nàng là một thách thức với đời!

- A di đà Phật! Ông lại nói theo cái lối văn chương của ông rồi.

- Văn chương cái nỗi gì! Lão nhà văn cãi – Thầy có thấy bông cẩm chướng dựng nghiêng ở góc bàn kia không? Ngẫm nghĩ một chút, rồi thầy sẽ thấy tôi nói không sai.

Đúng, sai, thách thức thế nào của mấy cái lão này, cũng chẳng biết lối nào mà lần. Có điều nàng đang tươi tắn, đang rất đẹp và có rất nhiều người biết đến nàng. Kể thì một cô gái như nàng, được người ta biết tới cũng là lẽ thường tình. Gái đẹp đã là nguyên nhân của sự dòm ngó, nhăm nhe. Nàng lại đang nuôi con một mình. Đây mới là điều đáng bàn! Xưa nay đàn bà nuôi con một mình chả mấy khi được yên, đức hạnh, khôn ngoan đến mấy cũng khó tránh khỏi “điều ong tiếng ve”. Những tai tiếng với đời nhiều lúc cứ vô tình đến như cái sự tình cờ. Loại người này nhà thường đông khách. Lẽ thường khách đến, chủ nhà dù muốn hay không cũng vẫn phải tiếp. Mà, hầu hết những anh lơ xở đến chốn này đều có chung cái dụng tâm đi tìm “của lạ”. Chưa tới nhà người ta mà

bụng dạ đã mang dụng ý rồi! Xơ múi được đôi chút thì chẳng nói làm gì, bởi, điều đó đã cho đời hiểu là người đàn bà kia cũng chẳng “oan”. Nhưng, có những trường hợp chẳng “nước non” mẹ gì, còn bị người ta làm cho bẽ mặt. Gặp kẻ trơ tráo, táng tận thì rất có thể nó sẽ cay cú dựng lên những chuyện “động giời” về tư cách người ta. Oan uổng lắm! Thiệt cho người ta lắm! Đây là chưa kể những chuyện ghen tuông vô lối, chuyện tầm phào của các bà vợ có chồng chuộng “của lạ” trước cái “gai” kia. Rồi cả cái sự xâm xì, nhiều khi đầy ác ý của thiên hạ nữa chứ... Nói chung là búa rìu dư luận, luôn sẵn sàng thường trực quanh những người đàn bà “đặc biệt” này. Rõ là đời đa sự, cứ như thể vô tình làm rối tung cuộc sống của người ta. Đàn bà phải nuôi con một mình cay cực lắm thay! Cái lão nhà văn kia đang bảo nàng là một thách thức với đời đấy. Đã nhiều sự chưa? Kể ra lão cũng là người thẳng thắn. Một lần rút cuốn *Ông già và biển cả* trên giá sách dày dạn của nàng, lão nghiêm trang.

- Sách em chỉ để khoe chứ không đọc!

- Anh nói đúng đấy! Nàng cười tươi tắn – Mà anh thấy có gì sai trái à?

- Không thể đúng được đâu! Lão có vẻ khổ sở.

Nàng nhỏ nhẹ. Với lão bao giờ nàng cũng nhỏ nhẹ, cử chỉ thì cứ như là kẻ đang chịu ơn.

- Sách với em không phải để đọc! Em cần ở nó cái khác. Anh sẽ nghĩ gì, khi bước vào căn phòng có giá sách này? Nghĩ gì về chủ nhân của nó? Nếu em không làm thì đã có một thời gian dài, anh coi em như một “cửa hiểm” thời nay vì còn biết trân trọng sách... - nàng cười! - Tất nhiên em cũng phải tìm cách biết chút ít những điều trong sách. Điều này thì không khó. Chỉ cần để tâm nghe người ta nói về một cuốn nào đó, em có thể góp chuyện về cuốn sách ấy vào những cơ hội khác. Anh đừng nghĩ rằng mấy cái truyện ngắn in báo của anh, em đã đọc rồi nhé. Vậy mà em đã từng nói về nó cho anh nghe. Đúng không! Một nghệ thuật chấm phá tinh tế đấy! Chỉ những cô gái thông minh mới có khả năng làm được. Và nó sẽ đặc biệt thành công, khi cô ấy đẹp. Nàng tím tím – Cả cuốn *Ông già và biển cả* kia nữa, anh có muốn nghe không? Mặc dù em chưa hề đọc.

- Giải! Lão gật gù.

- Anh viết văn mà ngu ngơ thế. Viết gì! Em không thèm lấy tiền của bố con Hoa để nuôi nó. Nhưng, em không xấu hổ khi tìm cách moi những đồng tiền từ túi bọn người tương tự như bố nó. Đấy cũng là một cách đấu tranh đòi lẽ công bằng. Anh đã bao giờ so sánh nhân cách giữa loại người bị đời gọi là con đĩ, với loại cậ quyền chức, chuyên đục khoét công quỹ, tiêu tiền “chùa” chưa? Anh đã thấy chúng nó rửng mỡ trong phòng mát

xa, trong phòng karaôkê bao giờ chưa? Cả những bữa nhậu coi tiền như rác nữa... chúng tiêu những đồng tiền ăn cắp tởm lắm. Anh đừng thấy vẻ đạo mạo bề ngoài, mà nghĩ chúng cao sang. Theo em, những kẻ đó nhân cách chẳng thể so với hạng đi điếm mà xưa nay đời vẫn khinh bỉ. Bởi từ trong tâm, kẻ làm điếm còn biết xấu hổ về nhân cách của mình. Còn loại người kia, trơ trên tới mức không có cả điều ấy - Nàng hậm hực - Kẻ chưa bị lột mặt đục khoét vẫn được xã hội nể trọng, anh thấy đã vô lý chưa? Thật không thể chịu nổi, khi kẻ nhơ nhuốc hơn lại được đời trọng hơn. Công lý còn đâu? Chính chúng nó đang góp phần làm tăng số lượng những con đi điếm. Chính chúng là một trong những nguyên nhân biến con gái người ta thành đi điếm đấy - Nàng nói một thôi một hồi, như trút sự uất ức vào lão nhà văn.

- Bây giờ thì chắc anh hiểu vì sao em không đọc, mà chỉ cần có sách để trưng rồi chứ! Cũng phải "trí thức" chứ! "Một đồng một cốt" cả thôi! Nàng cười mai mỉa - Bản thiú, rỗng tuếch thì phải kiếm cách mà phủ đi chứ.

- Thế em quen anh để làm gì? Lão nhà văn có vẻ ấm ớ.

- Anh á! Nàng cười khanh khách - Anh thì chả có gì ngoài cái danh hã. Nhưng không phải là cái "hã" của lũ kia đâu nhé. Hai cái "hã" ấy không thể bị đánh đồng. Ấy nhưng cái hã của anh lại cần cho lũ kia. Em đã nói chúng

nó bắn thiu, thì phải tìm cái gì sạch sẽ mà phủ lên mà. Bạn của ông nhà văn chả là “oách” lắm sao? Còn em thì qua anh, cũng trở thành “bạn” của khối thằng như thế. Em cần ở anh điều ấy đấy! Ngưng một lát, nàng tiếp:

- Anh viết lách cũng nên biết điều này, đàn bà là chiếc chìa khoá vạn năng! Nó sẽ mở được tất cả các cửa, nếu muốn, kể cả cửa lên thiên đường hay xuống địa ngục. Nàng nhỏ nhẹ lại – Điều em cảm ơn nhất là nhờ anh, em có được cảm giác yên ổn, mỗi khi ngồi bên chén trà trong thất. Nhờ anh mà em cảm nhận được cái thú khi pha trà. Em tìm vào cõi ấy để mình được lắng xuống, được ngẫm nghĩ, ru mình về trạng thái cân bằng. Điều đó với em quý giá lắm! Anh hiểu không? Em chỉ buồn vì sự có mặt của em, đã khiến ông thầy chùa không còn đến thất nữa. Nhưng kệ! Hạnh phúc ở đời chẳng là sự co kéo thì là gì!

- Sống thế có bền được không? Lão nhà văn lắm bả.

- Bé Hoa sẽ là phiên bản của em! Nhưng là một phiên bản tuyệt vời. Em sẽ làm tất cả vì điều đó. Rồi anh sẽ thấy! Còn bền ư? Bền chứ! Đã qua rồi thời kỳ nhiều lần em phải đi bán máu, để lấy tiền nuôi con. Anh không thấy em là một thợ thêu giỏi à. Người ta đang khen em đã thể hiện đúng thần thái cặp mắt người đàn bà, trong bức kiệt tác *Người đàn bà xa lạ* của Ivan KramxKôi đấy. Cả bức tranh đám cưới chuột kia nữa. Trong vẻ khúm

núm của con chuột có nhiệm vụ đút lót cho sự bình yên của đám cưới, còn le lói được lòng hận thù truyền kiếp của dòng giống nó với mèo. Người ta bảo đấy là nét sáng tạo của em đây! Thế thì phải bền chứ! Em đủ sức tạo dựng một cuộc đời đẹp để cho bé Hoa trong mọi hoàn cảnh. Nàng bỗng hạ giọng, thủ thỉ như nói với chính mình – “Em giờ đây thì còn ra cái gì! Còn gì nữa ngoài bé Hoa!” Ngừng một lát, bỗng nàng nói như reo:

- Đúng rồi! Thế này thì thằng đểu kia từ nay đừng hòng đe dọa được mẹ con em.

Lão nhà văn ngẩn ra, chả còn hiểu gì.

Và cũng chẳng lâu sau, ngay trong căn phòng này, lão được thấy tận mắt thằng Kháng “cá”, nện thằng kia một trận nhừ tử, quất lớn:

- Cút mẹ mày đi! Từ nay còn bèn bảng đến đây thì biết tay ông.

Bảo Lộc tháng 8/ 2005.

Hóa giải

Chứng Thực Số 9

U.B.H.C Thị xã Thái bình.

Chứng Thực Anh Nguyễn Văn Chương

Sinh Năm 1950 Trú quán tại số Nhà

80- Lý Thường Kiệt Thị xã T/Bình.

Thành phần gia đình dân Nghèo.

- Ông nội làm đồ Nho chết trước CM

- Bố đẻ trước CM chữa ô tô K.C về Thị Xã Buôn. địch bắt Vợ chạy cho ra, Nay buôn quà bánh. Cậu Ruột DK địch bắn chết Trong Khi làm Nhiệm vụ được suy tôn là liệt Sỹ.

- Năm 1963 – 1964 gia đình buôn bán cá Thẻ đầu cơ buôn lậu bị bắt quả tang. lúc Thị Xã tiến hành đợt Vận động tiểu Thương chuyển Sang Sản Xuất, Gia đình Anh chương Không Nghiêm Chỉnh Chấp Hành Chính Sách. đoàn

cán bộ cải tạo của Thị Xã và Cán bộ Tỉnh Than gia đến Vận động.

Bố anh chương là ng: Văn Đông: đã chửi “ chế độ này là Chế độ ăn mày” gia đình từ trước tới nay Vẫn buôn bán cá thể. đầu Cơ o/ chính đáng Thái độ đối Với Dân Không tốt, Nhiều Người ghét.

Có 7 em Còn nhỏ. Bản Thân mới lớn nên trong hòa bình Chuyên đi Học tư cách đạo đức tốt là 1 trong Số ba em học sinh giỏi toán của trường

Căn cứ Vào lịch sử của gia đình và Thái độ chấp Hành chính Sách không tốt.

Song Chiếu Cố anh chương là Học sinh giỏi toán UBHC Thị Xã đề Nghị với ban tuyển sinh tỉnh cho đi Học đại Học Ngành ít quan trọng.

Thị Xã Ngày 26 – 8 – 68

UBHC Thị Xã.

C hữ ký thì tôi không sao dịch ra được. Tôi run lên. Dư âm của những năm tháng cũ tràn về, nhấn chìm tôi.

...

Rét thấu xương. Mưa dầm đã cả tháng. Tôi kiên nhẫn theo sự chỉ dẫn của U, khi trông coi siêu thuốc bắc cho bố. U đã phải về quê rồi! Chiều qua tôi đã đi cùng U đến

tận cuối tỉnh. U dặn dò tôi bao nhiêu là việc. U bảo là đang lúc “nước sôi lửa bỏng” thế này, cứ để U về đã. Liệu liệu rồi U sẽ lên. U khóc! Tôi cũng khóc! U quàng lại khăn phủ la, kéo lại quần áo cho tôi. Một tay siết chặt quai, U xốc lại cái bị cói trên vai. Tôi chờ dẫn nhìn theo cái dáng lùn củn, dầm dề trong mưa của U qua lần áo tôi. Ruột gan tôi quặn lên. Mọi việc trong nhà bây giờ hầu như chỉ còn trông vào một mình tôi, thằng anh chưa kịp lớn của bảy đứa em. Bố thì nằm liệt giường đã mấy tháng nay, năm nào bố tôi cũng ốm, ốm vì đau đầu từ lúc thời tiết mới chớm hạ. Năm nay thì ác quá, trận ốm của ông đã kéo ra đến quá nửa mùa đông. Không biết bố tôi có qua được, như lời U sụt sịt nói trước lúc phải về quê không? Mẹ tôi thì đã mấy lần ôm mặt khóc, khi vừa trút gánh hàng quà ngoài sân, chạy đến bên giường bố. Chúng tôi sợ lắm! Tôi kê lại siêu thuốc. Cảm giác làm chưa đúng được như U dặn cứ bám riết, khiến tôi không yên tâm. Lò than dấm thế này có lẽ được rồi, giống U rồi. Mặt lò không một vết nứt, bóng một màu than mỡ, đen huyền. Giữa lò được thông một lỗ to bằng quả nhót, lửa đỏ lịm, sâu hun hút đến tận đáy, hơi lửa từ lỗ thông cuộn lên, tỏa đều đặn, khiến siêu thuốc chỉ râm rỉ sôi. Có lẽ đúng rồi đây!

- Chiều nay không đi học hử Chương? Bác Châu bên hàng xóm đã đến bên tôi từ lúc nào.

- Dạ... cháu đang sắc thuốc.

- U Chương về quê rồi hả? Chiều cháu học bồi dưỡng học sinh giỏi toán phải không?

- Cháu...

- Từ chiều mai để thuốc đấy, các bác sẽ thay nhau sắc giúp cho, cả mấy đứa em và bố mày nữa, để đấy các bác trông giùm cả cho. Không được bỏ bồi dưỡng học sinh giỏi nữa, nghe không. Giá thằng Thức nhà bác cũng học giỏi, ngoan được như cháu. Ôi dào!

- Nhưng các bác... với lại, U cháu dặn đợi bác Sáu cháu xuống mới được đi học cơ ạ.

- Biết rồi! Chúng tôi khắc sắp xếp được công việc, anh chả phải lo. Tôi sẽ bảo mẹ anh cứ yên tâm buôn bán mà kiếm gạo. Phố này, ai lạ gì hoàn cảnh nhà anh. Rõ khổ! Bao giờ bác anh xuống hăng hay. Thế đã đánh điện cho bác anh chưa?

Điện thì u con tôi đã đánh cho bác tôi từ mấy hôm trước rồi. Hôm ấy ở bưu điện người ta cũng quát U, U chỉ vâng dạ nho nhỏ và rơm rớm nước mắt. Sao dạo này có nhiều người quát U tôi thế, mà lại toàn những người còn trẻ tuổi. Chị bưu điện xinh thế mà cau có, gắt lên: "Sao lại đánh dây thép, cái bà này."

- Có chuyện gì thế? - Anh nhân viên ngồi gần đấy hỏi với sang.

- Báo cáo đồng chí Sắc, bà này vẫn gọi là đánh dây thép, rõ là quen cái lối nói theo bọn thực dân phong kiến.

Anh bưu điện nhìn u con tôi – “Người ở nhà bà Đông bán phở, buôn lậu ở đường Lý Thường Kiệt phải không? Bà này thành phần cơ bản, bần cố nông, con trai còn là chiến sỹ Điện Biên cơ đấy. Mà sao bà không theo tiếng gọi của Đảng, tấy chay, xóa bỏ bọn gian thương, bọn buôn bán cá thể đi mà cứ đi ở cho nhà ấy mãi thế.”

- Dạ, bác nói thế phải tội, tôi với mẹ Đông nó coi nhau như chị em từ hồi còn kháng chiến chín năm, các cháu dây đều gọi tôi là U. Khó khăn thì chị em nương tựa vào nhau, chứ có kẻ ăn người ở gì đâu ạ. Tôi đánh xong cái dây thép... à... à, cái điện, cho bác cháu ở Hà Nội xuống là cũng phải về quê lo mùa màng ngay. Mẹ cháu bây giờ đã chấp hành chính sách, vào tổ hợp tác tiểu thương của khu phố chứ không dám làm ăn cá thể nữa đâu ạ.

- Bà này rõ là ăn phải bả của bọn con buôn, cứ là bệnh chằm chặp. Con mẹ Đông ở cái thị xã này thì ai lạ gì! Bún phở, rượu lậu, ngày nào nó chả vi phạm chế độ lương thực của nhà nước. Buôn lậu cỡ nó mới nuôi nổi lũ con ăn học và ông chồng đau ốm quanh năm chứ. Tôi bảo thật nhá, bà xa nhanh chỗ tối ấy ra, kéo lại mất cái thành phần cơ bản, còn làm ảnh hưởng đến anh chiến sỹ Điện Biên con giai bà nữa đấy. Này, cái anh chiến sỹ

Điện Biên kể cũng lạ. Thành phần gia đình cơ bản là thế. Độc lập rồi, sắp hoàn thành công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa, tiến lên chủ nghĩa cộng sản đến nơi rồi, sao cứ để bu mình đi ở cho cái nhà ấy mãi thế. Lạ thật! Anh nhân viên bưu điện nói một thôi một hồi.

- Vâng, tôi hiểu rồi! U rơm rớm nước mắt. – “Anh chị làm ơn cho tôi đánh cái điện cho bác cháu ở Hà Nội.”

- Đánh điện chứ không phải đánh dây thép, bà nhắc lại đi. Chị nhân viên trẻ đẹp cau có nói.

- Vâng, tôi đã nói là đánh điện rồi dây thôi.

- Tôi bảo bà nhắc lại là muốn tốt cho bà, muốn bà quên hẳn cái thói quen nói theo lối bọn thực dân phong kiến ấy đi, bà hiểu chưa? Bà cũng nên nghe đồng chí Sắc mà về quê ngay đi, đừng có ở mãi cái nhà ấy, hư người.

- Vâng! Cho tôi đánh cái điện đi Hà Nội. U tôi lại nhỏ nhẹ trong nước mắt.

- Sao U lại để người ta nói thế? Tôi giận dữ với U trên đường về.

- Người ta là người nhà nước, nhin đi con.

- Thế anh Luân nhà mình cũng là người nhà nước hả U?

- Ừ, anh Luân cũng là người nhà nước.

- Thảo nào!

Tối ấy cả U và mẹ tôi đều phải khóc trước sự gay gắt, quyết liệt của anh Luân. Anh không cho U và mẹ tôi phân trần, anh nói cũng tựa tựa cái giọng của anh Sắc nhân viên bưu điện, nhưng gay gắt hơn nhiều. Có lẽ vì anh là con trai U, là chiến sỹ giải phóng Điện Biên; là người mà như anh Sắc bưu điện đã nói, nếu không thận trọng thì có khi chỉ vì bu mình, cái lý lịch trong sáng của anh có cơ bị hoen ố.

- Sao bu dở hơi thế. Bu và cô Trâm thì chị em làm sao được! Nhà mình thành phần bần cố nông. Cơ bản! Còn... mà tôi cũng cấm mọi người ở đây gọi bu tôi là U Chương. Nghe chưa!

- Vâng! Có lẽ vì quý tôi mà U nói vậy, chứ chúng tôi đâu dám. Mẹ tôi nhỏ nhẹ.

- Quý! Cô là cái hạng xảo quyệt, hạng bóc lột. Cô đã biến bu tôi thành con ở cho nhà cô bao nhiêu năm nay? Tôi thì lạ gì cái miệng lưỡi con buôn của nhà cô.

- Anh!... Mẹ vừa lên tiếng, thì U tôi đã nói át đi.

- Luân! anh không được ăn nói thế. Bu và mẹ Đông nó coi nhau như chị em, từ cái ngày cô chú ấy chạy tản cư về làng Ô Mễ. Bố anh mất sớm. Anh thì thăm thăm trên Việt Bắc, bu một thân một mình, những lúc vui buồn, những khi trái gió giở giời cũng một tay cô chú ấy lo cho đấy. Những lúc ấy, bu có nhờ anh được không?

Anh phải thấy cái ơn của người ta, mới ra con người chứ. Lũ trẻ này một tay bu chăm bẵm từ khi chúng nó còn đỏ hỏn. Bu coi chúng nó như con. Mặc mớ gì mà anh cấm chúng nó gọi tôi là U? Hả? Chị em tôi khó khăn thì thương lấy nhau, nương tựa vào nhau. Ân nghĩa sâu dày! Anh không còn hiểu được cả cái lẽ “Nhiều điều phủ lấy giá gương” của ông cha mình nữa à?

- Bu đừng có lý sự ! Tôi hỏi lại một lần nữa, bu có chịu về quê lo cấy hái không? Không, tôi sẽ báo chính quyền, gõ cổ cái nhà còn rơi rớt tư tưởng của bọn thực dân phong kiến này lại đấy.

- Thôi! Tôi xin anh! Tôi lạy anh! Tôi về. Nhưng anh cũng thư thư cho vài ngày, để chúng tôi đánh dây thép gọi bác cháu xuống lo thuốc thang không thì ông ấy chết mất. Còn lũ trẻ nữa, anh thấy đấy, cô ấy thì đầu tắt mặt tối suốt ngày nơi hàng quán, chạy gạo từng bữa cho bằng ấy cái “tàu há mồm.” Chồng ốm, con đông thế này, biết trông cậy vào đâu? “Sung sướng” quá em ơi! U tôi sụt sịt

- Anh thư thư cho chúng tôi vài ngày, anh nhá!

- Bu đừng có biện bạch lý do, lý trấu, ngày mai bu không có mặt ở nhà là tôi báo chính quyền đấy. Lúc ấy, đừng có trách là tôi không nói trước.

Anh Luân nói như quát, rồi hăm hăm bước ra khỏi nhà.

Ngôi nhà bán phở số tám mươi, phố Lý Thường Kiệt

của gia đình tôi được trưng dụng thành cửa hàng ăn uống số hai, hợp tác xã tiểu thương khu Trần Phú. Mẹ tôi được bầu làm tổ phó. Anh em tôi được chuyển đi, ở tạm một gian, trong dãy nhà của bà địa chủ Lan Than mà khu phố đang tạm thời quản chế. Xã viên cửa hàng là mười một người, cả những bà bán hàng rong, bán xôi sáng cũng được tập trung học tập ngắn ngày; được vận động xóa bỏ lối làm ăn cá thể, tiến tới tập thể hoá, xây dựng xã hội mới, con người mới xã hội chủ nghĩa. Cơm áo của mười một hộ gia đình, bỗng đứng trông cả vào đây. Lượng khách thì cứ thưa dần, thưa vì quà không ngon, thưa vì sự đón tiếp luộm thuộm của mười một con người, được ghép vào với nhau theo cái lối ông chằng bà chuộc. Ấy vậy nhưng cũng chẳng ai dám bỏ hợp tác xã. Được học tập rồi, bỏ, chẳng hóa ra là chống lại sự tiến lên của xã hội mới à? Vậy họa có là bọn gián điệp phản động. Những cái ngáp vặt trong ngày, của xã viên cửa hàng ăn uống cứ tăng mãi lên.

– Tôi chỉ ăn phở của bà Đông, chứ không ăn cái thứ phở hợp tác xã này.

Nhiều ông khách quen của nhà tôi ngày trước quất lên thế, rồi tức tối bỏ đi. Thực ra phở nhà tôi nổi tiếng ở thị xã này cũng lâu rồi, thời nào thì cũng có nhiều người sành ăn, sành uống; nhiều ông lắm tiền quen thói phách lối, cũng chả trách người ta được. Mười một gia đình của

cái cửa hàng hợp tác xã ăn uống này, đang có nguy cơ bị đóng. Nhà tôi lại càng nguy, bởi nhà tôi đông miệng ăn nhất, bố lại đang cần thuốc thang, tẩm bổ. Tôi là con cả trong gia đình nghèo, nên có phần khôn trước tuổi. Tôi lo lắng! Một lần rụt rè, tôi nói với mẹ:

- Mẹ cho con thôi học, con lên chùa Bứa gánh đất thuê, lấy tiền thuốc thang cho bố, mẹ nhé!

- Không được thế! Mẹ nắc lên – Con học giỏi, con đang là niềm tự hào của cả nhà. Dù thế nào con cũng không được bỏ học. Nhớ chưa. Mẹ rầu rĩ : Có học mới nên người con ạ. Con phải cố lên, còn làm gương cho các em nó noi theo nữa chứ. Ông nội, ông ngoại con ngày trước đều nổi tiếng hay chữ, là những ông đồ làng ta đấy, con cố mà theo các ông.

- Thế mình phải làm thế nào mà sống được hở mẹ?

- Đấy không phải là việc của con! Mẹ tôi gắt lên, bỏ đi, để mặc tôi đứng trơ ra đó.

Bác Sáu tôi đã xuống! Nhận được điện là bác quãng hết công việc, xuống ngay. Bố tôi vẫn chưa đỡ.

- Sao cậu xanh dờn như tàu lá thế này! Bác khóc! – Về ngay. Xong dặn này cậu phải về quê ngay. Bác hạ giọng – Về còn có chị, có em. Cậu ạ! Rõ đã khổ chưa. Giời ơi! Có mỗi thằng em giai mà tự đứng lại cách sông cách núi thế này hở giời!

Mẹ cúi mặt như người có lỗi. Ngày đưa nhau xuống đây, có lẽ bố mẹ tôi cũng không nghĩ là lại ở nơi đất khách quê người lâu đến thế này. Tám mặt con rồi, đường về quê cứ ngày mỗi khó, mỗi xa. Bác xuống, mẹ lại trào nổi nhớ quê, mắt mẹ dần dần ướt. – “Cô Nghinh Con gửi quà cho mẹ đây.” Bác đưa cho mẹ một bọc áo mưa được chằng buộc chặt chẽ.

Bác Nghinh Con! Những lời mẹ kể về quê hương lại dậy lên trong tôi. Bác là dâu trưởng bên họ ngoại tôi, góa bụa ngay trong ngày cưới chồng, son sắt được như bác cũng chỉ có một. Bác cùng trung đội tự vệ thành Hà Nội với bố tôi trong những ngày quyết tử thủ đô. Cái đêm bố tôi bị thương ở đầu đường Khâm Thiên, một mình bác luôn lách, bảo đảm thông tin liên lạc cho cả trung đội. Bác bảo, quả lựu đạn đường Khâm Thiên đêm ấy, đã làm cho bố tôi mất sức khỏe, ốm đau quanh năm như bây giờ. Mẹ ngậm ngùi xác nhận. Mẹ bảo mẹ thương nhất bà ngoại. Bà đã có ba người con trai khôn lớn, trưởng thành, nhưng cứ một mực buộc vào mình cái tội không làm tròn bổn phận dâu con dòng họ Phạm Xuân; dòng họ Phạm Xuân đến nỗi phải tuyệt tự, tội bà lớn lắm! Bà day dứt đến độ, khi chết, không ai có thể giúp bà nhắm được đôi mắt. Mẹ tôi đau lòng lắm! Mẹ bảo, con trai bà đều là những người quả cảm, đặc biệt là cậu Thụ. Tôi cứ tưởng tượng hình ảnh cậu tôi từ trong lùm cây nhảy ra, dí súng vào bụng thằng Tây lùn mà mê cả người. Rồi

cậu lập kế hoạch, bắt sống hai thằng Tây giữa ban ngày ban mặt ngay trong làng. Cậu tôi cũng bị địch bắt ngay trong ngày hôm ấy, và không bao giờ cậu trở về được nữa. Cậu đi, đã dập tắt niềm hy vọng cuối cùng của bà về người nối dõi tông đường dòng họ Phạm Xuân. Đau đớn, chẳng bao lâu bà cũng đi theo cậu. Mẹ bảo, cậu con tiếng là liệt sỹ, nhưng có được hưởng chính sách chế độ gì đâu!

- Nghe nói cậu mợ có U Chương tốt lắm. Thế U đâu?

- Dạ! U cháu mới phải về quê rồi ạ. Mẹ tôi thưa.

- Đang lúc này thì lại bỏ về quê. Tốt cái nỗi gì! Mà phải thôi, người ta thì máu mủ ruột rà gì với mình mà người ta xót.

- Dạ! Không phải thế đâu ạ. Tôi cất tiếng bênh U.

- Mà trẻ con, biết gì mà nói. Bác tôi gắt lên. Quay sang mẹ, bác hạ giọng – Nào! Hết cái bận ốm đau này, cậu mợ quyết định về quê chứ. Đất cát ông bà dành cho cậu mợ còn cả đấy. Về thôi các em, đất khách quê người sống mãi thế nào được.

- Bác để thư thư rồi nhà em tính. Bố tôi nói nhất gừng.

- Còn phải tính toán nỗi gì? Cậu thấy vẫn chưa đủ khổ à!

- Em nghe nói thằng Mỹ nó rục rịch ném bom Miền Bắc. Lại chiến tranh, lại tàn cư sơ tán, về Hà Nội lúc này làm sao được hở bác. Mẹ tôi nói chỉ đủ nghe.

- Loạn lạc mãi, không biết có còn sống nổi nữa không? Bác tôi thở dài. – Cứ cái cửa hàng ăn uống ế ẩm, với cả một đồng người như thế, liệu cậu mợ có nuôi nổi lũ con không?

- Em cũng đã tính rồi. Mẹ tôi nói - Hợp tác thì không bỏ được, nhưng hợp tác chỉ bán ban ngày. Buổi tối, em nấu nồi cháo gà bán ở cửa rạp hát Kiến Thiết, chắc chúng em cũng lần hồi qua ngày được.

- Mẹ nó không làm thế được đâu. Làm thế là vi phạm chính sách lương thực của nhà nước đấy - Bố tôi run run lên tiếng.

- Không làm thế thì ngồi nhìn lũ con cậu chết đói à? Cái cậu này. Mợ cứ làm đi. Việc này không thể nghe theo cậu ý.

Có bác, công việc nhà đã trở lại ổn định như những ngày U tôi còn ở đây. Có lẽ còn hơn, vì bác quản lũ em tôi nghiêm ngặt lắm, đứa nào đứa ấy là cứ phải một phép chữ chả dám lơ mơ. Nồi cá kho của bác thì ba phần bã chè, một phần cá. Bác ngồi đầu nồi, lũ em tôi là cứ ngoan ngoãn xơi cơm với bã chè kho, chứ chả đứa nào dám nho nhoe gì. Có bác, bác Châu và mấy bác hàng

xóm không còn phải thay nhau sang giúp đỡ gia đình tôi nữa. Bác tôi cảm ơn, bác Châu bảo: “Bán anh em xa, mua láng giềng gần bác ơi. Cô chú Đông hiền lành, lũ con thì ngoan mà học giỏi nhất cái phố này đấy bác ạ.” Tôi cũng có thêm thời gian cho bài vở. Ngày thi học sinh giỏi toán toàn Miền Bắc cũng đã kề cận. Tôi lo lắm!

Bác và mẹ tôi đã “quyết một phen vi phạm chính sách lương thực của nhà nước.” Một hôm mẹ xách về đôi gà, bảo tôi làm rồi luộc lên để đấy. – “Con cứ để đấy, trưa mẹ tranh thủ về rồi mẹ tính.” Mẹ nói vội, rồi te tái chạy ra cửa hàng hợp tác xã. Đôi gà đối với tôi thì chẳng nhằm nhò gì, tôi làm chỉ nhóáy cái là xong. Ngày còn hiệu phở ở số nhà tám mươi, cả hai chục con gà tôi cũng chỉ làm một lúc là xong. Tôi chỉ lo cho mẹ.

- Mẹ nó cẩn thận, tôi thấy thế kia thì nguy hiểm lắm! Bố tôi rên lên. Bác tôi cũng nói: “Cẩn thận! Nguy hiểm đấy mẹ Đông.” Mẹ tôi đã cất gánh, cười – “Không sao đâu! Mọi người đừng lo. Tôi đi đây.” Tôi xách cái chậu rửa bát, cái đèn dầu, đi gần như chạy mới theo kịp mẹ. Trời đã nhá nhem tối. Ánh lửa trong lò than hồng rực, từ gánh hàng của mẹ hắt lên, dáng mẹ cúi về phía trước. Chiếc đòn gánh kiên nhẫn kéo kẹt theo nhịp bước dồn của mẹ. Tôi sợ quá! Phía trước và phía sau mẹ tôi, cái gánh hàng đang đè nặng trên vai mẹ toàn là dầu sôi, lửa bỏng. Một lò than hồng, một nồi cháo xình xịch sôi phía

trên. Rồi rửa bát, rửa gà, mấy cái ghế con... Mẹ chất tất cả những thứ nguy hiểm ấy lên đôi quang, ghé vai vào, kiên quyết cất lên để kiểm tiền thuốc thang cho chồng, cho chúng tôi ăn học. Thế kia thì chỉ một nhịp lỡ chân, một cái vấp thì cả khối nguy hiểm kia sẽ trùn lên mẹ. Mẹ ơi!

- Cháo gà bà Đông, cửa rạp hát Kiến Thiết ấy. Tuyệt!

- Thật không? Thế bà ấy bỏ cửa hàng ăn uống hợp tác xã rồi à?

- Bố thằng nào dám bỏ! Vẫn phải hợp tác hợp te. Bà ấy chỉ bán thêm cháo vào buổi tối.

- Có thể chứ!

Những khách quen của nhà tôi ngày trước, đã rủ tai nhau đến hàng cháo mẹ tôi đông lắm. Tôi và cô em gái giáp tôi cứ lẫn ra mà rửa bát, xé thịt cho mẹ cũng không kịp. Được hơn một tuần thì bà Hiền, bên ban quản lý thị trường của thị xã đến hàng mẹ. Mẹ tôi sợ tái cả mặt, mẹ làm bát cháo thật chặt rõ ngon, mời bà.

- Chị thương em, không thì nhà em đến chết đói mất. Em vẫn làm trong hợp tác, chỉ dám bán thêm buổi tối, kiếm chút cháo loãng cho các cháu thôi ạ.

- Biết rồi! Bà Hiền vừa ăn, vừa nói - Tôi không thương cô, không nói đỡ cho thì cô còn ngồi thế này được à?

Nhưng cô cũng phải cẩn thận, có đợt là người ta hốt hết đấy.

- Vâng! Thôi thì trăm sự em nhờ cả vào chị. Chị thương lấy các cháu.

- Bao giờ thấy tôi “đánh tiếng,” thì phải nghỉ đi mấy ngày, nghe chưa. Bà Hiền nói nhỏ.

- Vâng! Em xin đội ơn chị. Mẹ tôi về vậ.

Đêm ấy mẹ mừng lắm, khoe với bác và bố tôi. Bác tôi cũng mừng. Bố thì bảo: “Tôi vẫn lo lắm, làm thế là vi phạm chính sách nhà nước đấy mẹ nó ạ.”

- Cái cậu này! Bác tôi lườm bố.

Tôi đã đạt giải, trong kỳ thi học sinh giỏi toán lớp mười toàn Miền Bắc. Kết quả này khiến chính tôi cũng ngỡ ngàng. Sự vui mừng của nhà tôi thì khỏi phải nói rồi. Mẹ ôm mặt, rồi ôm lấy tôi khóc trong sung sướng. Mẹ bảo, con trai mẹ nổi được cái tiếng hay chữ của ông nội, ông ngoại rồi. Bố tôi gượng dậy, lặng lẽ đến bàn thờ thắp hương khấn vái. Bác Sáu thì thưởng cho tôi cây bút Trường Sơn màu đen, mới cứng cựa. Hàng xóm láng giềng sang nhà tôi đông lắm, ai cũng xuýt xoa khen, mừng cho tôi. Thầy hiệu trưởng, thầy giáo chủ nhiệm cũng đến tận nhà mừng cho tôi, động viên bố mẹ tôi. Thầy bảo tôi đã mang vinh quang về cho nhà trường, tôi là niềm hãnh diện của trường... Thầy bảo, theo tiêu chuẩn,

tôi sẽ được đi đào tạo bậc đại học ở nước ngoài, thầy sẽ gửi hồ sơ của tôi và đơn đề nghị của trường lên Bộ Giáo dục ngay. Bố mẹ tôi đúng là chỉ còn biết nói mỗi cái câu: Ờn thầy! Tối ấy mẹ tôi nghỉ bán cháo, mẹ thổi xôi gà cúng tổ tiên và đãi cả nhà.

Rồi cái gánh cháo lậu của mẹ tôi, cũng bị ban quản lý thị trường bắt. Hình như là bà Hiền đã không kịp “đánh tiếng” cho mẹ. Cái biên bản phạm pháp quả tang là một gánh cháo gà, và một lít rượu lậu. Mẹ điếm chỉ vào, vì mẹ không biết chữ. Toàn bộ tang vật phạm pháp quả tang đều bị tịch thu. Cũng không thể ngồi đấy mà nhìn lũ con bị đói, mẹ tôi vẫn dấm dúi bán cháo lậu, nhưng nà lui vào mãi trong một ngõ sâu.

Rồi ngày vui cũng đến. Giấy gọi vào một trường đại học ở nước Nga – Liên Xô của tôi đã về đến ban tuyển sinh thị xã. Thầy hiệu trưởng tìm đến tận nơi gia đình tôi sơ tán, báo tin. (Lúc này giặc Mỹ đã ném bom bắn phá Miền Bắc). Tôi mừng quá, vội vàng lên ban tuyển sinh. Ông Bình trưởng ban niềm nở tiếp, chúc mừng tôi. – “Giấy gọi của cháu đến đây rồi, bác đang định chuyển cho cháu thì bên ủy ban hành chính thị xã họ qua cầm lại. Chắc họ muốn xác minh lại điều gì. Nhưng cháu đừng lo. Không sao đâu! Mấy hôm nữa bác sẽ chuyển đến tận nhà cho.”

Tôi về. Cả nhà tôi sống trong tâm trạng chờ đợi.

Không biết nghe ai, mấy hôm sau mẹ tôi xách đôi gà trống thiến đến nhà ông Bình. Ông vẫn niềm nở, động viên mẹ. Ông còn dặn đi dặn lại mẹ là đừng có lo lắng, học giỏi như tôi thì trước sau gì cũng được đi đại học. Mẹ về có vẻ vui... Rồi, một lần nữa mẹ lại xách gà, đeo bị cam đến nhà ông phó chủ tịch thị xã. Nghe mẹ trình bày, ông cau mặt: "Làm gì có chuyện đó! Làm gì có cái chuyện giữ con chị, để thay vào đấy con một vị bên ủy ban tỉnh. Kẻ nào dám nói thế với chị? Chế độ ta là chế độ tốt đẹp. Chị đừng có nghe bọn gián điệp, phản động nó phao tin đồn nhảm, nói xấu chế độ. Phải giữ vững lập trường cách mạng chứ. Chị cứ yên tâm, về đi. Chúng tôi cần xác minh lại một số vấn đề, trước khi chuyển giấy gọi cho cháu."

Cả nhà tôi lại sống trong tâm trạng khắc khoải, chờ đợi.

*

* *

Thằng em thứ năm của tôi từ Tây Nguyên về. Nó cứ xuýt xoa mừng, vì tôi đã thực hiện được nguyện ước của bố mẹ - Đã về được quê! Chú em tôi vất vả nhất nhà, nó cứ long đong mãi, rồi định cư tí tặn Tây Nguyên. Ngày mẹ mất, mẹ cứ khắc khoải rằng nó làm có đủ ăn không? Tôi thương nó lắm! Thằng này có cái tật thích sống trong kỷ niệm, nó lục lọi hòm cũ, xem hết cái này đến cái

khác. Tôi mặc nó, ngồi xem lại giáo án của bài giảng ngày mai.

- Anh dạy học dễ đến gần nửa thế kỷ rồi đấy nhỉ?

- Mới có ba mươi tư năm. Chú mày! Bốn năm nữa anh về hưu. Tôi kéo dài giọng, nhất gừng.

- Anh yêu nghề giáo không?

- Đầu tiên thì không, sau thì có.

Một lúc không thấy nó nói gì, tôi ngoái nhìn thì thấy nó đang chăm chú đọc một tập giấy màu xám xịt, cái loại giấy thịnh hành trong thời chiến tranh, thời bao cấp.

Nó chậm chạp tiến về phía tôi, đặt tập giấy màu xám, loang lổ những vết ố lên bàn.

- Cái gì thế này, anh?

- À! Cái lý lịch cán bộ, anh rút ở Sở Giáo dục Thái Bình. Bản phô tô thì nộp cho cơ quan mới ở Hà Nội. Đây là bản chính.

- Anh chưa đọc lại à?

- Đọc! Tính anh chú lạ gì ! Anh nghĩ cũng chẳng có gì cần mà phải đọc.

- Thế thì anh đọc trang này đi!

Nó mở tập giấy, để đến trước mặt tôi một trang ố nhòe, rất khó đọc. Tôi tròn mắt, kinh ngạc đến không thể

tin nổi mấy chữ được gạch chân rất đậm, ở phần lề trang giấy. – Gia đình nói xấu chế độ. Tôi trốn mắt nhìn em.

– Thì anh cứ đọc hết đi!

...

- Thế mới biết tại sao ngày ấy anh không thể có mặt ở nước Nga!

Bảo lộc 27/2/2007

Nợ

Ông nhẹ nhàng khép cửa, rời phòng ngủ, đi ra ban công. Trời đang mưa to. Trong kia nàng vẫn ngủ mê mết.

Ông bức bối ném điếu thuốc đang cháy dở xuống mái tôn nhà bên, rời chỗ đứng sang phía khác. Tiếng đều đều, đơn điệu của dòng nước thoát ra khỏi máng xối, chạm nền xi măng khiến ông khó chịu. Ông bỗng thấy thèm được nghe tiếng nước trời chạm mái tranh. Nó đều đặn, khoan nhặt chứ không mù mịt, âm ỉ như tiếng mưa chạm mái tôn. Cả những giọt nước rơi từ mái tranh xuống sân đất nữa! Một đàn âm đục và rất mảnh. Thứ âm trầm này phải tinh tế mới thấy được. Những giọt nước vàng, trong, tụ nơi đầu mái cứ tự dài dần, rơi xuống,

chạm đất thì toé lên những chấm lạnh điểm vào bắp chân ai đó đứng sát bên hiên. Những chấm lạnh này cũng tạo cảm giác mơ hồ, nhưng, nó không giống với những chấm lạnh của mưa xuân. Mà giống sao được khi đằng này là nước từ giời cao rớt xuống, còn, phía kia là nước từ mặt đất hắt ngược lên. Cảm nhận của sự không giống nhau này còn được tạo bởi không gian. Mưa rào thì trắng một trời nước, có chớp giật sấm rền; chứ đâu phải cái nền trời đơn điệu, xám ngắt của mưa xuân. Mà cũng hay thật, chính những chấm lạnh từ mặt đất hắt ngược lên nghĩ rằng rất nhỏ kia, trong khoảnh khắc đã tạo ra vô vàn những chùm bong bóng, rập rình nối đuôi nhau trôi theo cái làn ranh nham nhở. Rồi, lại đột ngột vỡ òa, biến ra muôn ngàn những giọt nhỏ li ti, trong suốt, cũng tong tả trôi theo cái dòng nước vàng đục. Rồi chỉ tích tắc sau, những giọt nhỏ li ti ấy cũng lại tan đi, trước sự đột ngột xuất hiện của những hạt hạt khác. Ông thú vị khi phát hiện ra điều này! Sự biến đổi trong khoảnh khắc từ những chấm lạnh thành bóng nước... rồi, lại trở về chấm lạnh... Ông ngỡ ngàng! Sao cho đến tận bây giờ mình mới thấy thế nhỉ? Ông khát khao được thấy lại quang cảnh quen thuộc của những trận mưa rào nơi đồng đất xưa. Thật xưa rồi! Thời ấy hình như mọi thứ đều dịu dặt, lắng đọng; chứ không ào ào, xối xả, rồi nhanh chóng tan biến như bây giờ! Thời ấy bầu trời hình như cũng cao hơn, xanh hơn; hay trời vẫn vậy? Chỉ tại người ta không

để tâm? Cũng chả biết! Nhưng, nhanh thật! Tòa nhà của ông một thời người ta phải trầm trồ rằng nó lớn nhất nhì thành phố, giờ thì quá khiêm nhường bên những ngôi biệt thự sang trọng. Trong thành phố này giờ đây cũng khó có thể kiếm nổi một mái nhà tranh sân đất. Thế hệ trẻ nơi đây chắc cũng chẳng thể hình dung nổi cảnh sinh hoạt trong mái nhà vách đất, với ánh sáng của ngọn đèn hạt đỗ leo lét mà ông, và các thế hệ trước ông đã từng sống. Với chúng, chuyện ấy chắc đã thành chuyện cổ tích. Nếu kể cho chúng nghe, có lẽ phải bắt đầu bằng cái câu: Ngày xưa, ngày xưa...

Mưa vẫn gõ đều trên mái tôn nhà bên. Những giọt nước bám trong kẽ lá của cây đinh lăng cũng trong suốt. Ô Kìa! Chúng như đang cố, đang bất lực trước sự tự dài dần, rơi xuống, nhường chỗ cho những giọt khác cùng chung số phận. "Hay nhỉ!" nó cũng y hệt như những giọt nước nơi đầu mái nhà tranh của những năm xưa năm xưa... cứ tự dài dần... Đã mấy lần cảm nhận điều này trong trận mưa đêm! Ông giật mình! Mình đã già thật rồi! Ông lặng lẽ ngắm nhìn! Thở dài! Tắt điện ban công. Đứng nghe mưa! Trong kia, nàng vẫn ngủ ngon lành.

Chiếc vôi hoa sen phủ kín nước xuống thân thể nàng. Nàng khép mắt, tận hưởng niềm khoái cảm, mát dịu của dòng nước sau một đêm ngủ đầy giấc. Thân hình thon thả, mịn màng của cô gái trong gương khiến nàng mãi

nguyện, mỉm cười. Những giọt nước trong suốt, xinh xinh đọng lại trên lớp da trắng tươi. Nàng thích thú ngắm nhìn rồi, vô tư vuốt khê cho chúng tan đi. Giọng anh ấy sao mà trầm ấm đến lạ lùng. Cái giọng cứ như ru người ta. Nàng lại khép mắt, một cái gì đó mơ hồ, như không có thật đang chiếm lĩnh tâm hồn nàng. Mấy ngày lang thang trên thành phố biển với anh thật tuyệt - nàng nghĩ. Nàng đang yêu! Một người đàn bà hai con mới bắt đầu yêu. Ru mình vào cảm giác được dụi mặt vào ngực anh, nàng nhớ lại... rồi lại cố mà nhớ lại... Nàng run rẩy, sung sướng. Tuyệt vời là tình yêu thiếu phụ! Nồng nàn - sâu thẳm. Thật vậy sao? Anh đã nói với nàng vậy sao? Nàng cũng không hiểu lắm, chỉ thấy người mê đi khi nghe anh nói. Thiếu phụ - thiếu nữ, tình yêu của họ có gì khác nhau nhỉ? Nàng không lý giải được. Nhưng, hình như không phải thế! Sao lại khác được? Nếu ngày còn thiếu nữ mà được yêu, nàng cũng sẽ yêu như đang yêu anh. Nàng khẳng định thế. Có lẽ đọc được ý nghĩ trong mắt nàng, anh vuốt tóc, thăm thì vào tai nàng: "Em cứ sống, cứ yêu rồi sẽ thấy. Có rất nhiều thứ tình yêu khác nhau. Thiếu nữ đã yêu thì bốc lửa, cuồng nhiệt chứ không thể có những nét đằm thắm, nồng nàn như thiếu phụ." Nàng ngoan ngoãn gật đầu. Anh hôn nhẹ lên cổ nàng - cần cổ thon dài, trắng ngần như cuống huệ. Anh đã nói vậy nhiều lần. Có lần anh còn cười, bảo: "Nếu cái đầu nhỏ xinh kia ít bướng bỉnh đi, nó sẽ còn tuyệt vời hơn khi

ngự trên cuống huệ." Nàng cũng cười. Nàng chợt nghĩ: Còn thứ tình cảm ông dành cho nàng thuộc loại gì? Phải chăng cũng là một thứ tình yêu? Nàng thấy phân vân. Từ ngày yêu anh, nàng đâm ra cũng hay suy ngẫm, và thích triết lý như anh. Nàng đang "nổi loạn!" - Ông ấy bảo thế. Ông đang lùi dần và buộc phải chấp nhận sự "nổi loạn" của nàng. Có lẽ ông đã tự biết mình. Nàng nghĩ vậy.

Tiếng chuông gọi cổng vang lên. Bước dép vội vã, quen thuộc của u già ra mở cổng cắt ngang dòng suy nghĩ của nàng. Ông ấy đã về...

Bây giờ thì cả ông và bà ấy đã thành người già. Chính sự cô đơn của tuổi già, đã khiến tự dưng ông nhớ tới bà ấy. Tuổi già đáng sợ thật! Bất lực trước mọi toan tính - điều ông sợ nhất đã đến. Là kẻ nhiều tham vọng, độc đoán và không quen chấp nhận thất bại, hình như đấy là bản chất ông. Từ khi còn là cậu bé trường làng, cho đến ngày thành một cán bộ quyền thế, lắm tiền nhiều của. Ông không cho phép mình thua ai điều gì. Ông có cái kiêu hãnh của ông! Ông nghĩ vậy. Đúng ra ông cũng là kẻ gặp may trên trường đời. Ông giỏi ưu ái, sự may mắn nhiều khi cứ như được tình cờ ban tặng. Nói vậy thôi chứ ông cũng phải dùng hết tâm lực, bất chấp cả những thủ đoạn gặt đời, lừa người; điều ông cần là đạt mục đích, là sự thoả mãn, đấy là thành đạt, là hạnh

phúc... Nhớ tới bà bởi đã đến lúc ông bất lực, ngọn đèn đang cháy đến những giọt dầu cuối. Ông giờ đã không còn “vô tình” với ông như trước nữa! Ông thở dài. Bà là con người hiền lành, có cái gì đó “tội nghiệp” trong mắt ông. Khi quyền lực đã hết, tuổi trời đã cao, ông chỉ còn lại đồng tiền. Tiền cũng có quyền lực đấy, nhưng nó không phải là tất cả – không gì có thể là tất cả! Ông giật mình nhìn lại! Thì ra cuộc đời cũng sòng phẳng lắm, không cho không hay lấy không của ai cái gì. Quy luật bù trừ luôn kiên nhẫn, nghiệt ngã bám theo từng số phận. Đấy là cán cân tạo hoá? Ông trời cho đấy! Rồi, đòi đấy! Không thể lường được. Ông đã nghiệm ra: Bất chấp, chà đạp lên tất cả để mưu cầu danh lợi là tự gây nghiệp chướng. Trời và đời đều không tha! Tuổi trẻ quả cũng có những điều đáng sợ. Đấy là cái thời của sự tự đắc, thời “coi giờ bằng vung!” Thời ấy hình như người ta chưa coi lẽ phải trái làm trọng. Tự tin quá chăng? Chưa thấu hiểu thế thái nhân tình chăng?... Đúng là thời của sự ngông cuồng! Chỉ mình ông vậy hay tuổi trẻ thế cả? Lúc đắc chí, ông, và nhiều người trẻ tuổi không nhận ra, hay cứ cố tình không nhận ra? Cuộc sống tưởng rằng cứ bình thản trôi trên cả chính nghĩa và phi nghĩa. Trên cả đúng sai. Nhưng thực ra không phải thế. Cái gì rồi cũng có giá! Âu đó cũng là quy luật, là lẽ vay trả ở đời. Mối quan hệ giữa ông và bà ấy rất trái với tự nhiên, trái với đạo đức thông thường. Từ người ở thành tình nhân thì thời

này cũng chẳng có gì đáng bàn, thiên hạ ối ra đấy. Nhưng, từ tình nhân mà thành mẹ vợ... ông... có lẽ chỉ những người “đủ bản lĩnh” như ông mới làm được. Ngày ấy ông đắc ý, coi đó là một thành công. Cái hơn người của ông đấy! Ông bảo vậy. Và hơn nữa, cũng để cho mẹ vợ ông mở mắt ra. Một con mẹ đáng ghét! Ngu ngốc! (trong mắt ông). Tuổi ngoài ngũ tuần, ông vẫn lấy được gái tân tuổi chưa tới hai mươi, lại xinh đẹp. Đã thấy chưa? Nhiều lần ông kiêu hãnh, bảo cho mà biết! Thực ra ngày ấy ông cũng không có ý định ly dị vợ, nếu mẹ ấy không quá đáng đến thế. Ông bảo vậy. Tính nết ông hào hoa, lại quyền thế, nhiều tiền, việc bồ bịch cũng là cái sự thường. Mẹ có thể ghen tuông, có thể tức tối đến mất ăn mất ngủ, đấy là quyền của mẹ. Nhưng. Tuyệt đối không được làm mất thể diện ông trước mọi người. Cái thể diện ông nó lớn lắm! Ông đã nói rồi! Ông đã nhắc nhở, đe dọa mẹ. Ông đã tha thứ cho mẹ ba lần. Đến lần thứ tư, không tha nữa. Mẹ phải gánh chịu. Ông quyết thế! Ngày ấy ông không hề ân hận, còn thấy là mình rộng lượng. Ba đứa con, đứa nào thích thì ở với ông. Nhưng rút cuộc chẳng đứa nào chịu ở. Sao chúng ngu thế? Ông bảo vậy! Chúng sẽ chẳng thiếu một thứ gì dưới sự bao bọc của ông, sao lại ngu xuẩn mà ở với mẹ nó. Ông thấy khó hiểu! Có lẽ sự đắc ý của kẻ nhiều quyền lực và tiền bạc đã khiến ông mờ mắt. Ngày ấy ông luôn giữ thái độ cao ngạo, đánh giá mọi thứ đều qua đồng tiền. Ừ thì ông

góp tiền nuôi chúng theo quyết định của tòa án. Có sao đâu! Ông không bận tâm. Ông cười nhạt vì sự mù mờ của mẹ vợ. Mẹ chỉ mãi ghen tuông với những cô mất xanh mỡ đỏ, mà quên đi người ở gái nhà mình. Chắc hẳn mẹ đã nghĩ: Con mẹ kia quê một cục, lão ấy chẳng thêm. Hay vì mãi diên lên với những kẻ khác, mẹ chẳng còn tâm trí đâu để ý đến cô? Không cần biết! Mà biết để làm gì? Ông đang được tự do tình tang với người ở gái, vậy là quá đủ! Ông giới lại ban cho ông cưới được nàng - con gái cô. Tuyệt vời! Đã nhiều lần ông thốt lên mỹ từ này. Quả là ông có số đào hoa! Ông vừa lòng với mình lắm. Sự vụng trộm với người ở gái góa chồng từ quê ra, khiến ông thích thú hơn những cuộc tình qua đường. Cô người ở sợ hãi, dâng hiến những nét mộc mạc đồng quê vốn có của mình cho ông chủ. Ông thấy mới lạ, hay hay. Nhưng cũng chỉ thế thôi! Rồi nàng đến. Đưa con gái của cô vừa là người ở, vừa là tình nhân đã trở thành vợ ông một cách mau mắn. Bà mẹ vợ là con người cam chịu, ít hiểu biết cũng thấy thế này là không phải, là trái đạo đức. Nhưng. Biết sao đây khi chỉ là kẻ thấp cổ bé họng, là hạng kẻ ăn người ở. Bà đành chịu! Nhưng dẫu gì nó cũng rơi được vào chốn giàu sang. Bà tự an ủi! Tuổi tác chênh lệch thì đã sao! Chuyện kia cũng chỉ mình bà biết, bà khổ, nhưng con gái bà được sung sướng. Bà thấy ấm lòng. Cô bé thì như con nai trước một thợ săn lành nghề. Sợ, rồi cũng ngoan ngoãn vâng lời. Ông nâng niu, chiều

chuộng nàng. Ông mãi nguyện lắm! Nhưng. Sự đời lại không như ông tưởng. Đời có luật đời! Ông hết thời rồi! Chính tuổi tác đã lấy đi cái thời của ông. Vị trí ông cứ lùi mãi, trước sự khôn ngoan dần lên và sắc đẹp của nàng. Nàng đã ngang nhiên “nổi loạn”. Ông bị “cắm sừng” và bất lực trước nàng. Thời thế đã buộc ông phải chấp nhận thất bại. Ông đau đớn lắm. Chính vì thế ông mới chột nghĩ đến bà ấy - bà mẹ vợ đáng thương của ông. Lẽ ra ông lấy bà thì đúng hơn, hợp lẽ đời hơn. Lấy bà, chắc chắn ông sẽ không phải chịu sự đau đớn, nhục nhã này. Với tính cách ông, có lẽ ông sẽ được hạnh phúc bên người đàn bà cam chịu ấy. Thật trớ trêu, vào tuổi này ông mới chột ngộ ra thuyết nhân quả của nhà Phật. A di đà Phật! Ông xót xa cho mình và thương bà ấy.

Đã đến lúc nàng ngang nhiên “nổi loạn” mà chẳng sợ gì ông. Nàng có quyền được yêu! Nàng bảo thế. Cái cô bé thơ ngây, sợ sệt, chỉ biết vâng lời đang dần mất đi trong con người nàng. Ngày cưới người ta bảo nàng: Nào là ham cửa, nào là “chuột sa chính gạo”, nào là “một bước lên bà”. Nàng cũng chỉ mơ hồ chứ chẳng hiểu gì nhiều. Đám cưới nàng lớn nhất phố. Mẹ nàng bảo vậy. Nàng cũng thấy vui vui. Ông coi nàng như một cửa quý. Những ngày đầu nàng chỉ thấy sợ và xa lạ. Một người đã có tuổi như ông, nàng thấy ngượng, không gọi bằng anh được. Chiều nàng, ông đành chấp nhận để nàng gọi là ông, xưng em. Nhưng. Bây giờ không xưng em nữa. Nàng

xưng tôi! Thời gian sống bên ông nàng cứ thấy thiếu điều gì đó. Điều đó khiến nàng cứ băng khuâng, mơ hồ mà không sao cắt nghĩa được. Sự băng khuâng cứ lớn dần trong nàng, và khát khao đòi được đáp ứng. Rồi, nàng cũng hiểu dần ra - đó là tình yêu. Nàng đang thiếu tình yêu! Ông có thể cho nàng mọi thứ, nhưng cái đó thì ông không thể có. Điều nàng khát khao nhất thì ông không có. Ông thật vô lý! Càng ngày nàng càng thấy ông vô lý. Nàng ghét và chống lại ông. Ấu cái lẽ đời rồi cũng phải thế. Ông đành chấp nhận.

Nàng cũng chưa xác định nỗi tình yêu của nàng và anh sẽ đi đến đâu. Nhưng nàng phải được yêu! Con tim nàng bảo thế.

Trời lại đổ mưa đêm. Ông lại mất ngủ. Nhưng, bao giờ ông cũng dậy sớm hơn nàng. Nàng còn trẻ tuổi và đang mệt mỏi chạy theo nỗi khát khao của riêng nàng - ông ngao ngán nghĩ. Một giọt nước. Đúng! Một giọt nước duy nhất của trận mưa đêm còn sót lại trong kẽ lá đình lẳng như đang ngơ ngác. Ông chăm chú nhìn. Nó cô đơn! Nó đang phấp phồng trong nỗi tan biến!...

Bảo Lộc, Tháng 4/ 2007.

Khai bút

Chiều muộn. Nghĩa trang đã thưa vắng người thăm viếng. Các quán coi xe cũng đã thu dọn, không nhận xe gửi. Nhật đi thẳng vào nghĩa trang. Anh dựng xe, lặng lẽ cầm bó hương hoa và giấy tiền đi vào nhà thờ.

Chiếc lư đồng cắm hương khói tỏa nghi ngút. Chân hương trong lư đã tầng tầng lớp lớp, đầy ắp, như không thể cắm thêm được nữa. Những đốm lửa trên đầu các que hương cháy đỏ đỏ lịm trong chiều muộn. Từ xa nhìn vào, chúng hòa vào nhau thành một mâm lửa đỏ, lung linh trong lớp khói huyền ảo. Anh có cảm giác chỉ cần một cơn gió nhẹ, cả lư hương sẽ bốc cháy thành bó đuốc lớn. Đây là nơi “trình diện” của những người mới từ già cõi đời, trước khi “nhập khẩu” nghĩa trang. Cũng chỉ ít

phút nữa thôi, âm dương đã thực sự cách biệt. Ai oán lắm! Đây cũng là nơi trình diện của bất cứ ai, khi muốn vào nghĩa trang hương khói cho người thân. Hình như người ta cho rằng càng cắm được nhiều hương vào lư đồng nơi nhà thờ, càng tỏ được tấm lòng thành của mình thì phải. Họ cứ thi nhau đốt cả bó. Nhật tin rằng trong mấy ngày giáp tết, những người trông coi nơi đây đã phải mấy lần thay chân hương trong lư.

Buổi trưa, anh Dương bảo Nhật:

- Chiều nay, chú đi sớm cùng anh chị ra thắp hương cho ba. Nghĩa trang chiều ba mươi đông lắm, vả lại có bọn “cửu vạn”, phức tạp chứ không như hồi chú còn ở nhà đâu.

Nhật xin phép anh chị đi sau, anh không thích cái không khí ồn ào nơi nghĩa trang. Theo anh, đây phải là chốn yên tĩnh tuyệt đối, phải nhuộm màu trầm lắng của cõi linh thiêng. Một thế giới sau sự sống! Vả lại, sau mười mấy năm đi xa, anh muốn được ngồi một mình bên mộ ba, yên ả trong chiều muộn. Đã từ lâu, anh thêm khát cái phong vị êm dịu của quê hương chiều tắt niên. Anh khát khao một cái tết trang trọng, thành kính trong hương khói gia đình thuở xưa. Mặc dù đã khác xưa nhiều lắm, nhưng về lại căn nhà cũ của cha mẹ với những bát hương, tử thờ, một vài đồ đạc cũ kỹ, anh tìm lại được sự ấm áp, chở che. Với anh, căn nhà là những gì còn lại của

kỷ niệm, thời cha mẹ anh em còn quây quần. Những niềm vui thơ dại cứ vô tư đi vào ký ức, khiến anh nhiều khi nhớ đến thần thờ.

Một nén hương được cắm thêm vào lư, thấp theo nếp tâm hương là tâm tính anh trong thờ cúng. Nhật chấp tay, lâm râm khấn. Anh không tin những điều dị đoan. Nhưng vào đây, giữa chốn thanh vắng trong chiều muộn của cái ngày năm cùng tháng tận, giữa không gian như hư như ảo nơi nhà thờ của nghĩa địa khiến anh rờn rợn, lạnh lẽo. Hình như có rất nhiều cặp mắt dưới những nấm mồ ngoài kia đang hướng vào anh. Một thoáng giật mình trước ngọn lửa bùng cháy trong lư đồng. Anh lặng người, quan sát, có lẽ vì không chịu đựng nổi sức nóng, một que hương đã bùng thành ngọn lửa, trước khi gãy làm đôi rơi xuống. Nhật lễ tạ, rồi men theo lối mòn của những dãy mộ để đến với cha mình. Trời đã nhập nhoạng tối. Những chấm lạnh mờ mờ, lằng lằng điểm vào da thịt. Mưa bụi! Ôi cái kiểu mưa huyền hoặc, ấn tượng của xứ Bắc. Những chấm lạnh lằng lằng này đã khiến anh bao năm phải cháy lòng vì nhớ. Nhật xao xuyến! Phải là đứa con xa xứ lâu ngày, trong một không gian chỉ mình anh với những người đã yên nghỉ, mới cảm nhận được đầy đủ những cảm xúc ấy. Anh đến bên mộ cha, mùi hương hoa dạ lan thoang thoang. Chùm chân hương anh chị Dương thấp hời chiều trông thật buồn và lạnh. Nhật lập cập đốt hương, tay run run cắm lên mộ cha và những ngôi mộ

xung quanh. Anh ngồi xuống, miên man suy tưởng.

Cha anh ngày xưa là người rất mê truyện cổ Tàu. Ông tâm đắc với Chinh Đông, Tam Quốc, Ngũ Hồ Bình Liêu, Thủy Hử... Những khi cao hứng ông hay lấy Kiều và ngâm thơ Chinh Phụ, Cung Oán Ngâm Khúc. Đặc biệt, ông hay kể về ông bà nội. Cha kể với một niềm trân trọng, cảm thông và có cả nỗi xót xa. Ngày bé anh không hiểu được những nỗi niềm của cha mình. Anh nhớ lắm cái sáng mùng một tết năm ấy, cha trang trọng thắp thêm ba nén hương, khăn vái; run run mở nắp một chiếc tráp cổ, lấy ra một vuông giấy hồng điều. Giọng trầm xuống, cha bảo cả nhà: “Đây là tờ khai bút đầu xuân duy nhất của ông nội, mà ba còn giữ được”. Qua những câu chuyện của cha, Nhật chỉ biết ông nội anh là một nhà nho tiết tháo, nhưng thất thời. Ông sống cùng cái thời “Vứt bút lông đi, giắt bút chì” của ông Tú Xương. Cha bảo đấy là thời vận nho mạt, thời chán chương, bất đắc chí của những nhà nho tiết tháo như ông nội anh. Mảnh hồng điều khai bút của ông nội đã sờn, cha gìn giữ rất cẩn thận. Anh chỉ biết năm viết của nó là 1902, được ghi ở góc vuông giấy. Những nét chữ mực Tàu sắc và mềm mại. Cha bảo ông nội là người sành chơi chữ, rồi cha kể cho anh nghe thú chơi chữ của người xưa: Cái nghệ thuật viết bút lông, với các thể chữ theo phép tắc: Triện, Lệ, Chính, Hành, Thảo. Qua thư pháp, người ta có thể thấy được trình độ học vấn, tài năng nghệ thuật, trình độ

thấm mỹ của người viết. Nhật không biết ông mình viết chữ theo phép gì, nhưng qua nét chữ anh nhận thấy ông là một người nghiêm cẩn. Ông có đi thi nhưng không đỗ cao, chỉ đến tú tài như ông Tú Xương, rồi mở lớp dạy học ở làng. Cha bảo ông sống trầm lặng và thích chơi hoa hải đường. Chắc hẳn cuộc đời ông có nhiều tâm sự uẩn khúc, thiếu người chia sẻ. Cốt cách của ông nội ảnh hưởng nhiều đến cha anh sau này, cha không nói nhưng anh biết rất rõ điều ấy! Cha thường nhắc đến ông trong nỗi xót xa cho một con người có tài, nhưng bất đắc chí. Theo lời cha kể, Nhật cảm nhận gia đình ông nội ngày xưa là một biểu tượng của nếp sống nho giáo. Ông bà rất trọng nhau, đúng như lời người xưa, vợ chồng “tương kính như tân”. Bà nội nhu mì. Cha bảo: Bà là một phụ nữ khuôn phép, nhường nhịn, rất trọng và tâm đắc với đạo “tam tòng, tứ đức” của người phụ nữ. Lễ khai bút đầu xuân của ông đã trở thành một nếp sống đẹp, không thể thiếu trong đời bà. Thỏi mực Tàu và vuông giấy hoa tiên phải do chính tay bà chọn lựa, bà mới yên tâm.. Sáng mùng một tết, sau khi đã đèn nhang thỉnh tề trên bàn thờ tổ tiên, ông ngồi uống tuần trà sáng, bà trang trọng trong bộ lễ phục đi chùa, chuẩn bị bút và mài mực. Lúc đó, trông bà thành kính lắm. Trong mùi thơm dịu của mực mới, bà chăm chú dõi theo từng nét bút trên tay ông với nét mặt xúc động. Và bao giờ cũng thế, mỗi khi khai bút đầu năm xong, chính tay bà dùng rượu rửa lại ngọn bút

rồi cất đi cẩn thận. Cây bút này bà chỉ dùng cho ông viết mỗi năm một lần vào dịp đầu năm mới. Cha anh gìn giữ cây bút cẩn thận lắm. Bây giờ nó được cắm vào chiếc nghiên, trên bàn thờ ông. Sau đó bà dùng nước ấm rửa lại bộ ấm chén, pha cho ông ấm trà mới, rồi ngồi lại cùng ông đàm đạo những câu chữ trong tờ khai bút. Câu chữ trong những tờ khai bút đầu xuân là điều tâm đắc của ông bà. Cha anh kính trọng những buổi lễ khai bút đầu năm của ông bà lắm. Cha thường nói: “Ba không theo được cái chí của ông, các con sau này đứa nào theo được, ba mừng”.

Nhật không biết mặt ông nội, khi anh được sinh ra ông đã mất lâu rồi. Song, hình như anh ảnh hưởng nhiều ở cốt cách, tư tưởng của ông qua những câu chuyện cha kể. Nhiều người đã từng nói: “Trông mày cứ như cái ông đồ! Nhoe nhe quá!” Thật khổ, chính vì dáng dấp và cái tư tưởng “ông đồ” khiến cuộc sống anh chật vật, khó hòa nhập và theo kịp những “tư tưởng hiện đại thời mở cửa”. Nói đúng hơn là khả năng biến báo, kiếm tiền ở anh rất kém. Trong thời đại này thế là khổ, là nhọc nhằn nhọc nhãi rồi. Mà có lẽ cũng chẳng riêng gì thời này đâu, thời nào thì những người tính cách sống kiểu ấy cũng thường bị đời coi rẻ. Cốt cách ư? Nhân phẩm ư? Cái đó phù phiếm, cái đó khó làm ra tiền bạc, cái đó... khó “tiêu hoá” lắm! Tiền mới cần! Nhật đang biến dần thành kẻ tự ti trước mọi người. Người ta bảo lắm lúc trông anh như

thằng dăng trí, ngơ ngác đến nực cười. Có lần vợ anh bảo:

- Anh chỉ được cái “sách vở hão huyền” - Rồi chị cười độ lượng nhìn anh.

Ấy là những lúc vợ anh vui vẻ, còn bình thường ít khi Nhật được sống yên ổn, ngay cả ở nhà mình. Suy cho cùng, Nhật thấy đây cũng là cái lẽ công bằng. Trong cái thời mọi người đua nhau làm kinh tế, họ nung nấu, bon chen với cả tâm lực để kiếm tiền thì anh lại vẫn vợ dàu dàu, với những điều vợ anh bảo là hão. Việc anh bị gạt ra lề cuộc sống cũng là lẽ đương nhiên. Anh biết điều này lắm! Anh hiểu mình chỉ có khả năng làm chuyên môn, còn chuyện luồn lách, toan tính đời thường thì rất kém. Nhưng cũng thật không may cho anh, xưa nay phàm đã là đàn ông thì tất phải là trụ cột gia đình, phải có khả năng kiếm nhiều tiền về cho vợ con, chí ít, anh cũng phải đảm bảo được cái mức kinh tế gia đình bình ổn. Không được thế thì đích thị anh là đồ vứt đi, đồ hèn. Lúc đó thì tiếng nói của anh sẽ vô giá trị, anh sẽ tuột dần khỏi cái vị trí “nóc” của người đàn ông trong gia đình. Điều ấy đúng quá! Hình như nó đang thành một chân lý? Có lẽ là qua lâu rồi, cái thời một ông đồ tiết tháo, cốt cách thanh cao, không có khả năng kiếm tiền mà vẫn được vợ tôn kính. Người ta đã quên lâu rồi cái câu: “Đêm nằm ngẫm lại mà coi/ Lấy chồng hay chữ như soi gương vàng.”

Nhật nghĩ mà thấy buồn, thấy thẹn và thật đáng đời cho sự kém cỏi của mình.

Trong gia đình anh, Ngà là chủ, đơn giản là Ngà làm ra tiền nhiều hơn anh. Mọi khoản chi tiêu hầu như đều trông chờ vào cô ấy. Ngà buôn bán giỏi giang, lanh lợi trong đời thường. Vị trí của Nhật cứ lùi dần... thành người phụ giúp. Dịp mới cưới, những lúc vui vẻ anh cũng hay kể chuyện về ông bà nội cho Ngà nghe. Anh hy vọng, biết đâu rồi anh và Ngà cũng nảy sinh được sự tâm đắc trong cái khai bút đầu xuân. Dù không thể bằng được ông bà nội, nhưng với anh đó là niềm an ủi. Anh cho rằng khai bút đầu xuân là một nếp sống đẹp, khiến cho đời sống tinh thần con người thêm phong phú, có hại gì đâu? Vả lại, cha anh cũng rất quý trọng điều này. Thời kỳ đầu, Ngà chỉ cười và mặc anh viết gì thì tùy. Cô như vô cảm, không hào hứng mà cũng chẳng ngăn cản. Anh thấy buồn! Anh và Ngà là hai “loại” người khác nhau. Ngà sống sòng phẳng, hơi “trần trụi”, mọi vui buồn ở cô gần như phụ thuộc vào đồng tiền làm ra nhiều hay ít. Sức lực và thời gian cô dành cả vào đấy. Nhật thấy thương và cảm thông cho vợ nhiều hơn là giận, mặc dù nhiều khi cô cư xử không phải với anh. Suy cho cùng, Ngà vẫn yêu và trọng kiến thức của anh. Cái gốc của đời sống vợ chồng vẫn bền chặt. Cô bận rộn nhiều, nhưng lo lắng cho anh cũng nhiều. Anh cảm động! Có điều, hình như một văn sĩ nửa mùa như anh cô coi là một tai ương. Dăm bảy

truyện ngắn được đăng mỗi năm, vài cái giải văn chương cô coi không là cái “đỉnh” gì. Ngà thường bảo: “Tiền nhuận bút của anh, em chỉ vẩy tay cũng ra”. Anh có phần tự ái, nhưng lại giật mình thấy là mình tự ái vật. Bởi, Ngà nói đúng quá! Dăm trăm ngàn trần trụi ấy thì có gì đáng kể? Trong anh là khoảng trống, là nỗi buồn. Cái nỗi buồn của kẻ đơn độc, của kẻ thiếu sự đồng cảm, sẻ chia. Ngà chỉ nhìn thấy số tiền ít ỏi đó, mà không chịu thấy nội tâm chồng mình, không hề biết đến những trần trụi của anh. Có lẽ vì thế mà cuộc sống giữa anh và Ngà thường nặng nề. Anh biết thế, nhiều lúc cũng muốn thay đổi, muốn bỏ quách “nó” đi cho yên ấm của nhà. Nhưng, quả là không thể vượt qua được, bởi, anh đã trót “là mình” mất rồi, hình như anh bị “ma ám”, không thể không viết. Có thể anh viết dở, thậm chí là rất dở, nhưng trong anh có một niềm đam mê, trần trụi, bắt anh phải viết, phải lao tâm khổ tứ. Những lúc anh lặng lẽ ngồi vào bàn, là những lúc Ngà khó chịu nhất. Kể ra, để giữ được gia đình yên ấm cho đến ngày hôm nay, cả anh và Ngà đều phải cố gắng nhiều lắm. Có lần Nhật nghe Ngà bảo con:

- Bố con là người đáng trọng. Cái gì cũng giỏi, trừ mỗi làm ra tiền.

Anh làm như không nghe thấy, lặng lẽ xoay xoay chén trà, nhưng cũng thấy ấm lòng.

Tuần hương trên mộ cha đã tàn. Trời đã tối hẳn, khu nghĩa địa mờ sáng nhờ ánh điện từ thị xã hắt ra. Nhật đứng dậy thấp thêm tuần hương rồi lạy ba để về. Vừa ra đến cổng, một chiếc xe máy đâm sầm tới anh cùng với tiếng quát hỏi:

- Nhật phải không?

- Tao đây! Sao biết tao ở đây?

- Tao vào nhà, anh Dương bảo mày ra đây, nhưng sao về muộn thế?

- Lâu quá mới về được, tao muốn ngồi lâu với cụ.

- Đi thôi! - Dũng nói và quay đầu xe đi trước. Đến đầu thị xã, Dũng rẽ vào một quán cà phê. Đây là một quán vườn, ánh đèn xanh đỏ nhấp nháy - Cà phê quán "Em tôi" ngon mà cũng rất "em tôi", mày vào rồi sẽ thấy. - Dũng nói và dắt Nhật vào một bàn tối sâu mãi trong.

- Tên quán nghe cũng đã ngon - Nhật tủm tỉm cười.

- Mày về sao không đưa vợ con về luôn?

- Các cháu mừng năm Tết đã phải đi học nên không về được. Tao định mừng ba đi Hạ Long, ra chỗ cái Loan. Mẹ tao năm nay ăn Tết với vợ chồng nó ngoài ấy, rồi quay về đây với bọn mày trước khi vào trong kia.

- Được đấy, có thể tao sẽ đi cùng mày.

- Bọn mày tình hình ra sao?

- Bận rộn cả, thằng nào cũng phải lo kiếm tiền nên cũng ít có dịp gặp nhau. Thằng Duy bây giờ khá nhất. Vợ chồng nó mở phòng mạch, mới tậu cái nhà mặt phố lớn nhất nhì thị xã. Mày tính bác sĩ như nó bây giờ “vừa đá bóng, vừa thổi còi” làm gì mà chẳng khá. Con bệnh đến, nó “chém” bao nhiêu chẳng phải chịu, dám kêu à! Có bệnh không chữa, không được. - Dững cười - Còn công nhân tính lẽ như cái loại tao mà không cẩn thận thì đói, phải khéo chạy mới có cái đút mồm. Mày thù sao?

- Tao vẫn thế, vẫn “sáng cấp ô đi, tối cấp ô về”.

- Kể thì người như mày cũng khó hòa nhập được với thời mở cửa này. Dững thở dài! - Bây giờ người ta chỉ có mỗi cái việc là ganh đua nhau làm tiền, kiểu “đồ gàn” như mày lỗi thời quá. Nhưng mà... tính cách mày thế, biết làm sao được? Tao vẫn quý mày nhất trong đám bọn mình. Về suy nghĩ, Dững hạ giọng nói tiếp - Tao biết mày cũng chẳng sung sướng gì. Hay là mày cố gắng thay đổi, sống khác đi. Theo tao mày nên bỏ viết, kiếm việc khác mà làm, đỡ lao tâm khổ tứ mà thu nhập lại cao hơn.

Nhật nhìn Dững như một kẻ xa lạ.

- Mày nói đúng một nửa! Nhật lên tiếng như nói với chính mình - Tính cách tao như thế, biết làm sao được... nếu sống khác đi, tao không còn là tao nữa. Tao vẫn sống

như đã từng sống. Vẫn phải viết! Vẫn khai bút đầu xuân, đầu rằm chỉ lặng lẽ một mình.

Ly cà phê thật ngon, đúng như lời Dũng nói. Kể ra "thời mở cửa" cũng thú, ở tận cái thị xã xa lắc của anh vẫn có cà phê Buôn Ma Thuật chính hiệu. Anh uống chậm chậm, điều thuốc trên tay luôn đỏ lửa như một kẻ đang tập trung suy nghĩ, chiêm nghiệm cuộc đời.

Sáng sớm hôm sau, Dũng kéo màn, Nhật vẫn nằm trong chăn, hai mắt mở to như vô cảm nhìn lên trần nhà.

- Tao muốn đọc cái khai bút đầu xuân của mày sau nhiều năm đi xa.

- Ở trên bàn - Nhật mệt mỏi.

- Sao lại thế này!

Dũng giơ lên tờ giấy vẫn còn trắng nguyên, nhưng đã nhàu...

Thái Bình, tháng Chạp năm 1998.

Bảo Lộc, tháng Giêng năm 1999.

Chung ngõ

Con ngõ thật vòng vèo. Bắt đầu từ gần chân cột điện sát hè nhà cụ Lễ thuộc đường Lý Thường Kiệt, chỗ tụi trẻ con thường tụ tập chơi “xu vè” hoặc bắt cào cào vào buổi tối. Nó có những ba lối rẽ là thăm thẳm, trở ra đường Trưng Trắc. Đây là chưa kể một lối ôm bờ phía đông ao Tự Vệ, dẫn ra con sông Đào. Đoạn này thì tre mọc um tùm, nước dâng ngập lối mỗi khi có những trận mưa liên tiếp nên ít người qua lại, trừ bọn trẻ nghịch ngợm và dân câu cá trộm. Đoạn giữa của lối này còn một ngách nhỏ, thông ra đường Hoàng Văn Thụ. Ngách này chỉ có mỗi gia đình nhà bà Công, người đàn bà chồng đã chết và mắc chứng động kinh. Bà làm nghề mò cua, bắt ốc ngay tại cái ao sát nhà để nuôi bốn đứa con. Cũng may là thằng Hưng nhà bà đã biết câu cá trộm phụ giúp thêm cho

mẹ. Cuộc sống của gia đình này trông cả xuống ao.

Gọi là ao Tự Vệ vì ao do tự vệ khu quản lý. Họ nuôi sen, thả cá rồi thu hoạch gây quỹ. Cái tên này cũng mới, vì trước kia nó có tên là ao Ngàn. Nhiều người thích tên cũ hơn nhưng chả lại được, tự vệ thời này quan trọng và mạnh lắm. Nghe nói đây là lực lượng bám trụ, sẵn sàng chiến đấu nếu thằng Mỹ dám điên cuồng “leo thang” bắn phá miền Bắc. Ao to. Trong lòng ao còn chìm thân cái máy bay chuồn chuồn của Pháp. Nghe đâu là nó bị bắn rơi từ hồi trước tổng khởi nghĩa. Thân máy bay đã trở thành hang hốc của lũ lươn, chạch, cá trê. Mỗi lần tự vệ tát ao, thân máy bay là tâm điểm của sự ồn ào. Chui vào đấy thì tất nhiên biến thành “người bùn” rồi. Từ đầu đến chân cứ là đen nhầy nhầy, nhưng cá thì bắt đến sướng tay. Dân đi “hôi” coi đây là dịp bỏ. Bị triệt hạ lâu rồi, nó chỉ còn là đồng sắt vụn nằm tận đáy ao, thế mà còn gieo được khối chuyện đến là hãi hùng. Đó là những chuyện về con ma phi công tây đen. Chả biết thật giả đến đâu. Ai đó đã đồn thổi chuyện này đến đâu nhưng cả ngõ đều kinh.

Thị thành dù là nhỏ, nhỏ đến như cái ngõ này thì cũng khác làng quê. Ở đây không tồn tại mối quan hệ kiểu huyết thống, họ hàng như trong các làng xã. Dẫu nhỏ cũng vẫn “chín người mười làng.” Ông Lý xích lô người tỉnh Hà Nam. Ông Hậu khâu nón người tỉnh này,

nhưng ở một làng ven biển lên đây thửa mới độc lập. Còn thím Xuân thì nghe đâu người mãi tận tỉnh Thanh. Đời phức tạp! Nhà ông Lý và ông Hậu sát vách, đang thân nhau thế mà cãi nhau một trận ra trò. Nguyên nhân cũng từ trẻ con. Hai thằng con hai nhà rủ nhau đi ỉa, rồi cùng chạy. Cũng chỉ là hơn kém nhau vài bước chân, không rõ ràng trong chuyện “xếp hàng” mà nện nhau một trận chí tử. Kết cục là hai thằng đều ỉa cả ra quần và, hai nhà vì bệnh con đâm mất “đoàn kết.” Chuyện nghe như đùa nhưng mà thật. Cả ngõ dài dặc, đông đúc thế mà chỉ có năm cái chuồng xí của nhà ông Vinh, dựng sát bờ ao để lấy phân bán. Đấy là chưa kể một số người ngoài phố cũng thường vào đây đi “nhờ.” Dù ông Vinh có chăm chỉ, diết dáo đến mấy thì chốn này cũng eo ơi là kinh hãi. Nhiều lúc người ta phải lách chân thật khéo, mới tới được cái chỗ ngồi xổm. Mà cũng khối người từng bị ông Vinh chửi cho té tát, vì cái tội không biết giữ vệ sinh chung. Trẻ con ăn bọt tai của ông cũng là chuyện thường. Ông đã từng phải ra lệnh cấm tiệt vài kẻ, đã được nhắc nhở nhiều lần còn cố tình “sai phạm”, không biết giữ vệ sinh chung. Trưa đến thì cảnh “xếp hàng”, vịn vịn người, vò giấy xoàn xoạt như có ý giục giã kẻ trong kia. Rồi thì dấm dít thùm thụp, cố nín đến đỏ mặt đỏ mào để chờ đến lượt là cảnh quen của ngõ này. Xếp hàng dong gạo, xếp hàng mua thịt, mua nước mắm... thì đã hẳn rồi. Đến như phải xếp hàng vì cả cái sự này nữa

thì đúng thật là chuyện của ngõ này. Mà khổ! Xếp hàng mua những thứ kia thì cả tháng cùng lắm là đôi ba lần. Còn chuyện này, đổ anh nào thoát ngày ít nhất một lần đấy. Hình như đời có quá nhiều chuyện phải lo, nên cũng chả mấy ai bận tâm đến cái sự phải “xếp hàng” nhỏ nhặt này. Nói vậy chứ thím Xuân cũng đã nhiều lần phàn nàn, nhưng, phàn nàn rồi... cũng là để mà phàn nàn vậy thôi! Chả thay đổi được gì. Thím là con người nền nã thì thím kêu ca chuyện này là phải. Mà rõ lạ! Riêng gia đình thím ở đây người ta gọi rõ là thím Xuân, ông Nghĩa, chứ chẳng theo cái lối thông thường gọi vợ theo tên chồng. Hình như ngay trong cách gọi, họ đã muốn rạch ròi tình cảm của mình với vợ chồng nhà này. Thím Xuân lúc nào cũng vui vẻ, dù trong nếp sống thím có khác với mọi người, nhưng ăn ở biết điều, khôn ngoan như thím thì xóm giềng cũng khó mà chê trách được. Ông Nghĩa chắc phải hơn vợ đến gần hai chục tuổi, người thấp, đen, mặt lại đỏ hoa. Cũng đã có khối những câu thắc mắc, tại sao ông lấy được thím Xuân? Nhưng đấy là chuyện riêng nhà người ta. Chả ai có quyền! Ông Nghĩa làm trong công đoàn bốc vác bến sông, công việc là bốc xếp những bao lương thực vào kho nhà máy xay. Ông sống trầm lặng, trông khổ ải như một tội đồ phải sống mà trả nợ đời. Gần như ông chả chơi với ai. Còi tan tằm thì chiếc quần dài quàng ngược qua cổ, hai ống quần buộc túm trước ngực, cầm cúi mà đi. Ông thường dừng

lại ở bụi tre, tần ngần nhìn xuống ao một lúc rồi mới rẽ ngược ngõ về nhà. Một hình ảnh đã quá quen và buồn làm sao! – “Tâm tư lão này phức tạp, khó hiểu! Cái lối đầu lại gọi vợ là mợ, xưng tôi. Người đã chả ra hồn người còn học đòi lối “cẩn đuôi tư sản”. Rõ thối quá!” Đây là câu nói của ông Hậu. Cái nhà ông ưa khoa trương và thích triết lý nhất ngõ. Ông bị xóm ngõ đặt cho cái biệt danh nghe đến khiếp. Ông “chột lồi lăm gân”. Số là ông bị chột một mắt. Mắt còn lại hơi lồi ra, với những tia máu nổi rõ trông rất ngán. Xét vậy thì hình thức ông này có khi còn tệ hại hơn cả ông Nghĩa. Ấy nhưng ông lại là người lớn tiếng chê bai cái hình hài của ông Nghĩa nhất ngõ. Và, chính ông lại luôn “hấp háy” cái mắt còn lại trước thím Xuân. Bà Hậu đã có những lời ghen tuông bóng gió. Công bằng mà nói thì cũng chả riêng gì ông Hậu, khối kẻ cũng từng ve vãn, buông lời cợt nhả. Thím Xuân thì mềm mỏng, nghiêm trang, cũng chẳng để ai đến nỗi phải bẽ mặt. Vì vậy cũng chẳng ai trách được thím. Mà hình như ông Hậu cũng chẳng muốn giấu cái sự “hấp háy” của mình. Ông hay chép miệng, “hoài của” cho sự nằm dưới của người đàn bà “mỏng mày hay hạt” nhất ngõ, với cái lão rỗ mặt, đen lùn kia. Chả riêng gì ông Hậu, người ta còn bảo thím Xuân đẹp hơn cả cô Ky, vợ ông Kỳ Tân Đảo chỉ có ăn trắng mặc trơn ở dưới cầu Kiến Xương nữa kia. Thím Xuân có cái cổ ba ngón rõ trắng. Môi đỏ và một thân hình mềm mại. Nhìn thím

trong tấm áo phin nồn cổ tròn, quần lằng và vắn khăn nhung đen thì mê lắm. Thím ưa phin nồn và rất cẩn thận trong ăn mặc, sự này trái ngược với tính cách luộm thuộm, cầu thả của ông chồng. Quần áo thím mặc bao giờ cũng phẳng phiu, có ly dàng hoàng. Ấy là do thím đã tỷ mỷ gấp gáp áo quần từ tối, rồi xếp vào tấm ni nong đã trải sẵn ở đầu giường, khi ngủ thì gối đầu lên. Đã nhiều người ngờ thím hàng ngày mang quần áo ra hiệu giặt là của anh Hằng ngoài phố, nhưng rồi lại khẳng định là không phải thế – “Chẳng bao giờ thấy thím ấy lui tới cái hiệu đó. Lạ thật!” Người ta đi làm thì ăn mặc nhếch nhác từ nhà. Thím lại nề nếp trong tấm phin nồn, quần lằng phẳng phiu, cứ thon thả mà đi. Đồ lao động thím bỏ trong túi xách, chỉ khi làm mới chịu thay. Lúc đi làm về cũng vậy, chả ai bắt gặp người đàn bà ba con này ăn mặc không nền nã ra đường bao giờ – “Người như thế mà vẫn sống yên ấm bên cạnh cái lão kia được, Cũng hay!” Họ còn bảo ông Nghĩa là một trong bảy chú lùn, được sống với nàng Bạch Tuyết nữa cơ. Thím Xuân tham gia trong đội tự vệ khu phố. Thím đóng kịch hay lắm. Hôm đội văn nghệ tự vệ biểu diễn, mọi người cứ mê tới khen cái vai vợ bộ đội của thím. Thím làm nghề quét vôi. Một tay thợ cao cường đấy. Đường chổi thím đưa gọn ghẽ, có nét như một họa sỹ và chẳng bao giờ chịu để một giọt vôi rơi xuống nền, kể cả khi quét trần nhà.

- Thím quét vôi mà trông cứ như múa.

- Ranh con! Nhiễm cái giọng cãi lương của nó rồi à? Thím Xuân cười bả lả với Cẩm.

- Cãi lương! Cẩm nhắc lại, rồi... cũng cười.

- Rõ là chẳng biết rơ! Thím nguýt Cẩm, rồi hạ giọng – Mày không sợ à! Mày yêu thằng “muôn tâu bệ hạ” thật rồi à?

“Muôn tâu bệ hạ” là cái biệt danh khôi hài của anh chàng Liêm, diễn viên đoàn cải lương tỉnh. Anh hiền lành, thấp bé đến mức không đủ tiêu chuẩn sức khỏe nhập ngũ. Đấy cũng đủ cho một sự buồn. Từ ngày nhập đoàn cải lương, anh luôn ra sân khấu với cái giáo dài, và câu nói cửa miệng: “Muôn tâu bệ hạ.” Đấy là cái anh chuyên đóng lính hầu. Vai oách nhất của Liêm là đóng thiên binh nhà giời với ba anh nữa, trong vở “Truy Ngư”. Oách vậy nhưng bốn anh vẫn cầm giáo dài, xếp hàng ngang lẫn bánh xe trên sân khấu mấy vòng và chẳng chịu nói câu nào. Thím Xuân phát hiện ra thế và cười ngặt nghẽo. Nhà Liêm sát vách nhà cụ Lễ. Cẩm thì nhà ở đầu kia, cái lối đầu tiên trở ra đường Trưng Trắc. Cẩm “mê” thím Xuân lắm và đang theo thím học nghề. Cô gái mới lớn này đang bị tai tiếng vì yêu. Chung quy cũng tại cái tội khác người của Cẩm. Hai cái tội đối ngược của giai đoạn này kể cũng hay. Loại “chậm tiến”, và loại “tiến hơi nhanh”. Một đằng là đầu óc còn rớt tư tưởng phong kiến thực dân lạc hậu. Đằng kia thì cái thói sống

có chiều hướng "cắn đuôi tư sản." Cẩm bị ghép vào tội thứ hai. Đâu có cái loại gái khoác vai giai đi giữa ban ngày ban mặt? Tối lại thậm thụt hẹn hò. Họ bấu môi, khinh khỉnh – "Có mà đồ dī mới thế!" Rồi, lại thì thào – "Nhát ma như nó mà tối qua dám ngồi một mình bờ tre ao Tự Vệ đợi giai đấy!" – "Thì chính mắt tôi thấy mà". Gớm thật! Nghĩa là người ta không chấp nhận yêu đương kiểu ấy. Người ta bảo đấy là gái hư. Là dī thỏa. Nghe mãi khiến có lúc Cẩm đâm hoang mang. Hay là mình đã "hư" thật. Nhưng không thể không yêu Liêm. Cô bậm môi! Tai hại nhất với Cẩm là lũ trẻ con. Chúng nó thì biết gì? Thấy người lớn xì xầm vậy chúng khoái lắm. Chúng lại có trò dễ nghịch rồi. Cẩm đã biến thành mục tiêu của bọn nó. Cửa nhà cô bị viết kín hai chữ Liêm – Cẩm và những điều xằng bậy. Buổi tối, chúng phân công nhau theo dõi cô như lũ mật thám. Chỗ Cẩm ngồi tình tự luôn bị đất đá ném rào rào. Liêm hoặc Cẩm có lên tiếng, thì chúng hét tướng lên những câu lếu láo trước khi bỏ chạy. Cẩm ức lắm! Và rồi người ta cũng đưa chuyện đó ra kiểm điểm cô trong cuộc họp thanh niên. Cẩm vẫn khẳng khẳng – "Tôi yêu chính đáng, chả có gì là không đứng đắn!" Mà có lẽ đúng vậy. Cũng chả ai tìm ra được cái xấu cụ thể trong mối tình ấy. Nhưng, người ta vẫn cho thế là sai. Cẩm vẫn bị ghét. Vẫn không được vào tự vệ. Người chia sẻ được với Cẩm chỉ có thím Xuân. Thím bảo không xấu. Không sai. Nhưng thím khuyên Cẩm nên

kín đáo hơn. Cảm ơn thím lắm! Cô có biết đâu rằng chính thím cũng đã phải trải qua cái nạn ấy. Còn hơn Cẩm, thím phải khăn gói vượt sông Mã với cái bụng đã vượt mặt. Rồi thím gặp được ông Nghĩa. Ông địa chủ kháng chiến nhưng “bị đánh” tả tơi trong cái cách ruộng đất. Ông trốn khỏi làng, đang vô định thì gặp thím Xuân. Hai con người khốn khổ ấy đã bó bện, lưu lạc mãi rồi đưa nhau về ở cái ngõ này. Có lần ông Nghĩa bảo vợ – “Tôi cũng từng có một thời hăng hái. Sự thể không ngờ nó lại ra thế. Có lẽ là cái số! Tôi giờ yên phận rồi. Buồn lắm! Thôi thì mơ thay tôi yên tâm mà hoạt động đoàn thể. Việc nhà tôi lo.” Thím Xuân buồn buồn. Chả nói gì.

*

* *

Ngôi nhà đầu ngõ của cụ Lễ là một hàng nước ngon có tiếng. Tiếng tăm của chõng hàng này quy tụ ở những mặt hàng thổ ngơi dung dị như nước chè tươi, khoai lang luộc, thuốc Lào... và cả sự sạch sẽ, chần chu của cụ nữa. Ở đây chẳng ai luộc khoai ngon được như cụ. Những củ khoai lang to đều, không một tý xây xước được cắt bỏ hai đầu. Khoai được luộc khéo đến mức mặt ứa đều, vỏ ngoài tím sẫm lại, trông mờ mờ như được phủ một lớp keo. Củ khoai sẽ dính dính, rồi để lại một lớp mặt mỏng mỏng trên tay người cầm. Ăn nó có hương vị của bánh khảo, xen lẫn hương đậu xanh. Thật tuyệt lắm! Cái điều

bát được cụ chăm sóc rất cẩn thận. Que thông điều là chiếc lông cánh ngỗng. Đặc biệt là cái ống đóm làm bằng ống tre ngà. Những chiếc đóm tre được vót mỏng đều. Ngâm bún ao Tự Vệ rồi phơi kỹ nên lửa cháy rất đượm, không bao giờ bị tắt giữa chừng. Người hút thoả thê trong nhịp kêu giòn tanh tách, rồi ngửa cổ, khoan khoái nhả khói. Trông họ hút cứ như trên đời chẳng còn gì ngon hơn cái anh thuốc Lào. Cụ hăm chè tươi tài lắm. Nhấp môi vào bát nước là được hưởng ngay sự sảng khoái. Hương chè tươi, hương gió ngàn... hoà quyện, phảng phất lâng lâng. Cụ chủ lại hiền hậu như cụ hàng nước trong truyện cổ tích. Cũng tóc bạc như cước, khăn nhung đen và miệng cũng bồm bẻm nhai trầu. Chõng hàng như thế thì có tiếng là phải. Đến như ông Nghĩa, cũng chả có thoát được ngày hai buổi vào đây. Hôm nay thì không khí nơi này buồn, người ta đang bàn tán về cái chết của bà Công và lo cho lũ con nhà ấy.

- May mà thím Xuân thả ngay thằng cu Hưng, mới biết được mẹ nó bị chết đuối từ sáng sớm.

- Mấy bố tự vệ cũng ác. Nhà nó khổ thế thì lơ đi cho nó câu, còn nhiều sự bắt giam.

- Tôi đã biết trước sau gì bà ấy cũng chẳng thoát, động kinh mà suốt ngày mò mẫm dưới ao, lên cơn thì ai biết được mà cứu. Rõ khổ!

- Bây giờ thì bốn anh em nó biết trông cậy vào đâu?

Gian hàng lặng đi sau câu nói đó. Bà cụ Lễ thì vẫn âm thầm. Cụ đã bị dẫn vật về lũ trẻ nhà ấy, ngay khi nghe tin mẹ nó chết. Cơ cực chưa! Thoắt cái đã hoá không cha, không mẹ. Cụ rơm rớm nước mắt. Có khi phải đưa hai đứa nhà ấy sang đây. Rồi còn là khó! Tháng này đã ba mươi phần trăm ăn độn, trong tiêu chuẩn gạo của mỗi khẩu. Chiến tranh chắc cũng chả có tránh được...

Thím Xuân đã thay anh Thành trong cương vị trung đội trưởng trung đội tự vệ khu, sau ngày anh nhập ngũ. Thím cương quyết không cho tay An, đã ba lần đảo ngũ, nhưng lại đưa Cẩm vào tự vệ, mặc những lời phản đối. Chiến tranh đã đến rất gần. Cuộc tập duyệt chạy phòng không của ban quân sự thị xã chiều qua, khiến thím không yên. Chiếc còi tầm của nhà máy xay, đã được dùng làm còi báo động. Nó rú lên rồn rập, ba hồi một như báo hiệu tai ương. Tiếng còi mất hẳn vẻ thư thái, quen thuộc đã âm vang cả chục năm trong lòng phố. Thôi thì mạnh ai nấy chạy. Người ta ủa ra, đường phố phút chốc đông nghẹt người. Họ chạy thục mạng về các cánh đồng ven thị, như đã được học tập. Thật là một cảnh tượng hỗn loạn! Ngoài cánh đồng thì từng toán người vai đeo bị còi, ngồi túm tụm bàn tán. Câu chuyện cũng chỉ xoay quanh cuộc “chạy loạn.” Trẻ con thì vui như tết. Chúng chạy nhảy lung tung trên cánh đồng vừa được cày ải. Có lẽ chúng cho đây là một trò chơi thích thú mà người lớn bày cho. Tiếng gọi con, hò cháu vang động cả một vùng.

Đúng là “loạn!” Thím rất buồn vì sự bất lực của trung đội mình trước cảnh tượng nhốn nháo này. Sau cuộc tập duyệt là hơn một chục đứa trẻ lạc, được tự vệ dẫn về từng gia đình theo địa chỉ ghi trên tấm tôn gắn vào ngực áo chúng như tấm huy hiệu... Cảnh hỗn loạn trong tiếng còi rú cứ ám ảnh thím. Ngay hai từ “chạy loạn” trong lúc bàn tán của dân, cũng khiến thím không yên. Buổi họp rút kinh nghiệm về cuộc tập duyệt phòng không của ban quân sự thị xã cũng chẳng đi đến đâu. Nhiều người lúng túng, nhiều ý kiến trái ngược khiến thím càng phân vân. Một cuộc tập duyệt không thành công? Còn điều gì đó chưa phù hợp với xu thế cuộc chiến? Sự tàn khốc của chiến tranh đang ở phía trước. Bí hiểm! Thách thức! Trai tráng lần lượt ra trận, trung đội thì hầu hết là đàn bà con gái. Rồi sẽ ra sao đây! Một cảm xúc mãnh liệt chột dâng lên, có lẽ là tâm trạng của người có trách nhiệm trước khi bước vào trận đánh. Bất giác thím đưa tay, sờ lên tấm huy hiệu có ngôi sao vuông trên ngực áo.

- Này! Thím Xuân. Một giọng hơi gắt, vang ra từ hiên một ngôi nhà.

Vẫn là ông Hậu. Cái nhà ông ưa khoa trương và thích triết lý. Ông đã tự khoe mình có biệt tài: Vừa khâu nón, vừa đọc truyện lại vừa đánh cờ. Khâu nón là nghề của ông. Đánh cờ thì có. Ông thuộc diện cao cờ ngô này. Nhưng, làm cả ba việc ấy cùng một lúc như ông khoe thì

hình như cũng chưa ai thấy. Ông đang làm cái việc quen thuộc của mình: Ngồi khâu nón. Xuân cầm tay Cẩm, bước chậm qua mấy bậc tam cấp lên hiên nhà.

- Chạy nhốn nháo kiểu ấy, có mà làm mồi cho tàu bay nó bắn - Ông vung tay nói, khi hai cô tự vệ chưa kịp chào hỏi gì - Tôi không hiểu các bố ấy nghĩ thế nào, mà lại cho tập tránh tàu bay như thế? Có phải là chạy giặc càn hồi còn tề đầu? Ngày tôi thồ hàng cho chiến dịch Điện Biên, xe và người là cứ phải nguy trang cho thật kỹ. Có như thế nó ở trên gờm mới không nhìn thấy được mình chứ.

- Bác nói đúng!

- Mà tôi nghe nói tàu bay thẳng Mỹ bây giờ hiện đại lắm, chứ chả như của thẳng Pháp ngày trước. Tiếng gầm của nó cũng đủ làm đứt dây thần kinh trẻ con. Quảng Bình đã chết khối ra rồi đấy! Phải không hai cô? - Ngừng một lát, ông nói như ban ra - Các cô còn trẻ người, chưa biết. Chọi với tàu bay là không đùa được đâu...

- Ông chỉ được cái lẩm điều! - Một giọng gắt gỏng đã cắt ngang câu nói của ông Hậu. Bà Hậu đã ra, nguyệt dài về phía hai cô tự vệ. Hai cái "gai" trong mắt bà.

Xuân chán ngán, chẳng nói gì, kéo Cẩm bỏ đi. Hai cô rẽ vào hàng nước cụ Lễ. Vẫn là những lời bàn tán sôi nổi về

cuộc tập duyệt “chạy loạn”. Về chiến tranh. Cụ rót nước cho hai người, nhìn Xuân một lát, rồi nói nhỏ: “Cháu phải tránh được những suy nghĩ nôn nóng!”

Một loạt tiếng nổ rền vang, không khí bị ép lại. Lồng ngực bị nén tức nghẹt. Ụ súng chao đảo. Phía cầu Bo, những cột nước dựng lên, lẫn trong những cột khói xám xịt. Rồi những tiếng rào rào, phầm phập của những mảnh kim loại xé không khí găm ra mọi phía. Các tay súng mười hai ly bảy của trung đội bị một lực rất mạnh, xô về một phía. Xuân vịn đất, bật lên. Một sự im ắng đầy bất trắc. Xuân chột hiệu, cay đắng! Mình đã mắc mưu lũ giặc trời. Trong khi một phi đội “vĩ ruồi” cứ lượn lơ ngang dọc, khi thấp, khi cao trên khoảng trời cầu Bo. Một vài quả rốc két đã vu vơ phóng xuống, chẳng trúng đâu cả. Xuân đã hướng các tay súng của mình vào chúng nó. Lá cờ lệnh trên tay Xuân đã phất xuống mấy lần. Những loạt đạn xé không khí vút lên, nóng bỏng. Rồi, hờ hững để lại trên không trung những cụm khói trắng như mây, mong manh giữa trưa hè. Xuân đã bị hướng vào đó. Một tiếng “xẹt” rất nhanh. Chiếc máy bay từ phía cửa Trà Lý vút tới, lao dọc sông. Tất cả đều bị bất ngờ sau những loạt nổ và những cột khói. Bầu trời phút chốc trở lại im ắng. Cả khẩu đội đổ mắt về phía cầu Bo. Hai nhịp giữa đã đổ nghiêng xuống lòng sông cuộn sóng. Cầm tấm tức,

hai mắt đỏ hoe – “Em đã mấy lần đặt được chúng nó vào vòng ngắm rồi. Sao vẫn không trúng”. Xuân thì thần thờ như người đánh mất vật quý. Trận đánh đầu đã cho cô một bài học.

Sau trận bắn phá đầu tiên của giặc Mỹ, dân mới chịu đi sơ tán triệt để. Trước đó cũng có nhưng đi như chiếu lệ, như nể nang cán bộ đơn đốc phòng không mà đi cho phải phép vậy thôi. Đúng là không gì bằng sự nghiệt ngã đời thường. Bom đã rơi, đạn đã lạc thì chả cần phải ai đơn đốc cũng đi. Con ngõ như chìm sâu, hoang phế. Trên các mái nhà, những mảng trắng sáng loang lổ qua kẽ lá, dật dờ, ma quái lay động theo gió. Tre vẫy mình, cuộc kiên nhẫn, bất hoại từng tiếng kêu vọng ra từ ao Tự Vệ.

Cụ Lễ ngồi im lìm như cái bóng trước hiên nhà. Ngõi hàng nước của cụ bây giờ là điểm tập kết của tự vệ. Cụ không chịu đi sơ tán cũng có cái lý của cụ – “Tôi còn đi làm gì? Ông ấy và thằng Đô còn nằm cả trên Điện Biên. Tôi đi! Ai là người hương khói cho bố con ông ấy.” Họ cũng chịu cái lý của cụ. Nhưng có lẽ họ thương cảm, nể trọng cụ thì nhiều hơn. Sự thật ngôi nhà cụ đã trở thành địa điểm ấm cúng của trung đội, nhất là đối với những cô gái trẻ. Dù dửng cảm khi đối mặt với kẻ thù, nhưng họ cũng chỉ là những cô gái. Họ vẫn thích được nghe những câu mắng yêu, những cái vuốt ve và những xoang

nước bồ kết gội đầu từ nơi bà cụ đôn hậu. Ngôi nhà này cũng chả mấy khi vắng tiếng cười. Tối nay thì khác! Cụ ngồi lặng một mình. Chúng nó đang ở cả chỗ thằng Quất! Tội nghiệp thằng bé. Trẻ quá! Nó hy sinh cũng khoảng độ tuổi thằng Đô của cụ hồi chín năm. Cụ không dự lễ truy điệu, vì e không còn đủ sức chịu đựng. Cụ ngồi đó! Nỗi đau khiến cụ lặng đi. Nước mắt cũng cạn rồi! Từng lúc, con tim già nua của cụ như bị bóp nghẹt, thờ thẩn. Người chiến sỹ đầu tiên của thị xã ngã xuống, đã kéo cụ về với những mất mát đau thương trong quá khứ. Bằng này tuổi, cụ đã thấm thía cái giá phải trả cho nền độc lập. Cụ đã đủ niềm tin vào sức chịu đựng và sự kiên cường của dân tộc mình. Chúng nó sẽ đứng vững, sẽ chiến thắng. Cụ đã cảm nhận được điều đó qua ánh mắt Cẩm, khi con bé tức tưởi trong tiếng kêu – “Đau quá! Ngay trận đầu mình đã mất anh Quất và hai nhíp cầu Bo.”

Cụ thấy lòng ấm lại!

Bảo Lộc, tháng 8/2005.

Hạnh

Tôi vào đây tìm Hạnh vì những day dứt. Thấm thoát đã gần mười lăm năm.

... Mưa như sương sa nặng hạt, giăng mù trời. Mưa phùn, mưa bụi... hay còn cái tên gì khác nữa? Có lẽ dân gian vẫn còn bởi cái kiểu mưa ẩn tượng, khó quên này. Mưa dai dẳng đến khó chịu. Cảnh vật, người ngòm cứ âm âm u u, ươn ra trong cái ướt lép nhép của đất trời. Những bóng đèn đường đỏ quạch, chao đảo bởi những cơn gió bắc, thỉnh thoảng lại bị hất lên, mờ ảo trong màn nước mỏng. Tất nhiên là rét! Đây là cái rét cắt da của những ngày cuối tháng chạp. Vẫn biết rằng trời đất xoay vẫn là thế, phải chịu thế nhưng, “quen” được kiểu thời tiết này quả là khó lắm. Cái lạnh len vào các khe vải, lỏi qua từng nếp áo, luồn hun hút vào từng ngõ ngách.

Đường vắng ngắt, thỉnh thoảng lại bắt gặp một bóng người vội vã, cắm cúi những bước dài dưới hàng hiên như trốn cái rét của đất trời. Không gian này quen lắm! Ở đâu nhỉ? À, đúng rồi, nếu có cái xe tay trên đường kia, có cái anh phu nón mê đang gò lưng, xoạc cẳng kéo thì đúng là đường phố về đêm của những năm ba mươi trong truyện của Nguyễn Công Hoan. Tôi cứ miên man trong suy nghĩ, như muốn nắm bắt, tận hưởng một cái gì đó xa xôi không đường nét.

- Anh lại "hoài cổ" đấy phải không?

Tôi cúi nhìn Hạnh. Em mỉm cười, một cái cười rất buồn. Em đứng nép bên tôi dưới mái hiên của góc thư viện. Tôi là người thích và hay kể về những chuyện xưa với một vẻ luyến tiếc, đôi khi cả thần thờ nữa. Tôi bị gọi là anh chàng "hoài cổ" là vì thế. Hạnh là bạn thân của Phương - em gái tôi. Hình như Hạnh hợp với tôi, nên chúng tôi thường xuyên truyện trò và thân nhau. Tôi coi Hạnh như em nên trong tiếp xúc rất thoải mái, đôi khi còn nghiêm khắc. Hạnh bây giờ đã là cô giáo. Em học xong phổ thông, thi đại học không đỗ nên đi học mười cộng ba Thuận Hải (ngày ấy là hệ mười năm). Em ra trường đã gần một năm, hiện đang dạy học tại đó. Hạnh là con riêng của mẹ, dưới Hạnh còn ba đứa em khác cha. Tôi khuyên em ở lại thi thêm một năm nữa, nhưng em không chịu và quyết vào Thuận Hải. Tôi hiểu em thương

mẹ, muốn tránh đi những rắc rối trong gia đình. Ngày ấy là những năm cuối của thời bao cấp, đời sống rất khó khăn. Trong gia đình Hạnh, mọi thứ đều trông vào gánh rau của mẹ. Còn lương của bố dưỡng, cái đồng lương của một xã viên hợp tác xã thủ công trong tỉnh nông nghiệp như tôi, coi như không có.

Năm nay Hạnh về nghỉ Tết sớm. Còn những gần một tháng nữa mới Tết. Đây cũng là một điều không bình thường với một cô giáo trẻ. Khác với mọi lần, tối nay Hạnh đến nhà tôi có một mình với vẻ buồn bã, xanh xao.

- Em ốm à? Nam đâu? Tôi ái ngại hỏi.

- Em không biết. Hạnh trả lời mệt mỏi.

Tôi hơi giật mình vì trong giọng nói của em như hàm chứa một sự bất trắc. Nhìn vào mắt Hạnh, tôi lúng túng quay đi. Trong ánh mắt em có cái gì đó thật khó diễn tả, lúc ấy tôi không hiểu nổi. Nam là người yêu của Hạnh. Hai đứa là bạn cùng lớp từ những năm học phổ thông. Hạnh quý mến tôi, nên Nam cũng tỏ ra thân thiện với tôi. Tôi coi cả hai như em. Chuyện hai đứa không được suôn sẻ, vì bố dưỡng Hạnh không đồng ý. Ông luôn cho là mình đúng và thích áp đặt người khác. Mẹ Hạnh thì cam chịu, và chỉ muốn được yên cửa yên nhà. Hạnh buồn, thỉnh thoảng lại tâm sự với tôi. Cách đây gần hai tháng, Nam vào Thuận Hải với Hạnh, rồi hai đứa đưa nhau về nghỉ Tết.

- Em ở nhà với Phương, anh có việc phải đi. Tôi bảo Hạnh thế và dắt xe đi ngay.

Hơn mười một giờ khuya tôi mới về đến nhà trong tâm trạng phấn chấn. Tôi vừa được đi với Dịu, người yêu của tôi. Hạnh vẫn ngồi đây như có ý đợi tôi.

- Anh đưa em về nhé. Giọng Hạnh buồn buồn.

- Ủ! Đi thôi. Tôi cười – Cũng muộn rồi đấy.

Vẫn như những ngày nào, tôi thường đưa đón Hạnh mỗi khi em cần. Hạnh không lên xe, yêu cầu tôi dắt bộ và đi thật chậm dưới mưa bụi. Tôi biết em đang có tâm trạng. Lần này em về với tính nết khác hẳn, ít nói và hay cười mỉm, tinh thần có vẻ mệt mỏi. Tôi nhắc em quàng khăn cho khỏi ướt tóc.

- Không cần đâu anh. Em thích thế này! Anh biết không, trong đó em nhớ và mơ ước được những phút giây như thế này lắm. Mà có lẽ sau lần này em không bao giờ được đi cùng anh dưới mưa bụi nữa đâu.

Tôi giật mình trước câu nói của Hạnh, nhưng vẫn im lặng. Chúng tôi cứ chậm chậm đi trong mưa, tới cổng thư viện Hạnh nói nhỏ:

- Ta vào đây, anh.

Một vùng tĩnh lặng. Hương dạ lan ngát ngào lan tỏa. Không khí như được ướp hương hoa, đắm xuống trong

cái lạnh đêm đông. Anh em tôi rất thích nơi này. Có điều tôi hơi ngại vì đêm đã khuya, và đây là Hạnh chứ không phải Dịu của tôi. Vả lại, tôi vừa cùng Dịu ở đây ra. Nhưng chiều Hạnh, và thấy em đang buồn, tôi hy vọng vào đây sẽ được nghe em tâm sự. Tôi có thể giúp em được gì chẳng.

... - Ủ, anh đang “hoài cổ” đây. Tôi cười, cố tỏ ra vui vẻ, thoải mái.

- Còn em thì đang buồn. Rất buồn! Anh hiểu không? Hạnh nhìn tôi chất chứa.

- Anh không hiểu. Nam vừa vào đón em ra, em phải vui mới đúng chứ.

- Ngược lại, em khổ đau. Em đã mất tất cả, mất tất cả... rồi anh sẽ hiểu.

- Em nói gì mà nghe sợ thế? Bình tĩnh nói anh nghe xem nào.

- Rồi anh sẽ biết tất cả thôi... nhưng, có điều này em muốn nói với anh bởi em hiểu, nếu không, em sẽ không còn cơ hội nữa. Có thể anh sẽ coi thường em, thậm chí là khinh em... nhưng cũng chẳng sao.

Tôi nhìn Hạnh ái ngại, chưa hiểu em muốn nói gì. Chuyện gì đã đẩy em đến tâm trạng này?

Bất ngờ Hạnh quàng tay qua cổ kéo tôi xuống, hôn.

Một cái hôn đắm đuối với lời thì thầm: “Em yêu anh”.

Tôi chưa hết bàng hoàng thì Hạnh đã lao ra, chạy tắt tả trong mưa rét. Hình bóng em đơn côi, mờ dần rồi khuất hẳn sau khúc quanh đường phố. Tôi ngẩn ngơ nhìn theo, chưa biết phải làm gì, mãi sau như sức tỉnh vội nháy lên xe đạp theo.

Cửa nhà em đã đóng chặt, quang cảnh vẫn bình thường, quen thuộc như mọi đêm đông. Phố vắng, mưa giăng, ánh đèn đường vẫn mờ ảo hắt hiu. Tôi đứng nhìn một lúc rồi quay ra. Đêm đó tôi không ngủ được. Nụ hôn bất ngờ và hình ảnh em đơn lẻ, chạy trong mưa lạnh cứ day dứt tôi. Sau này khi đã trở thành người đàn ông thực sự, tôi càng thấy mình có lỗi và day dứt vì em.

Hạnh đã ra đi ngay sáng hôm sau. Vì không đi được, tôi bảo Phương lên Phú Thọ tìm Hạnh. Tôi ngờ Hạnh lên đó với Nam. Nhưng không, chỉ có mình Nam ở đó với thái độ rất thờ ơ, khó hiểu khi nói về Hạnh. Phương về nói với tôi như thế. Không yên tâm, tối đó tôi tới nhà Hạnh.

Ông Tới đang ngồi bên chai rượu với vẻ bất cần đời, toàn thân lỏng lẻo, ngả nghiêng. Cái đầu hói nhẵn bóng. Đôi mắt nhỏ gần như ti hí dưới cặp lông mày chổi xể gây cảm giác khó chịu, không yên tâm cho người tiếp xúc. Ông là xã viên kỳ cựu, có tay nghề cao trong hợp tác xã thủ công nghiệp tân tiến. Thời trai trẻ ông đã nổi tiếng là

một “tay chơi bạt mạng” trong cái phố thị này. Nghe đâu võ nghệ ông cao cường, lớp bạn bè cùng lứa ai cũng phải kiêng nể. Con gái qua tay ông nhiều, nhưng ông không lấy ai. Ở một thị xã nhỏ người ta gần như biết hết về nhau. Chuyện ông Tới ngày trước bọn tôi vẫn thường được nghe kể. Khi đã đứng tuổi, muốn lấy vợ lại khó. Cuối cùng ông lấy mẹ Hạnh, người đàn bà đã có con, chồng chết vì tai nạn. Năm ấy Hạnh đã hơn mười tuổi...

Ông ngược nhìn tôi, mắt gườm gườm và cái cười nhếch mép

- Chào cán bộ quản trị, ông đẩy chén rượu về phía tôi mà không mời ngồi.

Như người có lỗi, tôi hơi ngượng. Ngày ấy, tôi là cán bộ trong khối thủ công nghiệp thị xã. Chúng tôi đang rất bế tắc trong công việc. Các hợp tác xã thủ công gần như phải đóng cửa. Mà ngay cả các xí nghiệp, nhà máy quốc doanh của nhà nước cũng rơi vào tình trạng đó. Xã viên không có việc làm, họ phải tự bươn chải kiếm sống. Đây là tình hình chung của cả nước, vì thế đường phố nhan nhản những gương mặt bơ vơ, hốc hác. Bát cơm, manh áo giai đoạn này quả là một điều đáng suy nghĩ. Những năm cuối của thời kỳ bao cấp, ai đã trải qua thì quả thật là không thể quên được. Không khí xã hội thật nặng nề. Quan niệm sống đẹp của một thời bị chôn chôn, lệch lạc. Các tiêu chuẩn về giá trị cũng bập bênh trôi nổi.

Thanh niên gì đâu mà cứ mở miệng là kêu chán đời? Ngoài đường, bên những quán nước vỉa hè liên tục xuất hiện những chuyện “tiểu lâm hiện đại” của những tác giả vô danh, ngấm ra cũng hay mà thấm thía lắm. Ngay trong gia đình tôi, chuyện tưởng như đùa. Nói ra, thế hệ sau chưa chắc đã thông cảm cho, có khi họ lại cho tôi là kẻ “thích đùa” cho có chuyện. Nhưng xin thưa, chuyện đây thực một trăm phần trăm. Ấy là cái chuyện lấy vợ của ông anh tôi. Bố tôi bảo: “Tiêu chuẩn đầu tiên của vợ mày là phải có gạo bốn hào” (tức phải là cán bộ, công nhân viên đã ở trong biên chế nhà nước). Anh tôi là bộ đội phục viên, đã gần tứ tuần nên chuyện vợ con cũng rắc rối. Người mà anh ấy yêu, muốn lấy làm vợ lại không có gạo bốn hào như tiêu chuẩn bố tôi đặt ra. (Chị ấy làm thợ thêu bên khối thủ công nghiệp, tức là thuộc thành phần kinh tế tập thể). Bố tôi muốn anh cưới cô Lan. Bố bảo: “Ừ thì xấu, nhưng nó làm bên công ty ăn uống, thế là nhất rồi. (người nhà nước đang hoàng). Mà tôi cũng nói thật, anh mà còn chê nó thì có mà lấy “giời”. Lan là cô nhân viên “bê bần” cho một khách sạn. Những người bên thương nghiệp ngày ấy có giá lắm, bất cứ là loại thương nghiệp gì.

Thấy tôi lúng túng, mẹ Hạnh đang xếp dở mớ cà chua bỏ đấy, đứng dậy bảo tôi:

- Trời rét quá, cháu uống chén rượu với ông ấy cho ấm.

Trông bà gầy hắc đi, mặt mũi hốc hác. Ánh mắt lộ rõ ra là một người đàn bà cam chịu.

- Thưa bác, Hạnh có nhà không ạ. Tôi vờ như không biết Hạnh đã bỏ đi từ mấy ngày trước.

- Hạnh à. Nó bỏ đi rồi. Ông Tới gằm gừ, giọng chì chiết - Quân mất dạy, nó đang bơi gio trát trấu vào mặt chúng tôi đây.

Biết ông là người bỗ bã, trực tính, nghĩ gì nói ngay nên tôi cũng hơi ngại.

- Thôi mà ông, anh ấy đến chơi mà. Bà Tới nói xen vào.

- Thôi cái gì? Còn bà nữa. Chiều cho lắm vào nó mới ra cái cơ sự này. Tại sao việc tầy đình thế, mà mãi khi nó đi rồi bà mới cho tôi biết là tại làm sao? Bà khinh tôi phải không? Ông rít răng - Thăng Nam, quân chó má, thế nào tôi cũng phải xử nó, xem nó trốn mãi được không.

Ông Tới hằm hè nhìn tôi như nhìn "thằng Nam", khiến tôi rất khó chịu.

- Tôi đã nói ngay từ đầu - Ông Tới nói tiếp - Nhìn cái mắt nó cũng biết ngay là đồ đểu, mà có ai chịu nghe tôi đâu. (Bất giác tôi nhìn vào mắt ông, cũng quả có thể). Bà thì bênh nó chằm chặp. Thăng Tiến đấy, nó nhiệt tình thế, tử tế thế, lại gạo bốn hào nghiêm chỉnh (lại "gạo bốn hào", tôi thở dài ngao ngán) thì không chịu. Nếu nghe

tôi, thì đâu ra đến nông nỗi này - Ông nói như trút cơn tức giận.

Bà Tới đưa mắt cho tôi, hiểu ý bà, tôi xin phép ra về. Như chưa hết cơn giận ông Tới nói như quát:

- Bao giờ thì có lương cho xã viên đây? Ông cán bộ quản trị. Tám tháng rồi không lương, chúng tôi ăn đất chắc.

Thật là quá quắt, ông làm cứ như tất cả tội lỗi là do tôi gây ra ấy. Tôi cũng không lương, cũng không có gạo bốn hào như ông đây. Ông biết không?

Tiền tôi ra ngõ, bà Tới sục sục nói:

- Thật khổ cho nó cháu ạ. Bác cũng không biết phải làm gì bây giờ. Bỏ đây đi tìm nó thì không thể được, cháu thấy hoàn cảnh bác đấy. Mà thế này, bác làm sao mà yên tâm được.

Tôi bối rối trước sự khổ đau của người mẹ, lòng hoang mang chưa biết sự thật của câu chuyện ra làm sao.

- Bác cũng không ngờ là thằng Nam lại đồn mạt đến thế. Mà có lẽ cũng tại ông ấy. Người đâu mà cục súc. Cháu lạ gì tính nết ông ấy, không vừa ý điều gì là cứ làm như trời sập. Hôm nó lại chơi, chắc cũng cách nay gần hai tháng. Bác đang bận việc dưới bếp, thấy ông ấy to tiếng với nó trên nhà vội vàng chạy lên. Đúng lúc nó hầm hầm vừa bước ra khỏi nhà vừa quát to: "Ông sẽ biết

tay tôi". Bác đã lo có chuyện chẳng lành.

Bà nói như tắc nghẹn. Một đợt gió lạnh tràn qua, tiếng cành khô trong vườn gãy tanh tách. Trăng đông khiến không gian càng lạnh lẽo, buồn hơn. Tôi rùng mình, không tránh được một cái thở dài.

- Cháu biết không, sau đó nó lặn vào chỗ con Hạnh, rấp tâm làm hại con bé, đưa về đây rồi bỏ đi biệt. Nó trả thù ông ấy vô lương tâm quá, chỉ khổ con bác thôi. Bà không cầm lòng nổi, khóc nức lên.

Tôi chưa biết nói gì. Trước mắt tôi lại nhật nhòa hình ảnh Hạnh tắt tả chạy trong mưa đêm ấy.

- Khốn khổ thế đấy cháu ạ - bà nói tiếp: Con Hạnh về vui vẻ vì tưởng bố đã đồng ý việc của chúng nó, như lời thằng Nam lừa nó trong ấy. Rồi đau khổ khi biết sự thật. Nó kể thật với bác mọi chuyện rồi bỏ đi. Bác còn biết tính sao đây?

Tôi chỉ còn biết nghĩ Nam thật tàn nhẫn và khốn nạn.

Hạnh đang phải lưu lạc tận phương trời nào đây? Giấy báo quá phép... rồi biên bản kỷ luật đuổi khỏi trường đã về đến địa phương, đến gia đình. Ông Tới lồng lên. Bà Tới thì chỉ còn biết khóc. Tôi cũng đành bó tay trong cái khó khăn chung. Đúng là một tai họa!

Hai năm sau tôi cưới Diệu. Chúng tôi chuyển lên một tỉnh miền núi phía Bắc, làm công tác văn hóa. Chuyện của Hạnh tôi chỉ còn biết ngậm ngùi, ray rứt để trong lòng...

*

* *

Đêm, lửa bập bùng. Tôi ngồi bên em trong cái hoang sơ của đất rừng Tây Nguyên. Mùi bắp non nướng ngọt ngào lan tỏa. Em - Tôi - Rừng núi và một trời đầy sao. Một không gian xa xưa, hư ảo. Người đàn bà trong ánh lửa chập chờn như thực, như hư giữa cái vô cùng của trời đất. Em nắm tay tôi nói nhỏ:

- Thế này anh vừa lòng chứ, chàng “hoài cổ” ngẩn ngơ.

Tôi nhìn em với sự biết ơn của người tri kỷ. Người xưa dạy: “Trong thiên hạ được một tri kỷ, có thể không ân hận gì”. Phải chăng, tôi có được cái điểm phúc ấy. Người tri kỷ biết dành cho nhau những bất ngờ đẹp đẽ hơn lẽ thường. Biết nâng niu, trân trọng những điều thầm sâu thuộc tâm hồn. Với khả năng hiện tại, em có thể đưa tôi đến bất cứ nhà hàng sang trọng nào trong thành phố du lịch này, tới bất cứ đâu... Nhưng không, em dành cho tôi không gian này. Điều đó làm tôi cảm động. Chén rượu mừng hội ngộ, chạnh choáng bên lửa hồng chúng tôi uống chung. Bên người đàn bà đã để lại trong tôi

những dấu ấn, những day dứt xa xưa khiến tôi thần thờ.

- Em cảm ghét dần ông, trừ anh - Hạnh nói nhỏ nhưng rõ ràng. - Anh là kẻ "vô tình dễ thương" đến không thể quên được - Như không thể giữ được tình cảm, em thốn thức gục đầu xuống vai tôi.

"Kẻ vô tình dễ thương" - bây giờ thì tôi hiểu. Ngày ấy, tôi đã vô tình bắt em chịu cái thốn thức ngọt ngào của thiếu nữ mới lớn. Nhớ lại, hình như tôi cũng lơ mơ nhận thấy tình cảm nơi em. Tôi lảng tránh, không phải tôi không rung động trước em. Tôi lảng tránh vì cái "thằng anh" trong tôi không cho phép tôi cư xử khác với em ngoài sự "ngghiêm khắc tội tình". Không hiểu vì lẽ gì, ngày ấy, tôi đinh ninh rằng Hạnh là bạn em gái tôi thì mãi mãi là em tôi, không thể khác.

- Em đến với anh từ trước khi anh có Dịu - giọng Hạnh đều đều - Mà sao anh "ác" và "vô tình" đến thế? Ngày ấy em cứ nghĩ chắc mình xấu xí, chẳng ra gì. Em tủi thân, đau khổ mà không dám nói. Chắc anh hiểu tâm trạng em, một cô gái mới lớn, bị hắt hủi... Sau xảy ra chuyện với Nam, em biết là sẽ mãi mãi mất anh... Trước lúc ra đi, em đã can đảm hôn anh trong tủi hổ, trong mất mát đắng cay - Hạnh chìm giọng xuống - Ngày ấy hẳn anh khinh em lắm. Người như anh thì chắc thế.

Tôi thật cũng không biết nói với Hạnh ra sao. Chỉ mong rằng việc tôi lặn lội hơn một ngàn năm trăm dặm

đường vào đây tìm em, sẽ giải thích phần nào những suy nghĩ, tình cảm nơi tôi.

- Thật khủng khiếp phải không anh! Với một cô giáo, lại mang cái tội ấy, trong cái định kiến xã hội thời ấy thì em làm sao sống nổi. Em ra đi mà không biết đi đâu. Em không dám chết vì còn đứa con trong bụng. Cũng may, cuộc đời này còn nhiều người tốt. Chị Nhiên đã cứu mang em, giúp em dần lấy lại được thăng bằng. “Nhà tù nào cũng có lối thoát”, phải không anh. Dần rồi em cũng tự khẳng định được mình.

Hạnh cười buồn mà kiêu hãnh.

Tôi nhìn em thương cảm. Bên tai tôi văng vẳng câu nói của thằng Nam ngày trước: “Ai bảo lão khom dám mặt sát em”. Nam thật hèn hạ, vì “lão khom” mà nó đang tâm đẩy người yêu nó, một cô gái như Hạnh vào bước đường cùng. Cũng may, Hạnh là một cô gái có bản lĩnh. Còn tôi, từ ngày ấy cứ như người có lỗi, cứ day dứt vì em.

Lửa đêm cứ bập bùng tối sáng. Xa xa vọng lại tiếng tác của một con hoẵng nghe rất sâu thẳm. Chúng tôi ngồi yên rất lâu bên nhau. Sự đời thật trở trêu! Đàn bà có nhan sắc thường phải gắn vào cái nghiệp đa đoan. Tôi cứ vẫn vợ nghĩ. Liệu em đã thật sự bình yên chưa? Với cái danh tiếng một nhà doanh nghiệp tài ba của thành phố như báo chí từng ca ngợi - với một cô con gái

Nguyễn Khương Trung

xinh đẹp, học giỏi, đầy triển vọng trong tương lai. Hay ngày mai - ngày mai những truân chuyên của cuộc đời vẫn chưa chịu buông tha em. Có điều tôi tin những con người như Hạnh, không dễ gì bị khuất phục trước cuộc sống.

Bảo Lộc 8/ 1998

Chuyện bạn tôi

1.

Tết chưa hết nghe mày, đừng giữ cái mặt ấy, xui lắm! Có chuyện gì để ra giềng, tôi đẩy ly rượu về phía Nhật - uống đi!

Nhật vẫn ngồi yên như không nghe thấy, mắt lơ đãng nhìn lọ hoa trên bàn đã bắt đầu tàn.

Hiểu tính nó, tôi không nói nữa. Rót rượu uống một mình - kể cũng tức, mồng ba tết nó đến nhà tôi với cái cười nhếch mép thay cho lời chào. Mặt lãnh cảm, không ra buồn cũng chẳng ra vui nhưng, khó coi. Kinh nghiệm bè bạn cho tôi biết nó đang không được yên. Những lúc này mà hỏi nó thì bằng hỏi đầu gối. Tốt nhất là kệ nó.

- Tao về - Nhật nói và đột ngột đứng dậy, bước ra.

Ừ! Mày về - Tôi nói thờ ơ, mắt dõi theo cái dáng mảnh khảnh của nó đang khuất dần sau bụi tầm xuân.

Ly rượu như đắng hơn, tôi dốc cạn. Một cảm giác mơ hồ tràn đến. Điệu nhạc nhẹ bên hàng xóm vọng sang, du dương buồn. Thời tiết thật trở trời, tết nhất gì mà lại nắng chang chang thế này? Năm nay sao giời đất giở chứng thế? Vô duyên! Thật không gì vô duyên bằng cái nắng chang chang giữa những ngày nguyên đán. Không được mưa bụi như Bắc Kỳ, thì ít nhất không gian cao nguyên lúc này cũng phải hiu hiu, se lạnh như mọi năm mới phải chứ. Đúng là có sự đánh cắp! Ai đó đã đánh cắp mất khí xuân của đất trời. Đánh cắp mất cái không gian dịu dặt, thiêng liêng rất riêng của những ngày Nguyên đán. - Tôi bức bối nghĩ. Cả năm bận rộn, được mấy ngày thư thái muốn tận hưởng tiết xuân thì trời lại nóng, lẽ ra, những ngày này cao nguyên phải hoe nắng, với cái rét chỉ đủ lạnh thì thú biết bao. Thời tiết! thật đúng là thời tiết. Tôi ngao ngán nghĩ về sự thay đổi bất thường của nó, bất giác lại nghĩ tới câu Nhật hay nói: "Đàn bà và thời tiết!" Tôi bật cười. Thằng bạn tôi có cái nhìn về đàn bà cũng thật lạ. Với Nhật, câu ấy nó không nói theo kiểu thuận miệng, khơi khơi như người ta, hình như nó nghĩ tâm địa đàn bà như vậy thật; cho nên tới tận bây giờ nó vẫn không chịu yêu ai, rất ngán ngấm khi nhắc tới chuyện

này. Tính nết nhẹ nhàng, chu đáo, phụ nữ nhiều người thích nó. Nó vẫn ân cần, quý mến nhưng yêu thì không. Tôi để ý thấy đã vài cô gần như si mê nó, rất chủ động trong tình cảm. Nó thì vẫn nhẹ nhàng tìm cách lảng tránh, cuối cùng cũng thôi. Có lần tôi hỏi về chuyện ấy, Nhật bảo: “Tao coi đó là trò phù phiếm, vô bổ nhất trần đời. Cái mà người đời gọi là tình yêu - Tao là kẻ ngoài cuộc.” Một lần chuyện trò về vấn đề này, mãi... rồi vợ tôi bảo Nhật:

- Anh chưa gặp đúng đối tượng đấy thôi. Em chỉ sợ, đến lúc đó lại bỏ tất cả mà theo người ta ấy.

Nhật nheo mắt cười, thông thả nói: “Cô lại nhìn sai về anh rồi, với anh, đàn ông và đàn bà không phải là hai nửa của nhau như người ta thường nói. Anh thấy mình thế này là hoàn chỉnh.”

Có lần vợ tôi bảo tôi: “Anh Nhật tốt thì tốt thật. Một con người đa cảm, nhẹ nhàng và chu đáo với mọi người, nhất là với phụ nữ, nhưng không nên lấy vợ”.

- Sao lại ngược đời thế?
- Người như anh ấy sẽ rất dễ làm khổ người khác.
- Em thì chỉ được cái...
- Cái gì? Rồi anh sẽ thấy em nói là không có sai đâu.

Tôi không cãi nữa, nhưng nghĩ: Có thể vợ tôi nói đúng, về vấn đề này các bà ấy thường sâu sắc hơn đàn ông.

Dang miên man nghĩ về Nhật, vợ tôi từ phòng trong bước ra, hỏi:

- Anh Nhật về rồi hả anh?

- Ủ! Anh ấy cứ thế nào! Chẳng còn biết lối nào mà lần.

- Chẳng thế nào đâu! Anh đừng bận tâm, ông ấy thì tính nết như “thời tiết”.

Tôi tròn mắt - Lại thời tiết! Hết “đàn bà và thời tiết!” Giờ lại đến “ông Nhật và thời tiết!” Tôi cười thú vị.

- Anh làm gì mà có vẻ thích thú thế? Em nói thế không đúng à? Anh Nhật thoát vui, thoát buồn, ai mà lường được. Chả là “thời tiết” thì là gì?

- Anh ấy quá nhạy cảm nên thế thôi. Tôi nói nhỏ.

- Nhạy cảm gì chả biết, nhưng anh thấy như thế này thì có “chết người ta không?” Hồi trong năm, anh ấy ngồi chỗ này này. Uống trà một mình có vẻ hứng thú lắm, chợt một cánh hồng vừa rụng xuống từ lọ hoa trên bàn, anh ấy nhặt lên, nâng niu ngắm. Rồi trầm tư. Em cười, hỏi: lại sao rồi?

Trầm ngâm một lúc, anh ấy bảo: “Nhìn cánh hoa rơi, anh chợt nhận thấy sự khác nhau giữa hoa thật và hoa giả. Mọi thứ bây giờ thật giả cứ lẫn lộn, chẳng còn biết

lối nào mà lần. Có lẽ hoa thật và hoa giả giờ chỉ có thể phân biệt được bằng cảm xúc. Hoa thật khi tàn thì lá tả rụng cánh, cho ta một chút băng khuâng, man mác. Hoa giả thì không. Tuyệt đối không bao giờ cho ta được chút buồn man mác đó.

- Phúc tạp quá! Em nhăn mặt cười.

- Chả có gì là phúc tạp, anh ấy nói tiếp: "Anh có cô bạn luôn cắm trong phòng một cành hoa giả rất đẹp, lúc nào cũng tươi. Anh không thích, nên có lần bảo: "Sao em không chơi hoa thật?" Cô ấy nói: "Anh nhìn cành này không đẹp hơn hoa thật à? Lại không tàn." Cô ấy cười cười, nói tiếp: "Chắc anh lại bảo nó không có hương chứ gì? Chẳng sao đâu! Người ta chỉ ngắm hoa cắm trong nhà từ xa, mà đã xa thì cái hương kia trở thành vô nghĩa. Anh thấy không, từ xa nhìn vào lọ hoa của em vẫn đẹp, ý nhị nữa ấy chứ! Em thích nhìn mọi vật từ xa một chút, nếu gần quá, mọi cái đều trần trụi, đáng thương. Như vậy, cắm hoa giả vẫn hơn, vẫn có hoa mà đỡ phải bận tâm nhiều về nó". Lúc đó anh không đồng ý, nhưng cũng không tìm được lời lẽ lý giải về cái không thích của mình nên không nói gì. Hôm nay, nhìn cánh hồng lìa từ bông xuống, anh chợt chạnh lòng. Một cảm giác như sự mất mát làm ta trần trụi, chợt buồn. Phải chăng, cảm xúc ấy chính là sự khác nhau về giá trị giữa hoa thật và hoa giả?"

Ông ấy làm cho em một thôi một hồi. Em chỉ còn

biết... cười. Đấy - Tính tình kiểu ấy. Vui, buồn cứ loang loáng thì chẳng phải là thời tiết thì còn là gì.

Một con người đa cảm, nhưng dứt khoát không phải là thời tiết. Tôi nghĩ. Nhật quá nhạy cảm nên vui buồn bất chợt. Thời tiết là sự thay đổi, sự tráo trở bất thường, vô tâm, vô tư. Còn Nhật thì rất chân thành với bè bạn, sống tốt với mọi người. Chính vì sự quá nhạy cảm, nên cuộc sống của Nhật mới nhọc nhằn làm sao. Bạn bè cùng lứa đã ổn định, nhiều người còn có cả sự nghiệp vẻ vang. Riêng Nhật vẫn long đong. Cuộc đời Nhật như số mệnh đã định sẵn. Nó không vượt qua được. Học giỏi, tính tình sâu sắc, hiểu biết rộng nhưng truân chuyên. Đấy là những nét cơ bản trong con người bạn tôi. Tôi cứ băn khoăn trước sự trái ngược, tính cách ấy, sao cuộc sống cứ mãi nhọc nhằn. Có lần tôi bảo Nhật:

- Sự nghiệp mày đang dở, mày vất vả là do tính nết mày.

Nhật chỉ mỉm cười - khẽ gật đầu. Mà có lẽ đúng vậy. Ngày trước, các kỳ thi nó không vượt qua được đâu phải do kiến thức, đến như tôi mà còn đỗ được cơ mà. Nó trượt toàn do những điều tôi cho là "vớ vẩn", "phù phiếm". Còn nó lại trăn trở, chết sống vì những cái "vớ vẩn" ấy. Hoặc có đỗ, đang học cũng bỏ dở dang. Những lần bỏ này thì do hoàn cảnh đặc biệt của gia đình nó. Đôi khi tôi chợt nghi ngờ: "Hay Nhật là người không có chí".

Nhưng, có điều tôi thấy nhiều lúc Nhật có những dự định và suy nghĩ luẩn quẩn. Phải chăng những điều này xuất phát từ những bức xúc trong gia đình nó? Vận may của đời người chỉ đến một vài lần, nhưng Nhật thường bỏ lỡ, hoặc do mặc cảm tự ti mà không chịu tận dụng. Bạn bè nhiều người tạo điều kiện, nó cũng chỉ ậm ừ rồi lảng tránh. Nhật cứ dang dở, nhọc nhằn, khiến tôi không yên và tiếc cho nó, nhẽ ra, nó đáng có cuộc sống xứng đáng hơn; một chỗ đứng đúng với khả năng của nó, để cống hiến cho đời. Vị trí của nó không phải là những cuộc xe ôm trên đường, hoặc một vài sào hòng để hàng ngày nó miệt mài với chiếc sà bắt trên tay. Tôi tiếc cho nó lắm! Nhật có cuộc sống nội tâm nhọc nhằn. Chắc hẳn còn có điều tôi chưa hiểu và cảm thông với nó. Bố mẹ ly dị. Nhật không chịu sống chung với ai, cũng không chịu nhận sự giúp đỡ của ai, mặc dầu ông bố rất thương và thừa điều kiện lo cho nó. Nhật dựng một phòng nhỏ trong vườn cây ăn trái của mình, tự làm nuôi thân. Nó cứ thong dong một mình một cõi.

2.

Mồng sáu Tết, tôi đi làm về đã thấy Nhật ngồi một mình, dáng trầm tư.

- Mày đến lâu chưa?

- Lâu rồi!

Tôi dựng xe, ngồi đối diện với Nhật - Đầu năm, mày có gì mà có vẻ không vui.

- Tao mang trà ngon đến với mày, có chuyện muốn nói đây. Nhật rút trong túi ra gói trà bọc trong mảnh báo cũ. Trà Shan-Bach mao trà, thăng Bắc ở Thiện Phương-Bảo Lộc, gửi làm quà tết cho tao. Mày uống rồi sẽ biết, thật quý, cái hương vị của nó thơm cứ tựa như hương của da thịt em nhỏ.

Tôi cười mà không cãi. Trong đám bạn tôi, Nhật là người sành và quý trà nhất. Ấy vậy mà dịp lễ hội trà trong năm, nó làm tôi chưng hửng, chả còn hiểu ra làm sao. Tối ấy tôi hý hửng đến rủ, nó lại lạnh lùng, bảo: "Không đi!"

- Ờ hay! Tao tưởng mày...

- Tưởng gì... Tưởng ở Đài Loan! Tao chỉ uống trà theo cách của tao.

- Nghĩa là thế nào?

- Nghĩa là đối với tao trà chỉ có lễ, có đạo, có kinh chứ không có hội. Vợ vẫn! Đến cái nơi huyền ảo, thành thịch ấy mà lại gọi là nơi uống trà?

- Mày phức tạp bỏ mẹ... tao chả hiểu gì sất.

Nhật cười - Chả có gì là phức tạp cả, nhưng mày cứ

thắc mắc thì tao nói ngắn gọn thế này: Với tao, uống trà là để cảm nhận sự tự tại, trong những giây phút thanh thoi tĩnh lặng, là thời điểm giao bôi giữa tâm hồn người uống trà và chén trà. Vì thế, cái đầu tiên cần là một không gian yên tĩnh, thanh sạch.” – Thôi, mày về mà rủ vợ mày đi cho vui.

Tôi chỉ còn biết cười mà đi một mình. Cái kiểu uống trà của nó đúng sai thế nào tôi chẳng biết. Mà, tôi cũng chả hơi sức đâu mà nghĩ đến những chuyện “vớ vẩn” như nó. Tôi còn phải lo làm ăn. Nhưng quả thật, nhiều lúc tôi “khoái” nó. Nó bảo: “Trà nhân là những ẩn sĩ!” Nhìn nó ngồi uống trà một mình, đúng là có những nét ưu tư của ẩn sĩ xưa. Tôi thích ngắm nó lúc ấy. Nhật đã từng phát biểu: “Trong muôn vàn của ngon vật lạ ở đời, trà là quý nhất. Nó là biểu tượng của sự thuần khiết, thanh cao. Bọn trọc phú không thưởng thức nổi trà?” Trong phòng Nhật có bộ độc ẩm Thế Đức màu gan gà thật xinh. Có lần nó khoe với tôi: “Mày biết không, bộ độc ẩm này ông Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu đã từng dùng. Tao là tri kỷ của cháu gái ông ấy nên được tặng lại - vô giá đấy”. Nó nói thế, tôi cũng chỉ biết thế nhưng cũng gật đầu tán thưởng. Nhật úp miệng chiếc độc ẩm vào tai tôi, hỏi: “Mày có nghe thấy tiếng o o không? Quý là ở đấy”. Nó pha trà và uống cầu kỳ. Một người trẻ tuổi mà uống trà kiểu nó bây giờ tôi thấy hiếm. Có lúc nó say sưa kể với tôi các loại, nào là trà Tâm Vọng, trà Thiết

Quan Âm... Nào là Trăm mã trà, Bạch mao hầu ở mãi đây Vũ Di Sơn bên Tàu... nào là cách dùng trà của các bậc vua chúa vương giả xưa... Những lúc ấy trông nó say sưa, tâm đắc lắm. Kể ra được nghe nó nói về trà cũng khoái. Nhật tự tay pha trà và rót nước mời tôi.

- Mà nói về trà tao không dám cãi. Nhưng với tính cách mày, làm văn nghệ sĩ thì đúng hơn.

- Tao! Văn nghệ sĩ cái nổi gì. Có chuyện muốn nói với mày đây. Nhật rút trong túi ra một cuốn sổ bìa đã cũ

- Đây là nhật ký của mẹ tao ngày xưa. Mày xem trước trang này rồi nói chuyện với tao. Tao sẽ cho mày mượn đọc sau.

Tôi đón quyển sổ, lặng lẽ đọc những dòng chữ mà Nhật đã mở sẵn. Trong sổ là tấm lòng nồng hậu của cô gái với người yêu.

Nhật nói chậm rãi: "Mày đọc hết rồi sẽ thấy, cả sau này khi đã làm vợ rất lâu, mẹ tao vẫn viết về ba tao với tấm lòng như thế. Sao bỗng dưng bà lại bỏ một người đáng kính như ba tao, để theo người đàn ông khác? Ba tao nhân hậu, ông đã làm hết khả năng để gìn giữ hạnh phúc gia đình mà không được. Mày biết không, chính điều này đã khiến tao không thể tin vào đàn bà. Mày đã thấy đấy!" Nhật nói xong mệt mỏi cúi xuống.

Sự phản bội của người mẹ đã làm Nhật mất lòng tin

với đàn bà. Một người tốt tính, đa cảm như Nhật tới giờ vẫn chưa chịu yêu ai là vì lẽ đó. Tôi thương Nhật. Bạn tôi đã bị giày vò quá nhiều, vì những lỗi lầm của thế hệ trước. Phải chăng đây cũng là một trong những lẽ, khiến cuộc sống của bạn tôi cứ phải nhọc nhằn, dang dở.

- Mày nói đi! Đàn bà có đáng tin không... có đúng là “thời tiết” không?

- Tao không dám nói gì về ba mẹ mày. Nhưng có điều những suy nghĩ của mày cũng “thái quá” đấy. Không thể nói tình cảm tất cả đàn bà trên thế gian này đều như “thời tiết”, đều không thể tin được. Có lẽ mày bị cú sốc quá lớn nên nghĩ vậy thôi. Ở vào vị trí mày, tao chưa chắc đã hơn gì. Có điều, tao khuyên mày cũng nên bình tĩnh mà suy nghĩ, nhìn nhận.

- Thế mới khổ! Tao đến với mày chính vì chuyện này đây. Mày biết không! Không thể cưỡng lại được, mặc dù tao đã dùng mọi lý lẽ. Nhật mệt mỏi, hạ thấp giọng: “Thật khổ! Tao mới bị tiếng sét ái tình đón ngã. Tao cứ tưởng với tao không bao giờ có chuyện đó - hóa ra không phải thế! Nàng dịu dàng quá. Chính nét duyên thầm của nàng đã hạ gục tao.” Ngừng một lát, Nhật nói chậm như thú nhận thất bại.

- Tao vẫn có “gót chân” A Sin. Nàng đã điếm đúng.

Tôi cười tuế tóa - Tưởng gì, thế thì tốt quá chứ sao.

Nguyễn Khương Trung

Tao mừng cho mày. Mày nên biết cách đây trên một ngàn năm, trong kinh Kô - Ran của đạo Hồi đã dạy: “Các người được sinh ra. Đàn ông để cho đàn bà. Đàn bà để cho đàn ông...” Mày thấy chưa! Thôi nào, hãy bình tĩnh, vui vẻ mà đón nhận. Đó là ân huệ của trời đất đấy. Nhưng mà... cho tao hỏi người ở đâu mà “ghê gớm” thế?

Ngọc Hà - Hà Nội - làng hoa nổi tiếng cả nước. Nàng vào đây với ông bác, để lấy giống hoa ra ngoài đó.

Tôi chợt nhớ đến câu vợ tôi đã nói với Nhật: “Anh chưa gặp đúng đối tượng đấy thôi. Em chỉ sợ, đến lúc đó lại bỏ tất cả mà theo người ta ấy”.

Có khi vợ tôi nói đúng. Thật là: “Con đường nào rồi cuối cùng cũng về La Mã”. Không sai.

Bảo Lộc mùa đông 2006

Lão Khuếch

Nhẽ ra lão tên là Khuết. Có lần mẹ lão bảo thế. Lão được sinh ra trong một đêm trăng không tròn. Bà đỡ người làng lấy ngay cái đặc điểm ấy của trăng trời, đặt thành tên. Nhưng, bà nội không đồng ý. Tên ấy cuộc đời sau này sẽ không được may mắn. Thôi! Gọi nó là thằng cu Khuếch. Khuếch là tấn tới đấy! Bà bảo vậy. Thế là lão mang cái tên ấy. Khuếch hay Khuết cũng vậy cả, lão nghĩ. Lão không tin cái tên lại liên quan đến số phận con người ta – chỉ vớ vẩn. Rõ đồng bóng quá!

Ở đời lão ghét nhất cái từ “phó”. Cứ theo suy diễn của lão thì đây là một từ chỉ hạng chuyên làm cái việc phụ giúp, lép vế, không đáng kể ở đời. Sao lại cứ phải là “phó”? Vươn lên chứ! Trong lão đang sôi sục cái sự không chấp nhận. Nhưng mà khổ, cái từ “khốn nạn” này

lại cứ bám riết lấy lão. Bởi thế lão cay cú, hằn học. Hay tại “ghét của nào ghét trao của ấy?” Lão đâm phân vân! Ông giời kể cũng ác thật. Ít chữ thì ít, nhưng lão hiểu quá đi chứ, có nói “giời” mà chỉ là cái anh cấp phó, cũng cứ là đời đời đứng sau thằng khác. Không tin thì cứ mang chuyện cổ kim ra mà xét - sẽ thấy ngay! Này nhá, cái nhà bà cụ Chắt thôn Thượng xưa nay làng xóm vẫn nể trọng chứ gì? Lão cười khẩy! Trọng vì người ta kém hiểu biết... vì ngu... với lão... hạng ấy không bao giờ là cái thá gì nhá! Gia phả giòng họ ấy còn rành rành ra đấy, ông Đồ Đức Kể đồ Phó Bảng khoa thi năm Kỷ Sửu, thời vua Minh Mạng triều Nguyễn. Thế mà làng xóm lại nhặng lên rằng danh giá lắm! Vẻ vang lắm! Rõ là cặn nghì! Lão đã nghiên cứu kỹ rồi, tìm tòi hỏi han chán ra rồi. Phó Bảng chẳng qua cũng chỉ là cái danh được lấy thêm của anh đã qua kỳ thi Hội, nhưng chưa đủ điểm thi Đình. Thêm mà lại bảo rằng danh giá! Rõ khổ cho cái sự dốt! Thi Hội, thi Đình là gì thì lão cũng chẳng cần biết. Mà biết làm gì, khi cái nhà anh kia chỉ do người ta thương, người ta lấy thêm. Hỏi rằng còn danh giá cái nỗi gì? Lão nghĩ vậy và, coi thường. Rồi đến anh phó Lý trong làng nữa, đúng là cái chân loong toong. Triện mộc thì chẳng được giữ. Cũng là la hét cho oai vậy chứ mọi quyền hành, bổng lộc, lý trưởng nó nắm hết. Và còn bao nhiêu cái phó khác, nghĩ thêm não ruột... Đến như cái anh “phó thường dân”, theo cách nói của nhiều người bây

giờ thì thật mĩa mai hết chỗ nói. Đúng là cái lối nguy hiểm theo kiểu “trọc đầu thì mát” để tự an ủi. Nghĩa là, đối với lão tất cả các loại “phó” ở đời đều xoàng xĩnh, chẳng đáng mặt. Thế mới khổ! Lão không ưa thì nó cứ dính vào, dính chặt như bị quét nhựa mít mới ác chứ. Lão ức lắm! Thiên hạ thói mồm! Mà thói thật, cứ mở miệng là gắn lão với phó nọ, phó kia.

Công bằng mà nói thì ngày trước, tức là từ cái ngày lão chưa nghĩ mình đã thành cán bộ, lão không ghét cái từ phó. Đã có một thời gian thật dài lão rất khoái từ này. Ấy là cái thuở mà đầu còn để chỏm, theo cha ngược xuôi đi đóng cối cho thiên hạ. Cuộc đời thì “bãi bể nương dâu”, con người ta có thay đổi ầu cũng là cái lẽ thường, đây lại là sự tấn tới, đáng quá đi chứ! Lão chợt nhớ đến câu nói của bà nội ngày xưa. Lão thấy mừng và quyết định bỏ hẳn nghề đóng cối gia truyền – phẩn đấu, chuyển mình thành cán bộ. Đời cũng buồn cười! Nhiều sự đến với người ta cứ bất ngờ như gió giời. Cái ý nghĩ này đến với lão cũng vậy, tình cờ, rồi ạt ào như cái nhà cô Mít trên mạn ngược thuở trước. Lão ớ ra, rồi.... Bị mơn trớn, khuất phục.

Nói là đã một thuở lão khoái cái từ phó, bởi lão không thể quên được cái cảm giác thên thên khi lần đầu được người ta gọi là anh phó. Lúc ấy, tự nhiên lão thấy mình đã nhớn lắm, và oai nữa. Nhà lão nghèo. Cụ thân sinh ra lão đã truyền dạy rằng: “Đóng cối là nghề

gia truyền, là cái “cần câu cơm” của dòng họ. Đời đời con cháu phải gắng mà gìn giữ”. Cũng như lão, cha lão đã từng theo ông nội ngược xuôi, ăn mòn bát đũa thiên hạ. Để rồi, đến một ngày nào đó trở thành bác phó cối đình đặc. Tương lai của lão đấy! Lão hiểu cha mình nghĩ vậy. Dù muốn hay không, đời lão cũng chẳng thể khác được. Nghề gia truyền mà! Cha lão bảo: “Nghề này không giàu được. Nhưng, cũng chẳng lo bị đói”. Thế là đời cứ thên thên, cha con lão lủn lủn đồ nghề, rong ruổi ngược xuôi. Lão cũng chẳng được học hành gì nhiều. Chỉ đến lớp ba. Biết đọc, biết viết, kiếm cơm thiên hạ được rồi! Cha lão khoát tay phán thế. Tuổi thơ của lão cũng giản đơn. Những dụng cụ, vật liệu của bác phó cối vương vãi khắp nhà. Đồ chơi của lão đấy. Được cái lão cũng sáng dạ. Những thanh gỗ làm cầu và tay xay, những mảnh dăm cối chắt thành đống to lù lù, thỉnh thoảng mẹ lão lại quần quật khuân ra phơi vào những ngày nắng đẹp để chống mốc. Đồ chơi của lão đấy! Những thứ đó qua tay lão đã biến thành cần câu gỗ, thành xe cút kít và những cái cù... bán, hoặc đổi lấy khoai lang nướng của bọn bạn cùng xóm. Nghĩa là, trong lão các tố chất để trở thành anh phó cối giỏi, xem ra hoàn chỉnh lắm. Cha lão mừng, song lại tặc lưỡi: “Hẳn rồi! Vì nó là con nhà nòi.” Dạo đó lão bằng lòng với mình lắm. Đời lúc nào cũng thấy vui. Thỉnh thoảng lão lại gân cổ ca vọng cổ, mặc cho người ta bảo lão ca như mèo rên.

Người đầu tiên gọi lão là anh phó, lại là một cô gái mới “chết người” chứ. Bởi vậy lão mới không quên được. Cái cô Mít ấy, hể động cười là hai mắt tíu lại. Mà lại rất hay cười. Người đầu mà vô duyên. Lão chẳng ưa. Cô ta cũng giống như quả mít, tròn nần nần, được mỗi cái nước da trắng. Đó là những ý nghĩ đầu tiên về cô Mít, khi cha con lão đặt túi đồ nghề xuống nhà cô. Cái nghề lão nó vậy. Đến nhà người ta tá túc dăm bữa nửa tháng đóng xong cái cối, lại cấp nón đi nhà khác. Lão cho đó là cuộc đời thênh thang, phóng khoáng. Này nhé: Miền ngược miền xuôi, lên rừng xuống biển, cho đến tận những hang cùng ngõ hẻm. Biết tất! Chả thênh thang là gì? Chiều xuống, tắm rửa xong, ngay gần đầu đấy rồi bắn điều thuốc lào, từ từ ngửa cổ mà nhả khói lên giờ mới khoan khoái làm sao. Rồi gia chủ bưng mâm lên, cứ thông thả mà nhâm nhi chén rượu bên hiên hây hấy gió – Đời thế là nhất đấy ! Vô tư đi. Có lẽ lại không vô tư được rồi! Sự này tại cái nhà cô Mít. Mít là cô gái đầu tiên gọi lão là anh đã đành, nhưng không phải đơn giản chỉ có thế, hình như cô còn có tình ý gì khác, anh phó cối dần dần thấy thế. Mà có tình ý thật. Cô hay liếc trộm, tíu mắt cười. Anh phó bỗng dưng thấy lóng ngóng, lòng dạ thì chộn rộn cả lên. Thế này là thế nào? Thì ra cái nhà cô Mít cũng không vô duyên như anh tưởng. Bây giờ anh lại thấy thế mới “chết người ta” chứ. Cái nước da kia mới trắng làm sao, đúng là trứng gà bóc. Đây lại như một

phát hiện mới của anh phó, lạ thật. Đôi má thì cứ hồng mãi lên, trên khuôn mặt tròn vành vạnh. Mà đôi mắt khi cười như “quên tất cả”, trước là vô duyên, giờ anh lại thấy ưa nhìn mới hay chứ. Thế là yêu rồi đấy! Có thể chính anh phó chưa biết, nhưng chúng ta thì lạ gì cái trò giai gái khi đã nhìn nhau kiểu ấy. Khi yêu người ta phải làm gì nhỉ? Sao lại cứ thích ôm cái rắc rối thế? Rõ hay nhỉ! Thôi! Không bàn nữa. Chuyện ấy phức tạp lắm. Hãy để mắt đến anh phó của chúng ta, một gã tục tử, giản đơn. Xưa nay, gã chỉ quen nhìn và sờ thấy những cái có thật. Những gì thuộc về cao siêu trừu tượng, dành cho kẻ khác nhá. Bởi vậy trước một cô Mít tròn trĩnh, cái đầu thô thiển của gã đã nhen nhúm những ý nghĩ dung tục. Gã đã thấy những cái ôm chặt một thân hình nây nẩy, phốp pháp. Với đôi cánh tay quen cầm cửa và vồ rần chắc này, thôi thì phải biết! Phên này có đưa sẽ lên mây nhá. Những vật rất cụ thể trong nghề, nào là thốt trên thốt dưới, nào là ngẩng cổ và lõ cổ, cũng luôn gợi cho gã những ham muốn nhục dục rất cụ thể. Trong lòng anh phó sự thèm khát cứ được đẩy mãi lên. Cô Mít lại cứ tíu tít cười. Làm gì mà chẳng “chết!” Khi đóng xong cái cối cho nhà cô Mít, anh phó cũng kịp đóng chặt cô Mít vào đời mình. Thế rồi một đám cưới vội được tổ chức, khi cô Mít đã mang thai hơn ba tháng. Ông bà thân sinh ra anh phó ước thằng con giai lắm, nhưng cũng phải “ngâm bồ hòn làm ngọt.” Anh phó tất tả mang cô Mít về xuôi. Thế

là, anh đã thành ông bố khi chưa tròn mười chín tuổi.

Cái gia đình ấy cứ lặng lẽ trôi, trong sự tảo tần của một bác phó cối. Kể thì cũng chẳng đến nỗi nào. Nhưng, đời đâu có đơn giản thế! Đơn giản thế thì còn gì là đời – đúng không? Một bữa nọ, lão Khuếch bỗng dưng thấy vô nghĩa, nếu ngày nọ tháng kia qua đi chỉ mãi thế này! Có lẽ cần một biến đổi. Biến đổi thế nào? Biến đổi ra làm sao thì lão cũng chưa biết, nhưng rõ ràng trong lão đang thôi thúc cái sự ấy. Nó cứ âm ỉ, lớn dần. Và, mọi rắc rối của cái gia đình này cũng bắt đầu từ đấy.

Sáng nay, lão Khuếch không ra chợ như mọi ngày. Cái sắc cốt cán bộ, chiếc loa tay và tấm băng đỏ vẫn được trình trọng đặt trên mặt bàn. Dạo này lão hay tức tối và cáu kỉnh thì có; nhưng không đeo sắc cốt, vác loa ra chợ thì quả là một sự lạ, một sự không bình thường. Dù mệt mỏi, giông gió lão vẫn đi. – “Chợ này thiếu một cán bộ như tôi thế nào được!” Lão thường bảo thế. Bà Khuếch cũng nhận thấy thế. Bởi vậy nên bà mới thấy lạ, mới phải thận trọng. Lão vẫn im lặng ngồi đấy, mặt khó đăm đăm.

Bà Khuếch rón rén bưng tô mì, đặt cạnh bộ ấm chén của lão, len lét hỏi:

- Ông không ra chợ à?

- Sự chúng nó... ngu!

Lão tức tối nhất gừng, như đang nói với chúng nó.

Bà lặng lẽ lui ra, không dám hỏi nữa.

Lâu nay vẫn thế! Lão hay tức tối, mà những lúc ấy thì nhà này phải biết, đừng có ai động đến lão. Từ ngày trên mạn ngược theo lão về đây, bà chỉ quần quanh với công việc cửa nhà và sinh con cho lão. Thấm thoát đã chín mặt con. Bà cũng đã có dâu, có rể. Cũng đã mấy năm rồi lão cấm tiệt, không cho phép đứa nào xuôi ngược, đóng cối cho thiên hạ – “Bỏ ngay cái nghề này đi!” Lão quát lên. Lão đã quyết định phải thay đổi. - Thời đại điện tử, ai người ta còn đóng cối xay tay. Có còn thì họa chăng cũng chỉ vài vùng heo hút trên mạn ngược, những là đi lại cũng đủ chết. Theo có mà chết đói! - Lão nói như giảng giải cho cả nhà. Là người chẳng biết một chữ mô tê mù tịt nào, kinh tế lại phụ thuộc chồng, bà chỉ biết nghe và phục tùng lão. Lâu dần thành quen. Bà biến thành con người thụ động, an phận. Ngày trước thì cũng chả sao, bà chỉ việc sinh con, vun vén cửa nhà. Êm ảm chán! Từ ngày ông bỏ hẳn nghề đóng cối, xác định rằng mình đã thành cán bộ, chuyện nhà cửa nó cứ phức tạp thế nào. Nguyên do cũng bởi tính khí ông ấy hay bực dọc, cáu gắt suốt ngày. Bà biết thế nhưng cũng chẳng làm gì được. Chả lẽ là cán bộ thì cứ phải cáu gắt? Thực ra, bà cũng chẳng biết gì. Nhưng qua lão, bà thấy cán bộ quan trọng và “oai” lắm. Chả thế mà khi còn là ông phó cối, lão vô tâm là thế, rõ là cái lão ruột để ngoài da. Đi thì thôi, hễ ở nhà thì suốt ngày đánh độc chiếc quần đùi.

Lúc nào cũng hể hả như người “chê được cái danh!” Chả giàu, nhưng nhà cửa lúc nào cũng cứ là vui như tết. Đạo này lạ thật, tính nết lão cứ khó dần lên. Nhiều lúc lão hậm hực như người bị đòn oan. Hối, lão cũng chẳng thèm trả lời. Bà thấy hai hã! Nhà cửa thì đã dành bà phải thu dọn gọn gàng, những tờ giấy khen lão lồng khung kính treo khắp nhà thì bà phải đặc biệt chú ý; ngày nào cũng phải lau chùi cẩn thận. – “Đây là danh dự của gia đình cán bộ!” – lão nghiêm mặt dạy thế. Những đồ nghề đóng cối lão quẳng đi hết. Lão rất kiêng cái từ “phó”. Bà thấy thế. Ai cứ thử lỗ mồm xem, biết tay lão ngay. Mà thiên hạ cũng ác. Lão càng kiêng, càng nổi khùng, họ càng khoái chí thì phải. Cứ dè cái “phó” của lão ra mà gọi. Nhất là bọn choai choai. Chúng cứ làm như vô tình ấy. Rõ là đồ đều cáng. Quân mất dạy! Công bằng mà nói thì trong bộ quần áo tề chỉnh với chiếc sắc cốt bên hông, cái băng đỏ và chiếc loa cầm tay; trông lão cũng oai lẫm, cũng đầu đến nổi nào! Sao lại là cái ông phó Khuếch ngày trước được? Ông ấy rửa chúng nó thối mồm cũng đáng. Bà có ý bênh.

Vừa nhấm nháp tô mì, lão vừa tức tối với những việc xảy ra ngày hôm qua. Lại thêm một cái cấp “phó” nữa mới ác chứ! - Lão lẩm bẩm – Sao cái từ chết tiệt này cứ gắn vào đời lão? Ngày còn làm anh thợ cối đã dành, người ta gọi lão là anh phó, bác phó, rồi ông phó. Đương nhiên rồi! Đây là từ xưa nay thiên hạ đã gắn vào cái

nghề ấy. Lão chẳng chấp! Từ ngày ra làm cán bộ, lão mới thấy được cái năng lực thật của mình. Thật quý quá! (cấp trưởng của lão thì ra quái gì.) Mà lạ nhỉ, sao mình cứ phải làm cấp phó? Đầu tiên là cái anh tổ phó, tổ đồng hồ điện. Số là khi xã này mới có điện, cứ vài chục hộ gia đình phải dùng chung một đồng hồ đo. Nhẽ ra, lão phải là tổ trưởng, vì đồng hồ đặt ở nhà lão. Lão quản lý chứ ai! Thế mà lão cũng chỉ được giữ cái chân tổ phó, sau cái nhà ông Hoạch, tổ trưởng. Lão thấy vô lý, nhưng bước đầu cứ tạm chấp nhận. Tính sau! Dầu sao cũng đã có cái hơi hướng cán bộ. Lão nghĩ vậy! Và từ đó, lão đã bắt đầu thấy mình “oai”. Cứ dăm bữa nửa tháng, lão lại cho triệu tập một cuộc họp tổ điện. Một tay lão đứng lên điều hành, cái nhà ông Hoạch mang tiếng là tổ trưởng, nhưng thử hỏi đã làm được cái gì? Cả mấy chục con người chứ ít đâu, cứ là một phép, rầm rập nhá! Khi thì xét cho một nhà nào đó được mắc thêm vào công tơ này, lúc lại tính toán sổ sách, công bố số tiền phải nộp hàng tháng của từng hộ. Lão nhắc nhở, phê bình, giải quyết tất cả thắc mắc của các hộ... đâu ra đấy. Lão thấy mình quan trọng lắm. Rõ là lão đã thành cán bộ. Cán bộ! Cái từ lão đã từng mơ thấy nó vện vào mình, nay hóa thật. Quá tuyệt! Mình đã thành cán bộ. Ý nghĩ ấy cứ lặp đi lặp lại, mon trớn, khiến cho người lão cứ lâng lâng. Nói bỏ quá cho, nó còn lâng lâng hơn cả cái ngày mới quen nhà cô Mít. Lão còn thấy nó khác xa với cái cảm

giác thên thên của anh phó cối ngày trước. Thế mới là đời chứ! Cuối cùng thì thiên hạ cũng khối kẻ phải ngược lên mà nhìn mình – lão khoái lắm! Lão bắt đầu thay đổi. Đầu tiên là cách ăn mặc, đi đứng và sự nghiêm nghị (lão thấy mấy ông cán bộ đều thế). Ít nhất là vẻ bề ngoài cũng phải khác dân thường – lão thấy cần phải vậy. Nhưng, cái bàn tay quen cầm cưa và tính hay bông phèng của anh phó cối nhiều khi phản lão. Đôi lúc quên, trở lại cái tính khí cũ, lão cứ giật mình thon thót. Hình như có những kẻ dám cười cợt mình. Lão đã nghe đâu đó những từ “phó hấp”, “lão cán bộ chúng tôi.” (Đây là câu lão hay dùng khi làm việc, để nhấn mạnh cái vị thế cán bộ của mình.) Nhưng không sao, rồi mọi chuyện sẽ đâu vào đấy, lão tự an ủi. Mà đấy, lão lần lượt được giữ những chức vụ nào là: Phó thôn Trung, phó ban an ninh thôn Trung, phó ban quản lý chợ Chùa. Đến cái “phó” thứ ba thì lão giật mình. Thế này thì không được! Thế này thì quá lắm! Tại sao lão cứ phải là phó? Hay cái từ chỉ nghề nghiệp gia truyền của tổ tông đã vận vào cái thân lão. Lão đâm căm cái nghề ấy. Lão bứt rứt, tức tối. Nghĩa là vợ con lão tha hồ mà gánh chịu sự cáu bẳn. Thiên hạ thì rộng lớn thật, nhưng đã có câu: “Đèn ai nhà ấy rạng.” Người nhà lão thì cầm chắc phải chịu sự tức tối. Còn thiên hạ? Có lẽ là những trận cười. Con mụ bún gánh chiều qua mới ngang ngạnh làm sao. Biển cấm sờ sờ đấy, thế mà nó đặt ngay gánh hàng trước cổng chợ, ngang

nhiên bán. Lão dùng loa, yêu cầu gánh hàng vào chợ thì nó thớ lợ:

- Thôi mà! Cán bộ cho em ngồi đây đi.

- Cán bộ chúng tôi đã nói là không được! Lão cương quyết.

- Cán bộ gì? Có mà cái loại “phó hấp.” Cái loại “phó hấp háy.” Nó xe xé, rồi ngang nhiên gánh hàng đi.

Lão điếng người trong tiếng cười của bao nhiêu người. Cả một chiều bức bối. Buổi tối, trong cuộc họp đại hội những người cao tuổi thôn Trung, lão lại được đại hội tín nhiệm bầu làm chi hội phó. Thế này thì quá lắm! Lão hực lên ngay trong cuộc họp rồi bỏ về. Đó cũng là cái nguyên nhân, tại sao sáng nay lão không chịu vác loa ra chợ. Lão Khuếch đang vợ vẫn buồn, thằng cháu nội học lớp hai mới về đến đầu ngõ đã cười toe toét, khoe tướng lên:

- Ông ơi! Hôm nay cháu được cô giáo cử làm tổ phó tổ một.

Lão Khuếch há hốc mồm, nhìn thằng bé.

Đằng kia, bà Khuếch lầm bầm: “Giá cứ là cái ông phó cối, đừng có nghĩ mình đã thành cán bộ, có lẽ ông ấy không đến nỗi khổ sở thế này.”

Bà thở dài...

Ký ức một miền rừng

Đã gần bảy giờ tối, thấy tôi do dự mãi Vinh phát câu:

- Sao mày ngu thế, nàng hẹn mà không dám đến. Đàn ông đếch gì mày, mày không đến, để Ngân đứng ngoài đó chết rét à?

Tối nay rét đậm, mái nhà giấy dầu của chúng tôi lập bập, oằn theo từng đợt thốc của những cơn gió mùa đông bắc. Khu trường tôi chìm trong những trận gió gào và màn đêm đen đặc. Một đêm trừ tịch đầy bí ẩn! Trời không trăng, không một giọt sao. Thật đúng là “tối như đêm ba mươi”. Bây giờ tôi mới có dịp cảm nhận cái tối đến độ xoè bàn tay trước mặt cũng không nhìn thấy mà các cụ ta thường nói. Gió rít và mưa như rắc bụi. Đây

cũng là lần đầu tôi cảm nhận đầy đủ sự cô quạnh của đêm cuối năm xa nhà. Chỉ có tôi và Vinh, hai thằng tuổi chưa tới hai mươi trong khu trường hoang vắng. Phía cổng trường, phòng ông Kính bảo vệ chẳng đèn dóm gì. Ông đã đi từ chiều với lời dặn:

- Đêm nay hai thằng mày đừng đi đâu nhé. Coi trường hộ bác, tao đi phải khuya mới về đấy!

Phòng của hai thằng tôi nhìn thẳng sang nhà nàng, chỉ cách có một dậu nửa rào trường và con đường quốc lộ. Có điều là nhà nàng lại quay lưng ra đường. Từ đường muốn vào nhà vẫn phải đi hết một con ngõ, phải vượt được cái dậu mỏng tơ và bãi dong riềng. Nói vậy để thấy cái nhà mặt đường này cũng đặc biệt, nằm cứ sâu mãi vào, lại còn cả “cái dậu mỏng tơ” kia nữa! Cách đây không lâu, chỉ vài tiếng đồng hồ trước tôi sang nhà nàng sao thoải mái tự nhiên thế, chẳng phải suy tính đắn đo gì. Bây giờ thì khác rồi! Sự này là do nàng hay do tôi? Tôi cũng chả còn hiểu nó ra làm sao. Khi trước, tôi và Vinh đều trong tư cách là “bạn” của bố nàng cơ mà! Cũng ra cái dáng bề trên lắm, dù bọn tôi hơn nàng chỉ có ba tuổi. Ông Koóng, một ông già người Tàu trầm tính, rất mê “kim, cổ” và thích luận bàn về “anh hùng”. Tôi, một gã trai trẻ tuổi, được thừa hưởng niềm đam mê sách Tàu từ ông bố nên ít nhiều cũng có chút kiến thức về mảng này, để rồi đôi khi cũng xảy ra “những cuộc tranh

luận” cùng ông già. Vào trường hơn một năm, tôi biết ông cũng đã được gần một năm. Đất nước mới thống nhất, lòng người đang tràn đầy niềm vui và sự tự hào. Không tự hào sao được, dân tộc ta vừa đánh thắng tên đế quốc to nhất thế giới cơ mà! Cả một bầu không khí hân hoan đang ru người ta. Tôi cũng đang tràn ngập cùng bầu không khí ấy, có điều gì đó lớn lắm, cứ dội lên trong lòng, huyền hoặc. Nhưng, khổ một nỗi là niềm hân hoan và cuộc sống thực tôi đang phải chịu hình như có cái gì trái ngược. Tôi lo cho những hoài bão của mình! Là thanh niên phố thị, mới rời ghế nhà trường phổ thông, những ngày đầu lên vùng rừng núi này tôi buồn hiu hắt. Ban ngày, “tám giờ vàng ngọc” là dọn lại mái nhà, rào dậu, đốt rác v.v... và một lô các công việc lật vật khác, nói là để chuẩn bị cho khai giảng năm học mới. Cái gã trống choai trong lòng chất chứa đầy hoài bão, đang trông đợi những điều lớn lao, đầu óc lại đặc sệt tiểu thuyết như tôi lập tức bị dị ứng với thực tế. Tôi rơi vào trống vắng, nhàm chán, hoang mang và vô vị. Ngôi trường của chúng tôi thực ra là khu tập thể cũ của Công ty Cầu đường, sau chiến tranh họ chuyển đi, để lại cho nhà máy tôi làm trường dạy nghề. Chung quanh trường còn nhiều hố bom, chiếc bia cắm thù dựng ở góc sân ghi tên bốn liệt sĩ hy sinh từ đạo giặc Mỹ leo thang bắn phá Miền Bắc. Những chiều đông muộn, sân trường hoang vắng, thê lương, tôi thường ra đứng trước tấm bia, ngậm ngùi

nghĩ đến các anh chị đã ngã xuống trong chiến tranh. Có lẽ lúc hy sinh, họ cũng còn trẻ như tôi bây giờ. Song, thời đại của họ khác, họ là những thanh niên đầy nhiệt huyết của thời “xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước”. Họ không có thời gian cho “cái tôi” cô đơn, yếu đuối len vào giày vò, hành hạ. Đôi lúc tôi cũng thèm muốn một sự hy sinh hào hùng như họ.

Ngôi trường của chúng tôi đã quá cũ, Những mảng vách đất “cóc găm” loang lổ, mái nhà là sự chằng dục của những mảnh giấy dầu. Nhìn đến là tang thương! Đêm xuống, chúng tôi ngủ trong tiếng ru kèn kẹt của mối mọt. Và bụi nữa, những hạt bụi tròn trắng của tre nứa mà mối mọt thi nhau thả xuống trắng cả nền nhà. Vì thế, để có thể gọi nó là trường học, thì còn biết bao nhiêu là việc phải làm. Nhưng, được ngồi vào chốn này cũng không phải là dễ. Chúng tôi đã phải qua những đợt thử thách lao động, xăm soi tư cách, cũng kéo dài đến gần hai năm. Công việc chủ yếu trong thời gian thử thách là cạo gỉ tàu, đào đường cáp ngầm quanh nhà máy, phụ sơn vỏ tàu... Vì vậy, phấn đấu được vào đây cũng đã là bước đầu của một thành công, đứa nào cũng phấn khởi. Chẳng gì chúng tôi cũng là lớp thợ đầu tiên, của một nhà máy đóng tàu lớn nhất Đông Dương. Biết thế, nhưng đôi lúc tôi vẫn buồn, có lẽ là cái buồn vợ vắng của một anh chàng thị thành mới lớn. Có một điều cứ ám ảnh tôi khôn nguôi, đó là việc các bạn tôi hầu hết đều đã vào

các trường đại học. Tôi thì đang ở đâu thế này? Tôi cũng bị buồn khổ nhiều vì điều này. Không phải do tôi học thua kém bạn bè, mà vì hoàn cảnh gia đình. Tôi muốn ngay lập tức nuôi được bản thân mình và giúp đỡ phần nào cho bố mẹ. Chính vì vậy tôi đã chọn giải pháp đi công nhân, với những lời có cánh tự huyễn hoặc mình và để thuyết phục mẹ. Mẹ buồn! Mẹ không nói nổi tôi! Mẹ muốn cho tôi thi đại học vì mẹ thừa biết với học lực của tôi, đậu đại học là việc không khó. Ông anh tôi - một chiến sĩ trên chiến trường Quảng Trị năm xưa, nay đang học đại học Quân y cũng chưa hề giúp đỡ được bố mẹ và các em - thì tỏ thái độ tùy ý, tuy nhiên có nói thêm một câu động viên: “Giai cấp công nhân là giai cấp tiên phong”.

Những gốc sắn, luống khoai trong vườn ông Koóng ngày ấy là mối lưu tâm của bọn tôi. Chúng tôi, những thanh niên đang tuổi ăn, tuổi lớn, gạo tiêu chuẩn mười ba cân một tháng, ngày hai bữa cơm độn, mỗi bữa được hai lưng với một cục mỳ luộc, nên lúc nào cũng đói. Đói! Trăng rừng thì cứ vàng vạc nên rất khó ngủ. Trăng rừng quá đẹp, nó hoàn toàn thanh khiết chứ không bị lẫn cái thứ ánh sáng đèn điện như nơi phố thị của tôi. Không gian nơi đây chỉ một màu vàng mơ, huyền ảo lắm. Không ngủ được, tôi thường thơ thẩn đi. Cũng một lần như vậy, tôi kéo Vinh cùng đi. Hai thằng cứ thủng thảng, vô định, đầu óc mụ mị, mọi suy nghĩ có lẽ chỉ vẩn vơ quanh cái bụng. Tôi ngẩng nhìn trăng và chợt nghĩ đến Điền của

Nam Cao, ngơ ngẩn cười. Nam Cao thật tài khi viết về cái đói, thật tài khi viết về “giăng” và những kiếp nghèo nơi thôn dã. Hai cái bụng réo sôi ùng ục, mách chúng tôi đánh liều vào một nhà gần đấy hỏi mua ít khoai về luộc. Tôi đã gặp ông Koóng và Ngân trong hoàn cảnh như thế.

... Trong lúc Ngân cân khoai cho Vinh, tôi bị hút vào giá sách của gia đình ông Koóng. Từ khi lên miền rừng này, lần đầu tôi được thấy một gia đình có tủ sách đầy đặn như thế. Tôi là một thằng nhút nhát, thích đọc, thấy sách là quên hết; vả lại những ngày này tôi thấy sao mà vô nghĩa thế! Thanh niên như tôi chả lẽ cứ quần quanh mãi với những việc không tên? Thật không thể chịu nổi! Tôi đã cố “gồng mình lên”, nhưng, không biết còn có thể “gồng” được đến lúc nào? Cũng như tôi, ông Koóng cũng có cái thiếu, ông cũng có những khoảng trống. Đó là cái thiếu người đồng cảm, hiểu biết để trò chuyện, đàm luận văn chương, sách truyện. Bây giờ nhớ lại, tôi vẫn thấy thú vị và buồn cười. Chúng tôi, một già một trẻ mà thân nhau như đôi bạn. Thật đúng cái nghĩa của đôi bạn vong niên. Văn học đã giúp người ta hiểu nhau hơn, gần gũi nhau hơn, thân nhau chẳng kể gì quốc tịch, tuổi tác. Văn chương không có biên giới, nó là tài sản vô giá chung của nhân loại. Tôi càng ngẫm, càng thấy đúng. Điều tôi cảm nhận rõ nhất là ông Koóng rất trọng và quý tôi. Những buổi bình về Tào Tháo, Dương Quý Phi, Tiêu Hà... diễn ra triền miên, sôi nổi lắm. Ông Koóng nói

không hay nhưng say sưa. Những lúc ấy ông như một người khác, chứ không phải cái ông Koóng thường ngày lằm lũi nơi góc vườn. Có lần ông còn đem tướng quân Nguyễn Khoái đời Trần, ra so với các tướng Tàu. Ông bảo Việt Nam có Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn là nhất, đại vương là một vị thánh. Cô bé Ngân thì sốt sắng chuẩn bị khi thì xoong chè, khi thì nồi khoai luộc cho chúng tôi. Những lúc ấy trông em tươi tắn lắm. Buổi tối miền rừng này có lẽ em cũng chẳng biết đi đâu, hay vì thích nghe chuyện, mà sau khi xong việc bao giờ em cũng tự nguyện ngồi lại “hầu trà”. Em vui lắm. Hình như ông Koóng cũng lấy điều đó làm vui. Tiếng cười của ông sáng khoái, thỏa nguyện. Có lần Ngân bảo tôi: “Từ ngày có anh sang chơi, bố em dễ tính và vui lên nhiều.” Tôi nhìn em cười như một lời cảm ơn. Vinh thì rất khoái những buổi như thế, vừa được nghe chuyện, lại không bị đói. Nó bảo tôi:

- Đọc sách nhiều như mày thế mà hay!

Phải nói tôi rất quý và biết ơn ông Koóng. Nhờ có ông và tử sách của ông, tôi đỡ thấy chông chênh, trống vắng. Tôi sang ông đều đặn vào các tối, cùng ông đàm đạo chuyện trò một cách vô tư. Thật ra ngày đó không sang ông, tôi cũng chẳng biết đi đâu. Một buổi tối trên đường về Vinh bảo: “Ngân phải lòng mày đấy!” Tôi giật mình, ngơ ngác nhìn nó - “Mày chỉ láo, em còn đang đi

học” - “Rồi mày sẽ thấy” - Vinh cười đắc ý.

Tuổi mới lớn thường có những ngộ nhận đáng yêu, hay vì ở nơi rừng núi thưa thớt này mà trong mắt em, tôi được coi như một “ngọn núi”, hay một cái gì đó “ghê gớm” lắm. Sau này, khi đã yêu nhau tôi mới biết. Em thì tuyệt đối tin tưởng, “thờ phụng” những suy nghĩ của mình. Tôi thì ngu ngơ, chả còn hiểu nó ra làm sao. Ngân yêu tôi vì phục sự hiểu biết “sách chuyện”, và cũng vì cả cái tính hiền lành của tôi. Giờ ạ! Cái thằng “hiền” nhiều khi cũng được việc.

Ngân đang kỳ nghỉ hè lớp 8, em là chị cả trong gia đình bốn chị em. Vì mẹ mất sớm, Ngân có phần vất vả hơn các bạn cùng lứa. Em là cô bé hay lam hay làm, công việc cứ luôn tay. Con gái miền núi nhanh lớn, hay do phải thay mẹ trong gia đình mà trông Ngân “chững chạc” lắm. Em đã hoàn toàn ra dáng một thiếu nữ. Em tỏ ra già dặn trước tuổi trong mọi phương diện, có lẽ là do hoàn cảnh. Tôi nghĩ thế. Ở cái thời lớp 8 như Ngân, tôi chẳng biết gì ngoài học hành và nghịch ngợm. Ngân trầm tính như bố, không xinh nhưng rất duyên với một nốt ruồi dưới cằm. Tôi thích ngắm em, nhất là những khi em cười. Ông Koóng có lần bảo tôi: “Nó sẽ vất vả vì nốt ruồi ấy!” Dáng Ngân mảnh mai, hai bím tóc cứ đong đưa theo nhịp bước. Tôi có cảm giác ở em phảng phất bóng dáng của cái cô bé Hỷ Nhi trong thơ Tố Hữu, nhất là khi em

mặc chiếc áo sườn xám với hàng cúc bằng vải bó sát cơ thể. Chính điều này đã tạo trong tôi một thiện cảm, với dáng dấp đó, em cứ bắt tôi phải nghĩ đến, phải lưu tâm, vương vấn... Tôi đã nảy sinh những ý nghĩ vu vơ, nhiều khi nó khiến tôi lúng túng trước em, nhất là từ lúc nghe Vinh cười cợt thông báo. Khổ nỗi tôi lại là kẻ nhút nhát và rất kém trong giao tiếp, nhất là với con gái. Chẳng thế mà trong trường tôi đã mang cái tiếng thẳng "dần."

Mùa hè năm đó trôi đi yên ả, nhưng chính hè đó đã để lại trong tôi nhiều ấn tượng, nhiều kỷ niệm của thời trai trẻ. Tôi cứ vô tư qua lại bên em như người thân trong gia đình. Tôi càng gần gũi với em hơn, khi tình cờ thành "thầy giáo" của em. Biết tôi đã tốt nghiệp phổ thông và "học giỏi" có tiếng bên trường kỹ thuật, em càng quý tôi hơn. Thực ra tôi cũng chẳng có gì giỏi, các bạn bên trường tôi mới học hết cấp hai, nay tôi lại học cùng họ nên có phần nhàn hạ hơn họ nhiều. Suốt học kỳ I của lớp 9, em rất chăm chỉ qua lại hỏi bài tôi, và hình như em học cũng khá lên nhiều. Điều này khiến ông Koóng vừa lòng lắm, càng quý tôi hơn.

Tết năm ấy, tôi và Vinh là khách quý của gia đình ông Koóng. Biết chúng tôi xung phong ở lại gác trường, ông Koóng vui lắm. Có lẽ ông nghĩ về cái thú đàm đạo văn chương trong những ngày nguyên đán. Buổi trưa khi đang giúp Ngân làm bánh tổ, em ngập ngừng, bảo tôi:

“Em biết vì sao tết này anh không về rồi!” Em thên then cúi xuống, hai má hồng lên. Câu nói đầy ý nhị khiến tôi lúng túng, chỉ còn biết nhìn em cười. Sau câu nói đó, cả tôi và em đều trở nên thiếu tự nhiên, vụng về. Một cái gì đó cứ mơ hồ, lằng đằng như sương khói vương vít quanh chúng tôi suốt buổi hôm ấy.

Vinh thì không biết, còn tôi ở lại gác trường là do cái tính bông bột, đa sự của một gã mới lớn. Nhớ nhà lắm, nhưng tôi lại quyết định đi tìm cảm giác của một cái tết xứ người, như ngày ấy tôi nghĩ là một cái “Xuân tha hương”. Có lẽ tôi bị cuộc đời và những bài thơ của Nguyễn Bính ám ảnh. Ngân thì lại nghĩ khác. Em cho rằng tôi ở lại vì em. Câu nói, ánh mắt và sự thên then của em đã cho tôi hiểu. Trong tôi xốn xang cảm giác thích thú của một gã mới lớn, được một cô gái để tâm đến. Tôi không muốn nói thật cái “động cơ” ở lại của tôi cho em biết, vì sợ em sẽ buồn và thất vọng. Kể ra tôi cũng là một gã chẳng đáng mặt đàn ông. Làm trai mà bị động trong chuyện này thì còn ra cái thể thống gì? Đáng cười quá! Có lẽ vì tính nhút nhát bẩm sinh, tôi mới ra cái nông nổi này. Tôi chưa bao giờ dám chủ động đến với em. Thú thực, cũng đã có một thời gian dài, tôi luôn bị vương vấn vì em. Song lại nghĩ Ngân đang còn là học sinh phổ thông, hơn nữa tôi kính nể ông Koóng, sợ có điều gì không phải sẽ làm ông buồn. Tôi vẫn cảm nhận được tình cảm của em, nhưng nhớ ra Ngân chỉ quý mến tôi

như một người anh, mọi chuyện chỉ là do ngộ nhận, suy diễn diên rồ của tôi? Những suy nghĩ nghi nghi hoặc hoặc kiểu ấy cứ vương vít, làm khổ tôi. Mọi chuyện chỉ có ở trong tâm tưởng, còn khi sang nhà Ngân tôi lại vào vai một thằng anh hết sức nghiêm chỉnh.

Khi những chiếc bánh cuối cùng đã làm xong, Ngân ghé tai tôi, bảo nhỏ: “Bảy giờ tối nay, em đợi anh ở vườn bạch đàn nhé!” Em nói xong đi ngay vào buồng trong, để mặc tôi ngẩn ngơ, trơ ra đó.

Vinh đẩy tôi ra khỏi phòng, bảo: “Mày đi đi. Tao ra chuồng gà lão Song “hấp” làm việc một con, mừng mày về”.

Tôi bước chậm chậm. Gió rét như cắt da. Tôi không tin Ngân dám đứng ngoài đó một mình đợi tôi, em vốn rất sợ tối. Những tối em sang trường hỏi bài, bao giờ tôi cũng đưa em về, vì em không dám đi một mình. Cái núu tay bất ngờ bên đường làm tôi giật mình. Ngân khúc khích cười. Em cứ thế dắt tôi đi. Sự tự nhiên của Ngân khiến tôi ngỡ ngàng, chỉ còn biết làm theo. Chính điều này đã giúp chúng tôi vượt qua “cái khó ban đầu” của những đôi lứa yêu nhau. Cảm giác lần đầu được cầm tay một cô gái khiến tôi run rẩy... Rồi, chúng tôi yêu nhau... cái lẽ tất nhiên nó là như thế...

Nguyễn Khương Trung

Tôi đi thực tập tay nghề ở một nhà máy cơ khí cách trường hơn năm mươi cây số. Tình yêu đang độ ngọt ngào, tuần nào chúng tôi cũng nhận được thư nhau. Thế rồi xảy ra cuộc chiến biên giới. Sự kiện cầu Bắc Luân khiến tôi không yên. Tôi tình nguyện nhập ngũ với lá đơn viết bằng máu. Tôi khoác ba lô lên biên giới... trong lúc em theo gia đình hồi hương. Từ đó tôi bất tin em...

Bảo Lộc, tháng 9/1999.

Mẹ tôi

Tôi quay sang bảo vợ: “Thôi, em đừng vào! Tốt nhất bây giờ là đừng nên nói gì cả. Để mẹ yên! Anh hiểu phải làm gì!”

Em nhìn tôi ái ngại, khẽ gật đầu rồi nhẹ nhàng đi ra sân. Sự thực, tôi cũng chưa biết phải làm thế nào để lòng mẹ vơi bớt nỗi đau. Tôi bối rối. Mẹ vẫn trầm lặng ngồi đó. Mẹ gầy rộc hẳn đi. Dấu ấn của thời gian đã hằn lên thân thể bà, tấm lưng đã còng, tóc mẹ đã bạc trắng. Mẹ im lặng ngồi đó hàng giờ, khiến tôi hoang mang. Mất mẹ nhìn thẳng, có lẽ chỉ điểm này là thời gian bất lực không thể làm mẹ thay đổi. Bao giờ bà cũng nhìn thẳng. Từ hôm đưa mẹ về Hà Nội thăm quê, dự đám hội rước Thành hoàng của làng, mẹ tôi buồn hơn. Trông bà già

hắn đi, cái dáng hoạt bát của bà như chững lại. Chúng tôi, những đứa con thật có tội. Từ cái thị xã này, về quê thì có đáng bao đường đất? Một trăm cây số không hơn. Thế mà, dằng dặc bốn mươi bảy năm trời, cả nửa thế kỷ chứ ít đâu. Chúng tôi là những kẻ vô tâm! Đối với một đời người, nửa thế kỷ là dài lắm, năm mươi năm ấy, đời người ta đã từng trải qua những gì nhỉ? Từ ngày mẹ tắt tả cùng bố dẫn bà nội chạy tản cư giặc Pháp về đây, rồi, chúng tôi tám đứa con mẹ thì lần lượt năm đứa học đại học ở Hà Nội, mẹ cũng không một lần có điều kiện về quê. Các cụ đã dạy: “Cá chuối đấm đuổi vì con”. Tôi càng nghĩ, càng thấm thía thương mẹ.

Mẹ tôi ngày trước là cô gái đẹp có tiếng ở làng Khương Trung. Làng tôi, nghe các cụ kể lại, con trai thì rất giỏi nghề cơ khí. Chẳng thế mà mấy ông chú em ba tôi đều là những thợ tiện, thợ hàn bậc sáu, bậc bảy của nhà máy Trung Quy Mô Hà Nội xưa. Con gái làng thì canh nông, buôn bán rất đảm. Cái tiếng ấy người kinh kỳ ai mà chẳng biết. Mẹ tôi đẹp người, đẹp nét, hay lam hay làm có tiếng trong làng. Các cụ ở quê vẫn bảo: “Đứa nào lấy được cái Trâm, nhà có phúc”. Tôi nghe không nói gì nhưng lòng rất tự hào mỗi khi về quê, nghe các cụ, các bác kể về mẹ mình thời chưa tản cư, thời còn con gái. Vì thế mà mẹ tôi phải chịu một đời chìm nổi chẳng? “Hồng nhan đa truân” mà. Mẹ tôi tính tình cương nghị, người đã quyết điều gì thì làm cho đến cùng mới thôi. Còn

chúng tôi, xét cho cùng là những đứa con vô tích sự, chẳng ra gì, mặc dù được học hành đến nơi đến chốn.

Ở cái thị xã nhỏ bé này, có lẽ các cụ già đều biết bà. Một phụ nữ chỉ với chiếc đòn gánh trên vai, đã quần quật với cuộc đời nuôi tám đứa con ăn học với một người chồng ốm yếu, qua suốt những năm dài khốn khó. Ba tôi, ngày toàn quốc kháng chiến là chiến sĩ tự vệ thành Hà nội. Ông bị thương ngay trong những ngày đầu cuộc chiến. Di chứng của vết thương hầu như đã lấy đi hoàn toàn sức khoẻ của ông. Ba tôi ốm đau quanh năm. Mẹ tôi, một người đàn bà không biết chữ nhưng nghị lực thì có thừa. Tôi nhớ, khi anh lớn tôi học hết phổ thông, vì đạt giải nhì học sinh giỏi toán miền Bắc, nên được cử đi đào tạo bậc đại học ở nước ngoài. (Ngày ấy chưa có quy chế thi tuyển đại học. Việc tuyển dụng chủ yếu xét theo lý lịch gia đình). Giấy gọi về đến địa phương, ủy ban nhân dân thị xã giữ lại. Họ họp hành, bàn bạc rất lâu. Một hôm, ông trưởng ban đại diện khu phố vào nhà tôi báo gia đình tôi thuộc thành phần tiểu thương, mẹ tôi bán bún phở, vi phạm chế độ lương thực của nhà nước. Anh tôi không được đi học. Tôi còn nhỏ nên không biết gì, chỉ thấy mẹ khóc và bất lực trước sự buồn bã của anh tôi. Bà có lên xuống ủy ban nhiều lần nhưng chẳng ích gì. Sau đó, bà đã quyết định không vi phạm chế độ lương thực của nhà nước, lao đao chuyển sang bán nước chè và hoa quả tươi để nuôi gia đình. Có lẽ, mẹ tôi sợ chuyện

học hành của những đứa con sau này gặp trắc trở. Ngày ấy nhà tôi rất nghèo, nhưng anh em tôi lại rất ham học và thường được khen là học giỏi. Mẹ tôi vất vả nhưng rất tự hào về điều đó. Ở đây người ta phục và quý trọng bà. Từ ngày tản cư về đây người ta chỉ thấy bà suốt ngày đầu tắt mặt tối, vui buồn nơi bà là chuyện chồng, chuyện con. Chỉ thế thôi sao? Không phải! Nơi đất khách quê người, có lẽ ngoài chồng thì chỉ còn những đứa con là hiểu được tâm sự của bà. Biết được những đau đớn, mất mát trong gia đình riêng của bà ở Hà Nội. Chúng tôi thường được nghe mẹ kể về làng Khương Trung, về gia đình mẹ ngày xưa. Mẹ tôi không biết chữ nhưng tính nhẩm lại rất giỏi, về điểm này bọn tôi chào thua và phục mẹ lắm. Bà thuộc rất nhiều ca dao, tục ngữ và bảo người làng Khương Trung ai mà chả vậ. Thuộc, để còn vận vào cuộc sống hàng ngày chứ! Không biết chữ mà truyện Kiều bà đọc vanh vách mới tài chứ. Mẹ bảo, ông ngoại hay lấy Kiều, mẹ thích, lấy theo rồi thuộc lúc nào không hay. Các cụ ta ngày xưa kể cũng kỳ lạ thật.

Lo toan dè mãi, mấy khi mẹ được sống cho riêng mình. Bây giờ tôi mới hiểu thấm thía điều ấy, nhưng, biết làm sao đây? Chỉ còn biết thương mẹ! Những đêm mẹ khóc khi kể về bà ngoại, về cậu Thụ của những năm xa xưa lại rấm rứt tim về, tôi thật không còn chịu nổi. Mẹ ơi! Trong anh em tôi cũng mỗi người hiểu và cảm thông, chia sẻ với niềm đau của mẹ một khác, mỗi người mỗi

cách cư xử. Tôi hiểu mẹ không trách ai. Lòng mẹ bao dung.

Mẹ về quê, mà gần như không còn nhận ra được gì ở cái làng Khương Trung xưa nữa. Bây giờ là phố rồi. Đường vào làng nay đã thành phố Khương Trung. Ngay đầu phố là cái chợ khang trang, đông đúc. Cổng làng, vũng Pheo, mộ bà Hậu, quán Vàng... tất cả đã đi vào dĩ vãng. Ngay đến vị trí cái giếng Giỏ, với bao nhiêu chuyện về ma của một cô gái làng tên là Bông, mẹ đã làm chúng tôi sợ bao đêm, mẹ đã kể như một chuyện cổ tích. Thế mà, giờ đây mẹ cũng không thể xác định nổi nó nằm ở chỗ nào. Anh cả tôi phải dẫn mẹ đến, mẹ cứ bồn thần trước cái ngôi biệt thự năm tầng trên nền giếng Giỏ. Tôi hiểu mẹ đang nghĩ gì! Mẹ lùi lại, đặt đĩa hoa và thắp hương trên một khoảng đất trống, hướng về giếng Giỏ khấn vái cô Bông. Kể cũng đúng thôi, bốn mươi bảy năm xa cách thì biết bao nhiêu biến đổi. Nhất là mười năm trở lại đây, thời kỳ đất nước mở cửa, kinh tế thị trường, mọi thứ đều bung ra. Tôi thấy trong mắt mẹ có điều gì đó như một day dứt, luyến tiếc. Đưa mẹ về quê, điều tôi sợ nhất là khơi dậy niềm tâm sự, nỗi đau trong lòng mẹ. Một thời xa cách, các con đã lớn, nỗi khát khao được trở lại thăm quê của mẹ là cháy bỏng, là niềm thôi thúc. Thế mà, tôi thấy mẹ cứ ngần ngừ ái ngại. Nhiều khi mẹ bàn rất sôi nổi xong lại thôi, lại bồn thần. Tôi hiểu mẹ, bà đang gánh chịu những khổ đau của riêng mình. Lời nói

của mẹ ngày trước cứ khắc sâu trong tâm khảm tôi, day dứt: “Bên ngoại con như thế là không còn ai nối dõi tông đường. Cậu con chết khổ quá, sự hy sinh của cậu con cũng chẳng ai biết đến, chẳng ai xác định”. Lớn lên, tôi mới hiểu thế nào là sự nối dõi tông đường của một dòng họ, thế nào là tình máu mủ ruột thịt. Thấu hiểu tại sao mẹ lại xót cậu đến thế. Cũng như tôi, khi chị tôi đột ngột qua đời ở độ tuổi thanh xuân, tôi bàng hoàng đau đớn. Không tin, không tin cho đến tận bây giờ. Tôi càng nghĩ càng thương mẹ hơn...

Đình Khương Trung đã được xây cất lại trên một khu đất khác, mẹ bảo đây là đất của cánh đồng Vườn Vải. Ngay trước cửa đình về phía bên trái, có dựng một tấm bia ghi công những người con của làng đã hy sinh trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ của đất nước. Không có tên cậu tôi. Tôi bối rối và xót xa nhìn mẹ. Tôi thấy mẹ như già hẳn đi. Mẹ không nói gì, lầm lũi quay về nhà anh cả tôi. Một căn nhà được dựng trên miếng đất của bên ngoại để lại.

Ngày tôi xa nhà, hiểu nỗi xót xa của mẹ, trước khi đi tôi nói với bà: “Mẹ ạ, cậu con bị bắt vào tháng mười, con sẽ giỗ cậu vào ngày rằm tháng đó mẹ nhé”. Mẹ nắm tay tôi, mắt nhìn tôi như muốn nói: “Con mẹ thật ngoan và có hiếu!”. Tôi hiểu mẹ tin tôi. Thực ra trước nỗi xót xa của mẹ về cậu, tôi cũng muốn tìm hiểu về cậu tôi lắm.

Nhưng cuộc đời thật đa đoan, số phận cứ đưa đẩy tôi mãi, khiến tôi không sao thực hiện được điều đó. Tôi biết mình có tội với mẹ. Tôi hiểu rằng, trong cuộc chiến tranh vệ quốc của chúng ta, những trường hợp hy sinh vô danh như cậu tôi cũng là lẽ không thể không có. Nhất là cậu tôi chỉ là một chiến sĩ tự vệ thủ đô trong những ngày đầu đánh Pháp. Mẹ tôi chắc cũng nghĩ như thế. Nhưng nỗi xót xa, tình máu mủ cứ day dứt, chảy ngược vào lòng. Điều này tôi biết lắm. Cậu tôi bị bắt, đưa vào bột Hàng Vôi, một bột khét tiếng của giặc Pháp thời đó ở Hà Nội. Người ta nói đã “lạc” vào đó thì chín phần chết mới có một phần sống. Đúng là như vậy. Cậu tôi mất tích luôn từ ngày ấy. Ngày miền Nam chưa giải phóng, mặc dầu còn nhỏ, nhưng không biết thế nào tôi lại nghĩ và nói với mẹ: “Có khi cậu con vẫn còn, cậu đang hoạt động ở trong miền Nam thì sao hở mẹ?” Mẹ không nói gì, nhưng tôi thấy mắt mẹ sáng lên. Có lẽ bà chợt nghĩ ra một điều gì, một hy vọng, mặc dù là hy vọng mong manh. Tôi đã vô tình gieo vào lòng mẹ một niềm khắc khoải, một niềm an ủi nhỏ nhoi. Những ngày mới giải phóng miền Nam, tôi thấy bà đứng ngồi không yên. Có lúc bà ngồi hàng giờ trước cửa, rồi thần thờ quay vào nhà thắp hương trên bàn thờ. Tôi thương mẹ, cứ thầm cầu trời khấn Phật điều tôi nói với mẹ ngày xưa là sự thật. Sự trông chờ thật mệt mỏi. Giải phóng đã hơn hai mươi năm rồi, niềm hy vọng mong manh của mẹ đã

hết. Bà cứ héo hắt dần theo năm tháng. Tôi thật không biết nói thế nào với mẹ nữa...

Thằng Trưởng, con trai lớn của anh tôi trong bộ lễ phục rước Thành Hoàng hơn hở chạy về như muốn khoe với bà. Hôm nay, nó được cầm cờ rước trong đám trai thanh. Thời gian trôi nhanh thật, bây giờ nó đã là một thanh niên. Chúng nó lớn lên trong cảnh thanh bình, đất nước đang đổi mới, đỡ gian nan hơn thế hệ chúng tôi nhiều. Thế hệ chúng tôi không có cảnh lễ hội, không có cảnh rước Thành hoàng như nó. Tôi chỉ được biết qua sách vở. Nhưng, thế hệ mẹ thì khác. Không biết cảnh lễ hội trong thời mẹ có giống cảnh lễ hội thời nay không? Nhìn dáng vẻ bà, nó dè dặt hỏi:

- Bà ốm hở bà?

- Không, bà chỉ hơi mệt thôi! Mẹ tôi cười hỏi nó: “Cháu đi hội có vui không?”.

- Dạ, vui lắm bà ạ. Cháu chỉ về nhà một tí rồi ra đình ngay đây. Trưa nay, bà cũng ra đình ăn cơm bà nhé.

- Ủ, cháu đi trước đi, chút nữa bà ra.

Thằng bé lại hơn hở chạy ra đám rước.

- Mẹ thấy ngày hội làng thế nào? Tôi quay sang hỏi bà.

Mẹ tôi trầm ngâm một chút rồi nói: “Lễ hội nhộn

nhip, không khí náo nhiệt, nhiều màu sắc nhưng không được nghiêm trang như ngày xưa". Mẹ nói xong quay vào nhà trong.

Tôi buồn bã quay sang anh tôi, nói: "Anh thấy đấy, mẹ thì cứ mãi thế. Anh em mình biết làm sao bây giờ? Giá cậu mất còn thấy xác, còn có một nắm mồ có lẽ mẹ cũng được an ủi phần nào. Ở nhà, mỗi khi xem truyền hình tới mục "nhấn tìm đồng đội" em thấy mẹ không yên. Mẹ khổ tâm lắm! Những suy nghĩ của người già về cái chết, về một nắm mồ, có lẽ anh em mình còn những điều chưa hiểu nổi. Chắc họ muốn tránh những day dứt, để khi ra đi được thanh thản. Thật buồn, mẹ cũng không được quyền hy vọng trong mục nhấn tìm, để đưa em mình về như người ta".

- Mọi sự đã rồi chú ạ. Về sự đa cảm và nghị lực của mẹ thì anh hiểu. Ngày chú chiến đấu trong thành cổ Quảng Trị, thằng Sơn cùng phố, cùng đơn vị chú về nói chú đã hy sinh, chính tay nó chôn cất chú. Cả nhà lặng đi. Ba là người khóc trước. Mẹ vẫn là người cầm lái. Về cậu, anh cũng chỉ được biết qua ông Lăng, bạn cùng trung đội tự vệ với cậu. Hỏi mẹ, mẹ cũng chẳng biết gì hơn. Vì ngày ấy mẹ đã đi tản cư. Trưa ấy, trung đội tự vệ của cậu đã lập mưu bắt sống hai thằng lính Pháp ngay trong làng. Ngay trưa đó nhà bà ngoại bị giặc đốt, bà bị giam trong nhà, may mà tự vệ cứu ra được. Còn cậu thì

Nguyễn Khương Trung

bị giặc bắt. Chúng nó đưa thẳng cậu về bốt Hàng Vôi. Nghe nói, ngay đêm hôm đó cậu bị chúng nó đưa lên cầu Long Biên bắn chết, rồi quăng xác xuống sông Hồng. Chiến tranh ngày càng ác liệt. Mẹ thì ở tít nơi tản cư. Sự việc cứ chìm dần, rồi chẳng ai nhắc đến cậu nữa. Chỉ mẹ là mãi xót xa...

Tôi càng thấm thía những hy sinh, mất mát của các bà mẹ Việt Nam. Mỗi người mỗi cảnh, cứ lặng lẽ âm thầm cống hiến.

Ngay sáng hôm sau mẹ bảo tôi đưa về nhà. Dẫu gì, nơi đây vẫn còn ngôi mộ của cha tôi.

Bảo Lộc, tháng 7/1998.

Cõi người ta

Trăm năm trong cõi người ta.

Nguyễn Du.

Kể cũng khó tin, khi tôi và cụ Hàn Tiểu lại trở thành đôi bạn vong niên. Tôi nào dám lão thế! Điều này là do cụ. Mảnh sân sau nhà cụ có lẽ chỉ trải vừa hai vuông chiếu. Đêm ấy trăng sáng, đúng là gió mát trăng thanh. Tôi thu mình ngồi bên mép chiếu. Cụ im lặng ngồi cạnh, đôi mắt về phía chiếc chõng tre nhỏ nhắn, kê sát bụi nhài với những bông hoa trắng muốt, đã bắt đầu vượt khỏi cái thời hàm tiếu. Hàng chục năm nay, chiếc chõng nhỏ nhắn xinh xinh đã lên nước bóng láng này hàng ngày cụ vẫn mang ra đầu hè, bày bán những thứ hàng mà bọn trẻ con trong phố đã thuộc lòng. Đây là

những thanh quế, quả nhót, quả quýt... Những thứ hoa quả trông cũng quất queo, héo úa như cụ. Cụ thu lượm những hào những cắc, cả những đồng một xu từ túi bọn trẻ trong phố. Một dạo tôi cũng là khách quen của cụ. Mỗi lần xin mẹ được trình nào là chạy đến cái chõng này ngay. Lúc thì xuýt xoa đến chảy nước mắt vì vị cay của thanh quế mỏng tang cụ đưa cho. Khi thì hai tay ôm chặt một bên túi, cùng mấy đứa bạn chạy ào đến gốc bàng góc phố, hỉ hả ngồi duỗi dài chân, xoa lấy xoa để những quả nhót vào vạt áo. Rồi giơ lên thổi phù phù, nhăn nhó đến rứt cổ mà mút mát cái chua loét của quả nhót nhưng, khoái lắm! Trẻ mỗ mà!

Qua rồi cái thời trẻ mỗ! Nhưng, cũng chưa thể vươn tới cái thời người lớn. Bởi vậy đêm ấy gây cho tôi cái cảm giác sờ sợ. Mùi thân thể của người già nặng nặng, ngai ngái. Sao thính giác tôi đêm ấy lại rõ ràng đến thế? Cái ngan ngát của bụi nhài đêm trăng, cũng không át nổi hơi hương từ thân thể cụ Hàn Tiếu. Tôi khẽ nhăn mũi, nhìn cụ. Tôi không thể tưởng tượng nổi con người già nua, quất queo trước mắt tôi đã một thời là đào hát ăn khách, có vẻ đẹp "chim sa cá lặn" ở nhà hát bà Ký Đường như lời kể của ông Lưu "Sáo". Đâu rồi cái túm đuôi gà đổng đánh, cái thân thể thơm tho với nước da trắng như trứng gà bóc? Đâu rồi cái giọng hát mê luyến đã làm ngất ngây bao khách làng chơi? Thời gian cũng thật tàn nhẫn! Thời gian đã biến cô Ngát điệu vợ như lời ông Lưu

“Sáo” kể, thành cụ Hàn Tiểu bây giờ. Tôi thấy buồn buồn, vợ vẫn nghĩ. Có lẽ là cụ biết tôi đang nghĩ gì. Cụ Hàn Tiểu tinh tế lắm. Cụ từ từ đứng dậy, chống gậy, đi về phía chõng tre, đọc lầm nhảm:

Đâu biết rằng anh cũng chỉ là

Khách chơi giấy lát ghé chơi qua

Rồi thôi, nín áo không tình nữa

Để mặc mình ai khổ ước mơ.

Rồi, móm mém cười:

- Cái tuổi già nó khổ thế đấy! Cậu ơi! Chắc cậu cũng thấy khó chịu vì tôi.

- Dạ! Không ạ- Tôi có phần ngây ngô.

- Tuần hương cũng sắp tàn rồi đơ...ơ.ơ ! – Giọng cụ kéo dài trong không gian, như nói với trăng trời.

Tôi nhìn que hương duy nhất trong bình, đặt trên chõng tre đã cháy gần sát đến chân. Làn khói hương mong manh, hư ảo dưới trăng cứ lất lay theo gió, gây cho tôi cảm giác rờn rợn. Nhưng, chắc chắn cụ Hàn Tiểu sẽ không có cảm giác ấy. Sự cảm nhận về hương khói của người già làm sao giống tôi được? Vả lại cụ vốn là đào hát, cái không gian trăng gió phóng đảng này hẳn đã khơi dậy nỗi niềm nơi cụ. Bởi vậy, cụ mới nhấn nha đọc mấy vần thơ. Dù được gần gũi cụ đã lâu, nhưng đây là

lần đầu tiên tôi thấy cụ lăm nhăm đọc thơ.

- Hôm nay tôi đãi cậu chè bà cốt!

- Vâng ạ! Tôi liếc nhìn hai bát chè, đặt cạnh bình hương trên chõng tre – Sao cụ không mời ông Lưu “Sáo” sang cho vui? – Tôi dè dặt nói.

- Chè bà cốt là phải ăn nguội. Cái đầm của đường cát, vị thơm cay của gừng tươi mới quện được với nhau. Sự thơm ngon mới thấm đến tận chân răng.- Cụ móm mém cười. – Mà sao lại mời thêm ông Lưu “Sáo”? Cái cậu này! Buổi tối nay chỉ dành riêng cho tôi và cậu. Chúng ta làm lễ kết bạn vong niên cơ mà! Ngừng một lát, cụ lại khề khà. – Người đời cũng khát khe lăm, cậu ơi! Cuối đời được người bạn như cậu, tôi hả rồi!

Cụ Hàn Tiểu có vẻ vui hơn. – Tuổi tác thì kể gì! Cốt là ở cái sự hiểu và chia sẻ được với nhau. Thế mới gọi là bạn vong niên, cậu nhỉ. Rồi cụ trầm giọng – Không ném trái, không rộng lòng, không thể có được bạn vong niên đâu cậu ơi.

Mơ hồ! Không gian và cách ăn nói của cụ Hàn Tiểu khiến tôi có cảm giác những gì đang diễn ra như không có thật. Cụ Hàn Tiểu già cả, móm mém này có sức hút gì? Tôi cũng không cắt nghĩa được. Bọn trẻ trong phố chẳng đứa nào chịu gần gũi cụ, dù cụ có tỏ ra quý mến, bán rẻ cho chúng nó. Mua xong hàng là chúng ào đi

ngay. Lần mua hàng nào tôi nán lại bên chõng tre là cụ vui lắm. Cụ tìm cách vuốt ve, có khi thêm cho tôi cả một thanh quế, một quả quýt. Rồi hỏi han, kể chuyện. Những câu chuyện về phố này ngày trước. Chuyện về con sông Đào, chảy ngang cửa lớp vỡ lòng của cô giáo Điện bây giờ. Chuyện về bà địa chủ Lan “than” rõ là nửa đời vinh hoa phú quý, nửa sau chẳng biết có phải gắn suốt với những hòn than quả bàng ngoài bến sông không? Chuyện “Cô Kỵ mà lấy ông Kỳ...” bọn tôi rất khoái. Rồi lại chuyện về ông Lưu “Sáo”, hàng xóm nhà tôi... Rồi dần dà theo sự lớn lên và chịu khó qua lại nghe chuyện cụ kể, tôi cũng được nghe cả những chuyện về cuộc đời cụ... về cái chiếu ả đào nhà hát bà Kỵ Đường ngoài phủ Vũ Tiên... Không hiểu sao tôi lại rất thích những chuyện này. Có lẽ vì tôi nghe chăm chú và ánh mắt đã le lói điều gì, một lần cụ rơm rớm nước mắt, bảo tôi: “Cậu sống nội tâm lắm! Nhưng đời cậu sau này chìm nổi đấy!” Tôi ngơ ngác. Cụ nói tiếp: “Bây giờ còn có người chia sẻ được với tôi như cậu, thật phúc cho tôi lắm!” Có lẽ đấy là những nguyên nhân, để tối ấy tôi bất ngờ được cụ mời sang dự cái lễ có một không hai trong đời.

Hai người một già một trẻ ngồi dãi dưới trăng ăn chè bà cốt, trong cái không gian khi thì phẳng phất, lúc lại quyen động ngậy ngậy hương của hoa nhài và hương trầm. Một kiểu kết bạn của phụ nữ, của người già. Tôi

thấy trong dạ ngùi ngùi, xen lẫn thú vị. Có lẽ cụ Hàn Tiểu nói đúng, từ ngày tôi biết, chả mấy người hàng phố chịu qua lại nhà cụ, trừ ông Lưu "Sáo". Người ta khinh cái quá khứ của cụ. Ai mà thêm qua lại với hạng "cô đầu con hát"... Cả sợ nữa thì phải. - Cái hạng tiểu tư sản, đầu óc còn chất chứa tư tưởng thực dân phong kiến, không "khéo" á, nó lại "vương" cả sang mình!.

- Cụ ấy còn đọc thơ cho mày nghe?

- Vâng!

- Cụ ấy đọc thể nào?

- Chỉ có bốn câu thôi. Hay lắm! Nhưng cháu chỉ nhớ được mỗi câu cuối là: "Để mặc mình ai khổ ước mơ" thôi ạ.

- Lại còn thể nữa! – Ông Lưu có vẻ bồn thần.

- Bác thổi thử cây sáo này cho tôi.

Ông Lưu bỏ dở câu chuyện với tôi, đón cây sáo ngang từ tay ông khách, niềm nở:

- Bác tự thổi lấy có hơn không?

- Tôi có biết đàn sáo là gì đâu? Có thằng cu nhớn thấy tôi đi tỉnh, cứ dặn đi dặn lại là nhớ mua cho nó cây sáo. Mà nó còn dặn rõ là phải mua của ông Lưu "Sáo". Tôi hỏi, người ta chỉ ra đây, có đúng là bác không đấy?

Ông Lưu cười tươi tỉnh:

- Dạ! Đúng là tôi đấy ạ. Thế cậu nhà bằng nào rồi mà chơi được sáo ngang? Bác đã nghe cậu ấy thổi sáo bao giờ chưa?

- Mười lăm tuổi rồi. Mê sáo lắm! Những đợt liên hoan văn nghệ xã, nó được người ta vỗ tay hoan hô rầm rầm ấy chứ.

- Thế thì quý hóa quá! Thời buổi này mà còn mê được sáo trúc là hiếm lắm đấy ạ. – Ông Lưu vẻ hồ hởi, đưa cây sáo lên miệng thử.

- Đúng là bài này đấy. *Bèo dạt mây trôi* phải không bác? Thằng cu nhà tôi nó bảo vậy. Hay quá! Cu nhà tôi nó cũng hay thổi bài này. Thế mà ra thóc ra gạo cả đấy bác ạ. Mỗi đợt liên hoan, nó được chấm những hai công rưỡi điểm của người làm thủy lợi cơ đấy. Xã tôi, chả đứa nào được bằng nó... Nó còn dặn tôi chọn cây nào tiếng phải tròn cơ. Thế cây sáo này tiếng đã tròn chưa hả bác? – Ông mua sáo có phần khoe con, phấn khởi nói liền một mạch, mặc cho ông Lưu vẫn còn đang thử sáo.

Ông Lưu hạ sáo, từ tốn nói.

- Dạ, sáo tôi khoét là âm thanh chuẩn nhất vùng đấy ạ.

Đúng lúc ấy tôi nghe tiếng mẹ gọi, vội vã chạy sang

bên kia đường để vào bến xe khách. Mẹ tôi bán nước chè, hoa quả tươi ở bến ô tô tỉnh. Những người không mua được vé, nhờ độ đường phải nằm lại bến đông lắm. Đêm nào cũng chật như nêm. Họ trải áo mưa, hoặc bất cứ cái gì có thể ngả lưng được, nằm la liệt khắp trong nhà và vỉa hè. Những người đã có vị trí xếp hàng ở gần cửa bán vé, thường thì không chịu rời cái chỗ quý giá ấy. Họ gục đầu xuống gối, nghiêng ngả theo đủ mọi kiểu mà gà gât, trông đến thảm! Ấy nhưng cũng có những đám trai gái say chuyện, cứ rả rả suốt đêm. Hình như đây lại là một cơ hội để họ được nói, được mở rộng quan hệ mà cởi tấm lòng thì phải. Tôi chẳng thấy họ có dấu hiệu của những người “sẩy nhà”, trái lại, họ còn rất vui vẻ. Có lẽ tuổi trẻ là thế! Thừa sinh lực và luôn có nhu cầu đổi trao tâm tình. Những người đã qua cái đàn phải nằm bến, đợi xe trong những ngày ấy hẳn trong lòng phải có những kỷ niệm khó quên. Mà, giai đoạn ấy thì đã mấy ai thoát được cảnh châu chực, xếp hàng, rồi, vạ vật trong bến xe đêm. Tôi thì đã hơn năm năm, gần như phải thức thông đêm ở cái bến xe hàng tỉnh này. Nhà đông miệng ăn, lại còn đang đi học cả. Bố thì ốm đau quanh năm. Cả nhà chỉ còn biết trông vào cái chõng hàng nước chè tươi của mẹ. Tôi cũng đã học gần sang những năm cuối của bậc phổ thông, nhưng vì thương mẹ đêm hôm, tôi vẫn ra bán hàng cùng mẹ.

Tiếng sáo của ông Lưu từ bên kia đường vẫn vọng

sang. Có lẽ tiếng sáo hợp với không gian khuya khoắt thanh vắng hơn là ban ngày. Những âm thanh trầm bổng như rót vào lòng, thấm thía! Không biết ông là người bán sáo trúc, hay là người chơi sáo hay có tiếng mà dân ở đây ai cũng gọi tên ông kèm theo từ “sáo”. Tôi nghĩ cũng là may cho ông lắm, nếu không, rất có thể người ta sẽ gọi ông là Lưu “bàn đèn”, hoặc Lưu “cơm đen”. Người ta ai chả biết ông nghiện thuốc phiện có thâm niên. Nghiện từ cái thuở còn mồ ma thực dân phong kiến. Từ cái thuở còn ra vào nhà hát bà Ký Đường cơ. Nhưng phải công nhận ông có tài chơi sáo trúc. Tiếng sáo của ông còn hay hơn cả tiếng sáo của anh Hạ, nhạc công bên đoàn cải lương Kiến Thiết tỉnh. Tôi bị câu nói của cụ Hàn Tiểu ám ảnh – “Làm nghệ thuật là phải toàn tâm, phải vắt ruột vắt gan, trút hồn vào đấy thì mới hay được. Tiếng sáo của ông Lưu hơn anh Hạ ở cái hồn.” Cụ còn nói thêm: “Ông ấy chơi sáo hay! Nhưng hồi này tiếng sáo nghe sao buồn thế.” Rồi cụ hạ giọng, âm thanh như thoát ra từ lồng ngực: “Buồn đến sâu thẳm!”

Tôi được mẹ “thay ca” ngồi bán thì mừng lắm. Chẳng thấy buồn ngủ như mọi ngày, vội vã chạy sang bên kia đường. Ông Lưu đã thôi thổi sáo từ lâu, nhưng vẫn ngồi đây. Những người từ tối ngồi vây quanh nghe ông thổi sáo và tán chuyện, đã mệt mỏi đi tìm chỗ ngả lưng cả. Tôi dè dặt đến bên ông, hỏi nhỏ.

- Đêm nay bác không về à? (Từ trước đến nay, ông Lưu chỉ bán đến chập tối là thu hàng)

- Mày lại sang đây à? Giọng ông trầm hẳn xuống. – Mấy câu thơ cụ Hàn Tiểu đọc là một khổ trong bài *Bến sông đưa khách* của ông Thế Lữ. Mô Phật! Cụ vẫn không quên được cái thuở ấy. Ngừng một lát, ông tiếp: “Trời nóng nực quá! Tao ngồi đây cho mát.”

Tôi biết là ông Lưu nói dối. Không phải vì trời nóng nực mà ông không về. Ông đang có tâm sự! Nhà tôi và nhà ông áp hậu vào nhau, ngày trước hai nhà phải đi hai ngõ nên gần lại hóa xa. Hai cái ngõ ba tư và ba năm của dãy phố này, ngày giặc Mỹ chưa leo thang bắn phá Miền Bắc, không thông nhau. Sau cái đạn phải đi sơ tán về, hai ngõ lại hóa thông nhau. Số là một quả bom Mỹ đã san phẳng mấy cái nhà trong ngõ, khi dựng lại, theo chủ trương của khu phố người ta chữa ra một lối đi, để hai ngõ thông nhau cho tiện. Thành thử, nhà tôi và nhà ông đã trở thành hàng xóm thực sự. Cũng như đối với cụ Hàn Tiểu, người hàng phố chả mấy ai chịu qua lại nhà ông. Ngoài cái quá khứ ngày trước, người ta còn khinh vì ông nghiện thuốc phiện. – “Nghiện hút thì, cái hạng ấy là đồ vất đi”. Cũng thật khổ, vợ con ông thì tội tình gì mà cũng bị rơi vào sự ghẻ lạnh? Không công bằng! Ngay cách nhìn của người hàng phố về tư cách giữa ông Lưu và cụ Hàn Tiểu cũng không công bằng. Sao người ta cứ

khất khe với phụ nữ quá thế? Này nhá, ông Lưu và cụ Hàn Tiểu đều là những người có mặt trong chiếu ả đào nhà hát bà Ký Đường cái năm xưa năm xưa. Một người là con hát, một người là khách làng chơi, ai chả rõ điều ấy. Thế thì hỏi rằng hai người có “hơn, kém” gì nhau? Đúng ra thì phải đánh giá tư cách hai người ngang nhau mới phải chứ? Ấy nhưng người ta chỉ nói cụ Hàn Tiểu ngày trước là cái hạng “cô đầu nhà thổ”. Còn ông Lưu á, nếu không vướng vào nghiện hút thì cũng ít người nhớ đến cái tội “khách làng chơi” của ông. Cụ Hàn Tiểu còn có lần bảo tôi: “Ông ấy ngày trước du côn lắm. Khi có tuổi lại chăm đi chùa. Con người ta cũng thật là...” Ngừng một lát, cụ tiếp: “Trước kia ông ấy theo đám ông lang Dương, đứng đầu du côn tranh khách cho hãng ô tô Mỹ Lâm Con Thỏ, đánh nhau sút đầu mẻ trán là chuyện thường. Bến xe tỉnh ngày ấy còn ở bên hông rạp hát Kiến Thiết cơ, chứ không phải cái nơi cậu ngồi bán nước chè tươi bây giờ đâu. Hồi ấy, chênh chéch bến xe còn có quán bánh cuốn Minh Hương. Bánh cuốn nóng nhân thịt, nước chấm cà cuống thơm thơm lạ...” Đoạn cuối lời kể, giọng cụ có phần bùi ngùi.

- Mày chớ theo cái thói người ta mà khinh cụ ấy. Một con người có tâm, hiểu biết đấy. Bây giờ cụ ấy phải sống cô độc một mình, rõ khổ! Ớ hay nhỉ? Ngày trước cô Ngát dịu dàng, xinh đẹp dường ấy, bây giờ lại hóa ra cụ

Hàn Tiểu! Sao lại Hàn Tiểu được nhỉ? Tao nhớ là ra vào chốn ấy, có cái ông Hàn Tiểu nào đâu? – Tôi túm túm cười, ông Lưu không biết nhưng tôi biết. Tôi là bạn vong niên của cụ Hàn Tiểu cơ mà! Ông lại tiếp: “Người ta bảo gái cô đầu con hát ít người có con, có lẽ đúng.” Ông nhìn tôi, chậm rãi: “Mày đã là bạn vong niên, thì cũng nên để mắt chăm sóc đến người ta. Cụ ấy già rồi!” Ông dần giọng: “Có vậy mới ra con người!”

- Vâng ạ! Tôi khê khàng.

- Kể ra bọn mày bây giờ cũng thiệt thòi, những bài thơ hay như bài *Bến sông đưa khách* cũng chả mấy đứa biết. Mà mày có biết thế nào là thơ mới không? Thời bọn tao á, sướng lắm! Những bài thơ mới là cứ ngâm vịnh thoải mái. Ông lại có vẻ ngẩn ra – Mà, lạ nhỉ! Sao lại đi cấm cái hay cái đẹp thế nhỉ?

- Chúng cháu cũng được giới thiệu dòng thơ ấy trong chương trình học.

- Giới thiệu! Chương trình! Tao lạ gì! Mày biết không? Ông nói như một bí mật: “Ngày trước nhà văn Nguyễn Công Hoan cũng dạy tiểu học ở đây đấy. Cái trường của ông ấy ở sát khu cầu trượt, bập bênh của trẻ con bây giờ. Cả nhà thơ Thế Lữ nữa, có thời gian ông ấy ở cái nhà trên đường Guyu Pickê ấy.”

Lại Guyu Pickê! Ông Lưu không sao bỏ được thói quen gọi tên cũ, và thỉnh thoảng nói đá tiếng tây bồi. Thói quen này đã không ít lần mang lại rắc rối cho ông. Ông đã vài lần phải đọc bản kiểm điểm, bản cam kết trong các cuộc họp tổ dân phố. Thậm chí ông còn bị quy là phản động, là gián điệp. Ông tổ trưởng dân phố đã có lần giận dữ, quát trong cuộc họp: “Chỉ có bọn gián điệp phản động, mới không chịu gọi tên đường phố của chúng ta là đường Lê Lợi. Nó còn nuối tiếc cái chế độ thực dân phát xít chắc?” Tôi cũng đã bị chỉ đoàn khu phố kiểm điểm lên xuống, vì cái tội hay qua lại chuyện trò với ông Lưu “Sáo” và cụ Hàn Tiểu. Người ta không muốn để tôi bị lây nhiễm tư tưởng của những người bị coi là “tàn dư của chế độ thực dân phong kiến.” Ông Lưu biết, có lần bảo tôi:

- Mà không sợ à? Hay là đừng “chơi” với tao nữa.

Tôi cười chả nói gì, nhưng vẫn thậm thụt qua lại bên ông. Ông Lưu bây giờ người xanh xao tiêu tụy lắm. Trông đã rõ ra cái thân thể của một con nghiện. Nghe nhắc đến nhà thơ Thế Lữ, trong tôi lại dậy lên nỗi ám ảnh bởi một truyện ngắn của ông. Tôi thì không biết nhà ông Thế Lữ ở cái đoạn nào trên đường Guyu Pickê như lời ông Lưu kể. Nhưng, cái truyện ngắn về con rắn nghiện thuốc phiện của ông thì ám ảnh tôi ghê lắm. Nhiều lần ngó vào căn buồng tối tăm của ông Lưu, tôi cứ tưởng tượng đến một

ngày nào đó, ông Lưu cũng phải nằm chết trong cái cuộn tròn của con rắn ngiên ngập mà rùng mình.

- Tao quý chú mày, vì chú mày không khinh rẻ những người như tao và cụ Hàn Tiểu. Chúng tao thuộc người của thời thế cũ, thời này không hợp. Nhưng, đúng ra tao cũng không đáng bị khinh rẻ như vậy. Mày có thấy thế không? Tao có thể mắc phải cái tội chơi bời quá trớn trong cái thời cũ, có thể là "tàn dư của chế độ thực dân phong kiến" như người ta nói. Nhưng gián điệp phản động thì không, tuyệt đối không. Tao cũng thấy những điều hơn hẳn của chế độ ta, so với thời kỳ đất nước còn bị thực dân Pháp đô hộ. Cũng đau lòng vì đất nước còn bị chia cắt như người ta, sao bảo tao là phản động được? Mà mày thấy đấy, gia đình tao cũng thực hiện triệt để những chủ trương, đường lối của Đảng... thằng cu lớn nhà tao đầu năm ngoái làm đơn tình nguyện nhập ngũ, tao còn động viên, dù nó chưa đủ tuổi nghĩa vụ quân sự. Nó đang chiến đấu trong chiến trường B. ấy. Gia đình tao cũng là gia đình bộ đội. Phản động cái nổi gì? Ông thờ dài.

- Người ta nói kẻ người ta, mình có phản động đâu mà sợ. Bác buồn làm gì cho mệt.

- Mày nói kẻ cũng phải! Có điều tao thấy thời nay người ta sống "thái" quá, cứ khư khư nghĩ về một phía và luôn cho là mình đúng. Luôn cho mình mới xứng

đáng là con người triệt để cách mạng. Hình như họ nhìn đâu cũng thấy kẻ thù giai cấp, thấy bọn gián điệp phản động. Lại thật! Với họ, cái gì đã xấu rồi có lẽ mãi mãi phải chịu thế, không thể khác đi được. Bởi vậy, họ không thể chịu được và không thể tha thứ cho những người như tao. Tao biết chứ! Khổ nỗi là tao nào có độc địa, xấu xa gì? Tao cứ bị ném về thời cũ, về cái thời mà mọi người phải kiên quyết đấu tranh, xoá bỏ. Hình như họ đang cố ghìm giữ những người như tao, để còn có cái mà đấu tranh, để chứng minh cho lòng yêu chế độ của mình thì phải? Mà có thấy thế không? Khổ cho cái thân tao chưa!

Tôi im, chả dám nói câu nào trong sự dồn nén của ông Lưu. Ông mệt mỏi, tiếp: "Mày có nhớ câu đối của cụ Ngô Thời Nhậm, với ông Đặng Trần Thường đầu triều Gia Long không? "... Gặp thời thế thế thời phải thế!" Đây! Thời thế với con người ta đại khái nó là như vậy. Nghĩ cho cùng, tao cũng chả trách cái ông tổ trưởng dân phố mình, khi ông ấy lớn tiếng quy tao là "gián điệp phản động". Cái "mẫu" con người ta thời này nó phải vậy. Người như ông ấy vượt lên sao được! Tao chỉ thấy buồn cười, thương cho ông ấy nữa. Người ta sống quan trọng ở cái tâm. Đúng không? Tao dờ ở cái vương vào vòng nghiện hút. Tao biết tội tao lắm! Nhưng giá mọi người đừng quá khinh rẻ xa lánh, rộng lòng một chút thì đời tao cũng đỡ đi được phần nào. Mày phải tránh xa thuốc sái ra, nhớ chưa! Nhục lắm! Mắc vào đấy là coi

như mất không cuộc đời đấy, còn làm khổ vợ, khổ con. Con cái Thúy, nó cũng vì tao mà khổ đấy. Tao thương nó quá! – Giọng ông Lưu nghèn nghẹn.

Thúy là con thứ hai của ông Lưu, là bạn tôi. Cái nghĩa sâu xa về sự khổ của Thúy, như ông Lưu nói thì tôi chưa được tường tận. Nhưng hiện thời thì Thúy đang phải chịu khổ nhục. Mới mười bảy tuổi đầu, đi nông trường trên mạn ngược, nghe Thúy nói là nông trường trồng dưa. Ở đấy gần được hai năm thì Thúy vác về một đứa con hoang. Hàng phố khinh bỉ Thúy ra mặt, có lẽ chỉ còn thiếu cái nước gọt đầu bôi vôi của cái thời thực dân phong kiến đồi bại. Người ta bảo đúng là “nòi nào giống ấy”. Mà kẻ người ta khinh Thúy cũng có cái lý của người ta. Thúy đã mắc vào cái tội lớn thứ hai, sau tội lớn thứ nhất là tham ô của thời này. Ai mà tha được cái hạng tham ô, hủ hóa. Thúy đau khổ, xấu hổ đến tránh cả mặt tôi. Tôi thương Thúy, nhưng cũng chưa tìm được dịp nào để chia sẻ cùng em. Trong cái đêm trăng kết bạn vong niên cùng tôi, cụ Hàn Tiểu có nói: “Ông Lưu tuy là người không đến nỗi nào, nhưng không thể coi là bạn được. Đã mắc vào vòng nghiện hút là đồ vất đi. Thằng nghiện khi đã lên cơn thì giới nó cũng bán!” Đúng sai thế nào thì tôi chưa biết, nhưng nghe sợ quá. Cụ còn nói thêm: “Đấy rồi cậu xem, cuộc đời của những kẻ nghiện ngập sẽ kết thúc thảm khốc lắm.” Câu nói của người già như một lời tiên tri, cảnh báo. Tôi rùng mình. Con rắn của ông Thế Lữ lại hiện ra.

- Mà cụ Hàn Tiểu đã cho mày xem cái truyện ngắn *Bà Ký Đường* của ông Nguyễn Khắc Mẫn chưa? – Ông Lưu như chợt nhớ ra, hỏi tôi.

- Dạ! Cháu có hỏi, nhưng cụ ấy không cho xem. Cụ bảo cháu là cậu xem truyện ấy làm gì! Mấy ông nhà văn viết thì có vẻ hay thật, nhưng các ông ấy đã hiểu được mấy phần tâm tư của ả đào mà viết?

- Kể cụ ấy nói cũng có lý. – Ông Lưu “Sáo” thở dài.

*

* *

Tôi đang trên đường đi làm về thì anh văn thư của nhà máy gọi giật giọng, đưa cho tôi một bức điện. Tôi cúi đọc, giật mình. “Anh có thể về với em vài ngày được không? Bố em mất rồi! Thúy.” Tôi tái mặt. Cũng may là phép năm chưa nghỉ, tôi chạy vội lên phòng tổ chức của nhà máy, trình bức điện khẩn để xin phép, rồi vội vã ra bến mua vé “chui” tức tốc về ngay.

Thực ra sự có mặt của tôi trong những ngày này cũng chẳng an ủi Thúy được bao nhiêu. Cái chết quá thương tâm của người cha đã khiến em kiệt sức.

Cụ Hàn Tiểu buồn rầu bảo tôi:

- Cậu thấy tôi nói có sai đâu! Nhưng, ông ấy tự vẫn như thế thật quá sức tưởng tượng của người ta, việc gì phải tự dày dọ, chịu đau đớn đến nhường ấy cơ chứ. Rõ

thật là kinh khủng! Trẫm mình cũng chết được rồi! “Sinh nghề tử nghiệp” Sợ thật! Ai đời lại tự đâm cổ bằng con dao khoét lỗ sáo, ngay trên giường ngủ của mình không chết được, máu me đầm đề hàng cây số trên đường lết ra sông trẫm mình. Gớm ghiếc quá.

Tôi kinh hãi. Sự nghiệt ngã của đời thường thật khủng khiếp. Con rắn nguyền ngậm và cái chết của ông lão dúi cơm, dúi thuốc trong cái truyện ngắn kia thật chẳng thấm vào đâu, với cái chết ghê sợ của ông Lưu “Sáo” phở tôi.

Cụ Hàn Tiểu lại chậm chạp nói tiếp: “Đói thuốc quá đấy cậu ơi! Rõ khổ! Thời buổi chiến tranh ác liệt, khó khăn thế này ai người ta còn chơi sáo nữa mà bán! Nghiện ngập thì, có mà núi của của cũng tan! Tiền nào mà cung cấp cho đủ?” Cụ lặng người, giọng đột ngột xa xăm: “Đêm ấy ông Lưu chơi sáo hay đến kỳ lạ cậu ạ. Tiếng sáo lay động, nhức nhối. Tôi ngồi bên nhà nghe vắng vắng tiếng sáo, chợt nghĩ đến cái câu: “Con chim sắp chết kêu thương” mà giật mình. Không khéo cái nhà ông này.... Cõi người ta thì mông lung, ảo huyền lắm. Nhưng, phải cố hòa nhập vào đấy mà sống. Khi đã phải co về, sống với cõi riêng của mình thì đáng sợ lắm. Tiếng sáo của ông Lưu đêm cuối cùng là cõi riêng của ông ấy đấy! Cái tôi trong nghệ thuật khi đã đạt tới đỉnh điểm thì rất hay. Nhưng đầy bất trắc! Cụ thở dài – Mà cậu có biết bài *Tiếng sáo thiên thai* của ông Thế Lữ không? Ông ấy viết

tài lắm! Nhưng tôi cho là vẫn chưa vươn tới được cái hồn phách của tiếng sáo đêm kia, tôi được nghe ông Lưu thổi trước lúc ra đi. Thế mới biết, các ông nghệ sĩ muốn viết hay, chỉ còn cách là phải lăn lộn với đời.

Tôi buồn quá, chỉ nghe cụ bạn vong niên của mình nói, chứ chẳng thừa thốt lời nào.

Đám ma của ông Lưu “Sáo” thế mà đông lắm! Kể như là mọi người phố tôi đều đi đưa đám cả. “Nghĩa tử là nghĩa tận!” Các cụ ta xưa mới thâm thúy làm sao !

Bảo Lộc, Tháng xá tội vong nhân năm 2003.

Vô tích sự

- Các ông thì làm cái đích gì? Những là vu vơ, ngơ ngẩn... được mỗi cái chấp hành giờ giấc.

- Cái thằng! Tôi trợn mắt nhìn nó.

- Tôi nói sai à? Ông ngồi với tôi đã cả tiếng đồng hồ, ngoài việc nhìn giờ và ngáp vặt, ông làm cái gì?

Nó nói lại đúng mới khổ! Thằng Phúc làm tràn lên trong tôi nỗi chán ngán, có lẽ đã thành muôn thuở của cái anh công chức tỉnh lẻ. Đúng là tôi đang trong tâm trạng trống rỗng, vẩn vơ ngồi chờ tiếng keng rời nhiệm sở. Cái tâm trạng này có trong tôi từ bao giờ? Tôi không còn nhớ được. Nó còn kéo dài đến khi nào? Tôi giật mình! Có lẽ cái đáng sợ nhất trong lứa tuổi tôi, mà có khi của cả nhân loại là sự tự gặm nhấm mình trong nhàm chán. Khát vọng cứ chìm dần! Sao lại thế? Thật

không thể hiểu nổi! Tôi đang là bác sĩ của một khoa có tầm quan trọng vào bậc nhất nhì bệnh viện cơ mà! Thực ra thì không hẳn vì câu nói của thằng Phúc, tôi mới nhận ra tâm trạng mình bấy lâu nay. Nhưng, một thằng như nó mà nói thế với tôi thì đáng sợ thật. Bất giác, cái đoạn văn trong tờ “Ong đất”, một tờ báo của đất nước Bungari lại nghiền ngấu tôi. Tôi cứ tưởng tượng, liên hệ, rồi... khổ sở vì cái lời lẽ trong đó: “...Ai cũng có việc làm nhưng không ai làm việc. Ai cũng không làm việc nhưng ai cũng có lương. Ai cũng có lương nhưng không ai đủ sống. Ai cũng không đủ sống nhưng ai cũng sống. Ai cũng sống nhưng không ai hài lòng. Ai cũng không hài lòng nhưng ai cũng giơ tay “Đồng ý”. Cuộc sống của đất nước tận bên trời tây xa xôi kia, sao mà hao hao giống cuộc sống ở ta đến thế. Có thể họ hơn ta ở khoản “Ai cũng có việc làm!” Nhưng, làm như thế thì cũng ích gì? Cái hội chứng “tự gặm nhấm mình” ở đất nước ấy chắc cũng tràn lan! Nhưng ngẫm lại thì thấy vẫn còn hơn là không có việc làm. Vẫn hơn chán vạn phải thất nghiệp. “Gặm nhấm mình” như tôi, trong cái “vỏ bọc” mà cả xã hội phải tôn trọng. Hay thật! Bởi ta kém họ ở cái khoản “ai cũng có việc làm”, nên loại người như thằng Phúc ở ta sao mà nhiều thế!

Tôi bỗng thấy sợ cho thằng em trai. Loại người có chút tư cách, mà phải sống như nó hiện tại thì đáng lo lắm. Nó không “đủ sức” buông thả, không thể để người

ta coi thường, sai khiến như thằng Phúc được. Học hết phổ thông. Đi bộ đội. Giải ngũ về nhà. Nó đã làm xong nghĩa vụ thiêng liêng của một thanh niên với tổ quốc. Bây giờ thì không nghề nghiệp, thời buổi khó khăn này biết tìm đâu ra việc làm? Mấy năm rồi nó sống trong mặc cảm của kẻ ăn bám, cứ tự ti, thất thần. Khổ thân em tôi! Đúng ra thì nó cũng ở trong một tổ chức sản xuất. Nhưng, xã viên một hợp tác xã thủ công nghiệp như nó... thì, thu nhập còn tẻ hơn nhiều, so với một kẻ thất nghiệp như thằng Phúc. Mà, người làm việc trong thành phần kinh tế tập thể lâu nay bị đời coi thường lắm. Một kiểu "Công dân hạng hai!" Có ra gì cái anh "hợp tếch!" Làm ăn gì mà cả năm không lương, gạo thì lại giá cao. Nó chán, bỏ ra làm cái anh quản lý chợ. Nhưng, làm cái anh quản lý chợ xã thì làm cái đếch gì, ngoài việc mỗi ngày chấp tay sau đít rảo quanh chợ; thỉnh thoảng ra tay dàn hoà một trận ẩu đả của mấy con mẹ hàng tôm hàng cá; hay "tót" được một tên trộm vặt nhờ nghề v. v... Ôi, tôi thương thằng em tôi quá! Tôi đâu phải gặm nhấm mình trong nỗi nhàm chán, dù đồng lương có hao hao giống số phận của những người mà tờ báo "Ong đất" kia đề cập, nhưng vẫn được đều đặn ký sổ lĩnh lương hàng tháng, đều đặn "Không đủ sống nhưng vẫn sống"! Tội nghiệp em tôi, cũng mang tiếng là đi làm mà thu nhập chẳng đủ tiền hút thuốc. Tuổi nó mà cuộc sống còn phải phụ thuộc thì khổ nhục lắm. Hỏi rằng nó không chán sao được?

Những lần nói chuyện với nó khiến tôi lo lắng. Mở miệng là nó kêu chán đời. Một anh bộ đội xuất ngũ như nó, mà tư tưởng ra đến nông nổi thế thì đáng sợ thật. Nó đang đòi cái nhu cầu tối thiểu của con người là việc làm, là được trả công đúng với sức lao động. Cái nhu cầu tối thiểu, lương thiện thế mà xem ra khó quá. Tôi thương nó! Tôi nói với nó về tương lai của một khu công nghiệp, hay một khu kinh tế mở nào đó mà dạo này tôi vẫn nghe thiên hạ rì rầm truyền tai nhau qua các “hãng thông tấn vĩa hè” thì nó phẩy tay, chẳng nói gì. Nó đang mất lòng tin. Tôi chẳng biết phải nói với nó thế nào, nhưng cầu mong, sự đổi mới về đường lối kinh tế của tỉnh nhà ít nhất cũng đem lại công ăn việc làm thực sự cho những người như nó, để em tôi được sống trở lại với chính mình. Thế mới biết, việc làm đối với con người ta quan trọng đến thế nào. Hình như đây cũng là cái lằn ranh giữa lương thiện và tội ác. Cũng như tôi, nếu phải sống trong sự nhàm chán mãi thì sẽ là rất nguy hiểm. Chính tôi cũng không thể giải thích nổi sự vô tích sự bấy lâu nay của mình. Một cái gì đó cứ phủ lên, nén lại, tất cả cứ lùng nhùng như bị nhốt trong cái hồ lô bắt yêu quái của ông địa tiên trong truyện Tây Du Ký. Mọi hoạt động cứ lừ đừ, cầm chừng, ấỵ nhưng báo cáo tổng kết cuối năm xem ra lại rất nhiều thành tích. Lạ thật! Cái hoài bão về một công trình nghiên cứu y học của tôi có nguy cơ chìm dần trong những sự vụ lặt vặt hàng ngày. Nhưng ác

thay, đấy lại chính là những tiêu chuẩn để bình xét và đánh giá con người. Những người làm công tác khoa học như tôi mà tư cách lại được nhìn nhận một cách nực cười như thế, hỏi có vô lý không? Nhưng, xét cho cùng thì tôi là kẻ không vượt qua được chính mình. Tôi bất tài! Người bất tài như tôi mà vẫn nghiêm nhiên đều đặn hàng tháng lĩnh lương, đều đặn được xét khen thưởng và nhiều khả năng còn được đề bạt cất nhắc, thử hỏi có vô lý không? Nhưng. Đời cũng dễ gì tránh được sự vô lý! Như cái thằng Phúc kia chẳng hạn, nó luôn mồm lâu lâu là bị sinh ra từ sự vô lý đấy thôi. "Phúc đâu!" - Tôi buột miệng gọi nó như thói quen của những người trong viện. Phúc ngẩng nhìn, chẳng thèm trả lời. Nó đang hí hoáy gầy dất ở kẽ móng chân bằng một mảnh tre, tước ra từ que kem mà người ăn vất bữa bãi trong bệnh viện.

Cái thói quen gầy dất ở kẽ móng chân của thằng Phúc có nét gì bất tiện, thiếu giáo dục, khiến tôi rất khó chịu. Khổ nỗi nó lại hay làm cái việc ấy ngay trong phòng làm việc của tôi. Đúng là trêu ngươi! Thằng Phúc gầy ngẳng, người cao lêu đêu như cây sậy. Kể cũng hay! Trong xã hội có một loại người mà bất cứ ai cũng có thể gọi là "Thằng". Và, nếu ai đó vô tình gọi khác đi thì hình như lại là cái sự không "phải phép". Thằng Phúc thuộc loại người đó. Mà, hình như nó cũng không thèm quan tâm người ta gọi nó thế nào. Những "Thằng" như thế thường thì ít ai để ý đến gốc tích. Mà để ý làm gì! Nó từ đâu đến? Nó ăn ở ra làm

sao? Kệ nó! Người ta chỉ nhớ đến nó khi có công việc cần sai khiến và, nếu thấy vắng nó lâu lâu cũng thấy hơi bị buồn! Nhưng đối với thằng Phúc thì có lẽ chẳng cần phải hỏi cũng biết nguồn gốc. Mái tóc vàng và tròn con người mắt thì biêng biếc thế kia, sống mũi lại cao và thẳng đến thế thì đích thị là một sản phẩm không thuần Việt. Hồi mới giải phóng, những cái mặt như nó ở các tỉnh phía Nam này nhiều lắm. Rồi thì vượt biên trái phép. Rồi thì những tấm lòng trắc ẩn của những ông bố ở tận bên kia quả đất rút dần chúng nó đi. Chuyện thằng Phúc vì sao vẫn chưa qua bên kia quả đất, thỉnh thoảng người ta cũng nói tới. Cũng mỗi người nói một cách, nên chẳng biết lối nào mà lần. Thằng Phúc đã có lần trợn mắt, bảo: “Đếch biết! Mà hỏi làm đếch gì? Hay hớm, tình nghĩa đếch gì ! Tao là đứa con của sự vô lý. Chúng nó sướng lên thì có tao!” Quả đất này sẽ nặng thêm nhiều lắm, nếu còn tiếp tục có những đứa con gọi người sinh thành ra mình là “Chúng nó”. Tôi ngán ngẩm nhìn thằng Phúc.

Thằng Phúc mặc nhiên được coi như “Người của bệnh viện”. Tôi về đây thì đã thấy nó thế rồi. Nó ra vào các khoa, việc này, việc nọ luôn tay. Phúc sống bằng tiền “bo” của các nhân viên y tế, và cả tiền “bo” của những quán bán hàng ngoài cổng bệnh viện. Tôi vẫn thấy nó khi thì xách xô nước, lúc lại quét dọn theo sự sai khiến của các bà chủ quán. Được cái nó làm việc nhiệt tình và luôn vui vẻ, nên ai cũng thích. Trong bệnh viện cũng

vậy, nó lăn bình ôxy, khiêng giường, khiêng cáng là cứ luôn xoành xoạch. Kể cả cái việc đun nước pha trà cho mấy ông bác sỹ, nó cũng lăn vào làm. Đây là cái đạo trước, gần đây nó khác lắm. Sáng nay nó để mạnh hai bạch máu lên bàn làm việc của tôi, nhắm nhắm:

- Ông Tình bên khoa ngoại đang cần hai bạch máu O. Đây!

- Ở đâu ra thế này? Tôi tròn mắt nhìn nó.

- Cần đểch gì phải biết? Ông sợ “zỏm” thì kiểm tra đi.

Tôi kiểm tra và mừng quỳnh vì chất lượng máu. Chẳng kịp nói gì với nó, tôi cầm máu xuống khoa ngoại.

Thằng Phúc đã tỏ ra coi thường tôi. Một lần vừa gẩy đất ở kê móng chân, nó vừa nhắm nhắm: “Ông thì biết đểch gì? Cái bệnh viện này tôi biết từ khi còn nằm trong tã lót” Giời ạ! Lại một kiểu “công thần”. Nhưng nó nói cũng có phần đúng. Đây là bệnh viện được xây dựng trên nền tảng của một trạm quân y dã chiến thời mưa bom bão đạn. Người ta kể rằng một cô y tá tên Hương nào đó, nhặt được thằng Phúc trong bụi rậm gần trạm. Có lẽ lúc đó nó mới chào đời được vài tiếng đồng hồ. Chẳng ai có thể vô tâm, trước một sinh linh như thế. Nó được nuôi nấng, sống dật dẹo và gần với trạm cho đến khi “lên đời” thành bệnh viện như bây giờ. Thế thì nó “công thần” với tôi cũng có cái lý của nó! Nhưng cũng còn một nguyên nhân khác, mà tôi cho đây mới là cái

nguyên nhân cơ bản để nó coi thường một bác sỹ như tôi. Thật trớ trêu, thời gian này hầu như toàn bộ nguồn cung cấp máu cho cấp cứu bệnh nhân lại phụ thuộc vào nó. Nói thì bảo nói láo, nhưng sự thật lại ra cái nông nổi ấy mới oái oăm. Đúng là tôi cũng chỉ còn biết... cười. Chẳng hiểu tài ba thế nào, mà thời gian này thằng Phúc lập được hẳn một “ngân hàng máu sống”. Loại máu gì, cần bao nhiêu, kể cả đêm hôm nó cũng có ngay. Giữa cái thời khó khăn, tranh tối tranh sáng này cũng chẳng ai quan tâm đến nguồn máu nó lấy bằng cách nào? Ở đâu? Cứ có máu đủ tiêu chuẩn để cứu sống bệnh nhân là tốt rồi. Bởi, bệnh viện thì luôn trong tình trạng thiếu máu cấp cứu. Cho nên người ta đón nhận lượng máu mà thằng Phúc mang tới một cách rất tự nhiên. Hình như người ta cứ lơ mơ hiểu rằng đó là một dịch vụ có sẵn rồi, chu đáo lắm rồi! Từ ngày có cái dịch vụ của thằng Phúc, dân “làng me” (bán máu) đến phòng làm việc của chúng tôi thưa hẳn đi. Phòng chúng tôi vốn đã vắng vẻ, thời gian này thật sự trầm hẳn xuống. Thực ra có vào đây bán được máu cũng rất khó khăn. Giấy nợ giấy kia, có khi phải châu chực làm thủ tục cả tuần lễ. Tôi còn nghe dân “làng me” ta thán là bán được một bịch máu cho bệnh viện, trừ lệ phí cửa, làm luật ... còn lại chẳng bao nhiêu. Thật khổ! Dân... rồi tôi cũng lơ mơ hiểu cách làm của thằng Phúc, với cái “ngân hàng” máu của nó. Thằng này ranh ma thật, nó đã thu hút hết khách hàng tự đến phòng

của chúng tôi. Nhưng kệ! Bệnh viện là của nhà nước. Đã ai mất mát cái gì mà phải rợn lên. Mà có muốn, tôi cũng chẳng biết phải làm thế nào để khiến họ tự nguyện đến bệnh viện cho máu. “Cửa” của nó thoáng hơn chúng tôi nhiều. Trong tôi lại dấy lên nỗi chua chát, bác sỹ như tôi thời này thật chẳng bằng một thằng như cái thằng Phúc.

Phúc đã lấy vợ. Trong bộ đồ tươm tất, nó dẫn vợ vào phòng tôi một buổi sáng. Nó nháy mắt, bảo tôi :

- Dân “làng me” cả đấy! Được không ?

Phải nói là vợ nó trông được. Xinh nữa ấy chứ. Tôi thầm cầu mong cho nó tránh được cái kiểu “Vợ nhặt” của ông nhà văn Kim Lân.

Theo lời mời, tối ấy tôi đến “uống nước” với vợ chồng nó. Đường đi ngoằn ngoèo, cuối cùng cũng đến một căn phòng của cái công trình xây dựng dở dang mà người ta đã bỏ hoang từ lâu. Một căn phòng nham nhở nhưng được cái kín đáo, trần đã đổ bê tông. Nhà nó đấy! Tôi giật mình vì số dân cư đông đúc ở kín các khu hành lang hoang phế này. Thì ra thằng Phúc đã tụ tập dân “làng me” về đây. Điều này hoàn toàn nằm ngoài sức tưởng tượng của tôi. Cái ngân hàng máu sống của nó cũng từ đây. Có điều tôi không hiểu nó học cách đánh giá tình trạng sức khỏe của dân “me” thế nào, mà khi kiểm tra máu lại chuẩn đến thế. Kể cũng đáng khâm phục. Tối ấy nhà nó đông lắm. Dân “làng me” cứ là vui như tết! Xem

ra nó được hàng xóm ở đây nể trọng lắm. Trong cái ồn ào say sưa ấy, cứ ran lên những lời chúc mừng anh hai, chị hai. Tôi cũng biết một vài người trong số này, vì có vài lần họ đến nài nỉ cho bán máu, nhưng bây giờ thì họ đã chẳng thèm để ý đến sự có mặt của tôi.

*

* *

Đã gần tuần nay thằng Phúc nằm bẹp ở nhà. Khổ thân nó! Vợ nó đã bỏ đi. Nghe đâu là theo một thằng lái xe đường dài, về mãi miền Tây rồi. Thế là lời thề cầu mong của tôi cho nó đã không được ứng nghiệm. Nó vẫn không sao tránh khỏi điều tệ hại theo cái lối “Vợ nhạt” của ông nhà văn Kim Lân. Tôi cứ vẫn vợ nghĩ về nó suốt trong ca trực đêm. Không biết vợ chồng nó đã xảy ra xung đột gì, mà con vợ dùng dùng khăn gói bỏ đi? Dưng mà, cái sự bỏ chồng theo trai của một con đàn bà thì biết lối nào mà lần? Tôi thì tôi nghĩ, có lẽ con vợ thằng Phúc đã quá chán cái thân thể dặt dẹo, cái tính bần tiện của nó rồi. Không có nhẽ cái thân thể đang phơi phới thanh xuân kia, cứ mãi xoáy vào cái vòng bán máu bán me? Tôi đang miên man nghĩ ngợi thì chợt tiếng chuông điện thoại reo gắt lên, cắt ngang ý nghĩ của tôi.

- Ít nhất là hai bạch máu B. Ông cầm ngay xuống cứu sản phụ bị băng huyết.

- Máu B! làm gì có! Đêm hôm thế này thì kiếm đâu ra?

Tôi nói vậy nhưng cũng vội bỏ ống nghe, lao đến nhà thằng Phúc.

Thằng Phúc đang nằm ngửa như thằng chết rồi, hai mắt thao láo nhìn trần nhà.

- Máu me đéch gì ! Nó cần nhân như thằng mất hồn.

- Máu! Phải có máu không sản phụ chết mất. Băng huyết! Băng huyết mà hiểu không? Tôi quát lên.

- Cái gì! Sản phụ à? Phụ nữ và trẻ con à! Thằng Phúc vùng khỏi giường, tỉnh hẳn.

- Đúng! Phụ nữ và trẻ con – Tôi nhấn lại.

- Nhóm nào?

- Nhóm máu B.

- Chết mẹ rồi! Làm đéch gì còn nhóm ấy! Mặt nó đỏ ra trông rất khổ sở. Nó đi đi lại lại, rồi gay gắt hỏi lại.

- Nhóm B phải không?

- Đúng! Nhóm máu B.

- Thế thì đây rồi! Nó reo lên. Gạt phất tôi ra khỏi cửa, vừa lao ra ngoài vừa hét: Lấy máu trong người tôi!

Tôi chờ dẫn ... rồi co chân chạy theo nó lao về phía bệnh viện.

Bảo Lộc 4/2004.

Mục lục

	Trang
Bông cầm chương dựng nghiêng	5
Hóa giải	18
Nợ	38
Khai bút	48
Chung ngô	60
Hạnh	76
Chuyện bạn tôi	91
Lão Khuếch	103
Ký ức một miền rừng	115
Mẹ tôi	127
Cõi người ta	137
Vô tích sự	156

Vô tích sự
NGUYỄN KHƯƠNG TRUNG
(Tập truyện ngắn)

NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ
179 Lý Chính Thắng - Quận 3 - TP.HCM
ĐT: (08) 9316435 - 8249528 - 5260124
Fax: (08) 9316435
Email: nxbvannghe@vnn.vn
Website: www.nxbvannghe.com.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản :

Nguyễn Đức Bình

Biên tập :

Trương Gia Hòa

Sửa bản in :

Nguyễn Kiến Phúc

Trình bày :

Lâm Đệ Hùng

Bìa :

Nguyễn Tài

Liên kết xuất bản: TÁC GIẢ

In nổi bản số lượng: 500 cuốn, khổ 13 x 19cm. Tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt

Số đăng ký KHXB: 491- 2007/CXB/17 - 26/VNTP.HCM.

QĐXB số: 301/QĐ.in.XBVN ngày 30 tháng 7 năm 2007.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 8 năm 2007.

25.000d 2